

Số: 0203-2025/CBTT-HAH

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2025

## CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM

- Tên tổ chức : CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ HẢI AN
- Mã chứng khoán : HAH
- Địa chỉ : Tầng 7, số 45, Phố Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : 024.39877515
- Fax : 024.39444022
- Email : [info@haiants.vn](mailto:info@haiants.vn)

2. Nội dung thông tin công bố:

*"Báo cáo thường niên năm 2024" của Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An.*

- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 12/03/2025 tại đường dẫn [www.haiants.vn](http://www.haiants.vn).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2024

Người được ủy quyền công bố thông tin




Nguyễn Ngọc Minh



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

ANNUAL REPORT

2024

 84-24-39877515

 [www.haiants.vn](http://www.haiants.vn)

# DẤU MỐC QUAN TRỌNG

## Company Milestones (2009-2019)

### 2019



Mua tàu container HAIAN MIND.  
*Purchasing vessel - MV "HAIAN MIND".*



Mở tuyến Hải phòng - Hồng Kông - Nam Trung Quốc.  
*Opening HPH - HKG - South China service.*

### 2017



Chính thức trở thành Tổng đại lý cho hãng tàu SM Line - Hàn Quốc.  
*Officially became General Agent in Viet Nam for SM Line Corporation (Korea).*



Thành lập Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An.  
*Hai An Freight Forwarding JSC was established.*

### 2015



Mua tàu container HAIAN TIME.  
*Purchasing vessel - MV "HAIAN TIME".*



Thành lập Công ty TNHH Vận tải Container Hải An.  
*Hai An Container Transport Co.Ltd., was established.*



Chính thức niêm yết trên sàn chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) với mã cổ phiếu: HAH.  
*Officially listed on the Ho Chi Minh stock exchange (HOSE) with stock code: HAH.*

### 2013



Khai trương tuyến vận tải container nội địa tuyến Hải Phòng - TP. Hồ Chí Minh.  
*Grand opening Domestic Liner Container Service: HPH - HCM.*

### 2010



Thành lập Công ty TNHH Cảng Hải An, ngày 12/12/2010 Cảng Hải An chính thức đi vào hoạt động.  
*Hai An Port Co.Ltd., was established and Hai An terminal was officially put in operation on 12/12/2010.*

### 2018



Mua tàu container HAIAN LINK.  
*Purchasing vessel - MV "HAIAN LINK".*



Liên doanh với Pantos Holding (Hàn Quốc) thành lập Công ty TNHH Pan Hải An.  
*Signed Joint Venture Contract with Pantos Holding Inc. (Korea) to establish: Pan Hai An Co.Ltd.,*



Mua tàu container HAIAN BELL.  
*Purchasing vessel - MV "HAIAN BELL".*

### 2016



Khai trương tuyến Liner vào Cảng Cái Mép.  
*Grand opening Liner service to CAIMEP Port.*

### 2014



Mua tàu container đầu tiên mang tên HAIAN PARK.  
*Purchasing 1 vessel - MV "HAIAN PARK".*

### 2012



Thành lập Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An.  
*Hai An Agency and Logistics Co.Ltd., was established.*



Thành lập Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Hải An.  
*Hai An General Services JSC was established.*

### 2009



Thành lập Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An, sau đổi tên là Công ty CP Vận tải và Xếp dỡ Hải An.  
*Hai An Transport and Stevedoring Co.Ltd., was established, later renamed to Transport and Stevedoring JSC.*



Khởi công xây dựng Cảng Hải An.  
*Starting construction of Hai An Port.*

# DẤU MỐC QUAN TRỌNG

## Company Milestones (2020-2024)

### 2024



Lễ công bố hợp tác đầu tư với các Quỹ đầu tư lớn trong việc phát hành thành công 500 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ: JSEAFF, DSVGF, VGIF và SSIAM.

*Announced investment cooperation with major investment funds in successfully issuing 500 billion VND in privately placed convertible bonds: JSEAFF, DSVGF, VGIF and SSIAM.*



Tiếp nhận thành công 3 tàu đóng mới còn lại mang tên: HAIAN BETA, ANBIEN SKY, HAIAN OPUS.

*Successfully received the remaining three newly built vessels: HAIAN BETA, ANBIEN SKY, and HAIAN OPUS*



Vốn điều lệ Công ty tăng lên 1.055 tỷ đồng.

*The Company's charter capital increased to VND 1,055 billion.*



Công ty nhận bàn giao tàu container 1.800 TEU đóng mới đầu tiên mang tên HAIAN ALFA

*The company took delivery of its first newly built 1,800 TEU container ship, HAIAN ALFA*

### 2022



Mở tuyến Hải Phòng – Nansha, Hải Phòng – Qinzhou (Trung Quốc)  
*Opening HPH – Nansha & HPH – Qinzhou (China)*



Mua tàu container ANBIEN BAY, HAIAN CITY và tàu A ROKU  
*Purchased vessel – MV "ANBIEN BAY", "HAIAN CITY" & "A ROKU"*



Đầu tư 350 vỏ container mới loại 20' tại Tập đoàn Hòa Phát.

*Invested in 350 new 20' containers from Hoa Phat Group.*



Nhận bàn giao thành công tàu container 3.500 TEU, HAIAN GAMA

*Successfully took delivery of the 3,500 TEU container vessel, HAIAN GAMA.*

### 2023



Liên doanh với Zim thành lập Lotus Link mở tuyến chạy thẳng Việt Nam – Malaysia - Ấn Độ: Hải Phòng - TP. HCM - Port Kelang - Kattupalli – Chu Lai - TP. HCM - Hải Phòng.

*Joint venture with Zim to establish Lotus Link, launching a direct shipping route between Vietnam, Malaysia, and India: Hai Phong - Ho Chi Minh City - Port Kelang - Kattupalli - Chu Lai - Ho Chi Minh City - Hai Phong.*



Khai trương dịch vụ khai thác container tại Cảng Quốc tế Long An.

*Inauguration of container handling services at Long An International Port.*

### 2021



Mua tàu container HAIAN EAST và HAIAN WEST  
*Purchasing vessel - MV "HAIAN EAST" & MV "HAIAN WEST".*

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

### ANNUAL REPORT

HAI AN TRANSPORT AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Năm báo cáo: 2024

Report year: 2024

#### I. Thông tin chung/ General information

##### 1. Thông tin khái quát/ General information

- Tên công ty/ *Company name* : Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An  
*Hai An Transport and Stevedoring Joint Stock Company*
- Giấy chứng nhận đăng ký DN số/ *Business Registration Certificate No.:* : 0103818809 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 08 tháng 05 năm 2009, thay đổi lần thứ 17 ngày 05 tháng 07 năm 2024  
*0103818809 issued by the Hanoi Department of Planning and Investment on May 8, 2009, amended for the 17th time on July 5, 2024.*
- Vốn điều lệ/ *Charter capital* : 1.213.430.910.000 đồng  
*(Bằng chữ: Một nghìn hai trăm mười ba tỷ bốn trăm ba mươi triệu chín trăm mười nghìn đồng)*  
*1,213,430,910,000 VND*  
*(In words: One trillion two hundred thirteen billion four hundred thirty million nine hundred ten thousand Vietnam dong)*
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Owner's capital* : 1.213.430.910.000 đồng  
*1,213,430,910,000 VND*
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address* : tầng 7, số 45, phố Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội  
*7<sup>th</sup> Floor, No. 45 Trieu Viet Vuong Street, Nguyen Du Ward, Hai Ba Trung District, Hanoi, Vietnam*
- Điện thoại/ *Telephone* : (84-24) 3987 7515
- Fax : (84-24) 3974 4022
- Website : [www.haiants.vn](http://www.haiants.vn)
- Mã chứng khoán/ *Securities code* : HAH

**2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Business lines and locations of the business:****- Ngành nghề kinh doanh chính/ Main Business lines:**

- + Xây dựng và cung cấp các dịch vụ cảng biển: Bốc xếp, lưu giữ hàng hóa, ....  
*Developing and providing seaport services: Cargo handling, storage, etc.*
- + Vận tải hàng hóa bằng đường biển  
*Freight transportation by sea*
- + Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Kinh doanh vận tải đa phương thức.  
*Freight transportation by road. Engaging in multimodal transportation business.*
- + Dịch vụ logistics.  
*Logistics services.*
- + Dịch vụ đại lý vận tải biển.  
*Marine transportation agency services.*

**- Địa bàn kinh doanh/ Location of business:** Hà Nội, Hải Phòng, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng và tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu...**3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ Information about governance model, business organization and managerial apparatus****3.1 Mô hình quản trị của công ty/ Governance model:** Đại hội đồng cổ đông; Ban Kiểm soát; Hội đồng Quản trị; Tổng Giám đốc/ *General Meeting of Shareholders, Board of Control, Board of Directors, General Director.***- Đại hội đồng cổ đông/ General Meeting of Shareholders**

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty có nhiệm vụ thông qua các báo cáo của HĐQT về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư, tiến hành thảo luận thông qua, bổ sung sửa đổi Điều lệ Công ty; thông qua các chiến lược phát triển; bầu, bãi nhiệm HĐQT, Ban Kiểm soát, và quyết định bộ máy tổ chức của Công ty và các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

*The General Meeting of Shareholders is the highest authority of the Group, responsible for approving the Board of Directors' reports on business operations, deciding on business and investment plans, discussing and approving amendments to the Group's Charter, endorsing development strategies, appointing and dismissing members of the Board of Directors and the Board of Control, determining the Group's organizational structure, and performing other duties as stipulated by the Law on Enterprises.*

**- Hội đồng quản trị (HĐQT)/ Board of Directors (BOD)**

Hội đồng quản trị là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do ĐHCĐ bầu ra gồm 7 thành viên, các thành viên HĐQT nhóm họp và bầu Chủ tịch HĐQT. Hội đồng quản trị nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty theo quy định trong Điều lệ Công ty.

*The Board of Directors is the highest managerial body of the Group, elected by the General Meeting of Shareholders, consisting of 7 members. The members of the Board of Directors convene to elect the Chairman of the Board. On behalf of the Group, the Board of Directors decides on all matters related to the Group's objectives and interests as stipulated in the Group's Charter.*

HĐQT có trách nhiệm bổ nhiệm, giao nhiệm vụ, giám sát Ban Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHCĐ quy định. HĐQT của Công ty bao gồm các thành viên sau:

*The Board of Directors is responsible for appointing, assigning tasks to, and supervising the Executive Board and other management personnel. The rights and obligations of the Board of Directors are defined by law, the Group's Charter, internal regulations, and resolutions of the General Meeting of Shareholders. The Group's Board of Directors consists of the following members:*

Ông Vũ Thanh Hải <i>Mr. Vu Thanh Hai</i>	Chủ tịch HĐQT <i>Chairman</i>
Bà Trần Thị Hải Yên <i>Ms. Tran Thi Hai Yen</i>	Thành viên HĐQT độc lập <i>Member of BOD</i>
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn <i>Mr. Nguyen Ngoc Tuan</i>	Thành viên HĐQT <i>Member of BOD</i>
Ông Phạm Quang Khánh <i>Mr. Pham Quang Khanh</i>	Thành viên HĐQT <i>Member of BOD</i>
Ông Trần Tiến Dũng <i>Mr. Tran Tien Dung</i>	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 05/03/2024) <i>Member of BOD (Dismissed on March 5, 2024)</i>
Ông Nguyễn Đức Kiên <i>Mr. Nguyen Duc Kien</i>	Thành viên HĐQT <i>Member of BOD</i>
Ông Nguyễn Văn Trúc <i>Mr. Nguyen Van Truc</i>	Thành viên HĐQT <i>Member of BOD</i>
Ông Lê Anh Minh <i>Mr. Le Anh Minh</i>	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 26/04/2024) <i>Member of BOD (Appointed on April 26, 2024)</i>

- **Ban Kiểm soát (BKS)/ Board of Control (BOC)**

Ban kiểm soát là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông theo quy định trong Điều lệ của Công ty. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Hiện tại, Ban Kiểm soát của Công ty gồm 03 thành viên do ĐHCĐ bầu ra và bãi miễn. Ban kiểm soát của Công ty bao gồm:

*The Board of Control is the body responsible for monitoring and reviewing the reasonableness and legality of the Group's management, business operations, and the recording of accounting and financial records to ensure the legitimate interests of shareholders, as stipulated in the Group's Charter. The Board of Control operates independently from the Board of Directors and the Executive Board. Currently, the Board of Control consists of 3 members elected and dismissed by the General Meeting of Shareholders. The Group's Board of Control includes:*

Bà Nguyễn Thị Thanh Tú	Trưởng ban
<i>Ms. Nguyen Thi Thanh Tu</i>	<i>Head of BOC</i>
Bà Trần Thị Thom	Kiểm soát viên
<i>Ms. Tran Thi Thom</i>	<i>Member of BOC</i>
Ông Bùi Việt Phương	Kiểm soát viên (miễn nhiệm ngày 05/03/2024)
<i>Mr. Bui Viet Phuong</i>	<i>Member of BOC (Dismissed on March 5, 2024)</i>
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Kiểm soát viên (bổ nhiệm ngày 26/04/2024)
<i>Mr. Nguyen Manh Hung</i>	<i>Member of BOC (Appointed on April 26, 2024)</i>

- **Ban Tổng Giám đốc/ Board of Management**

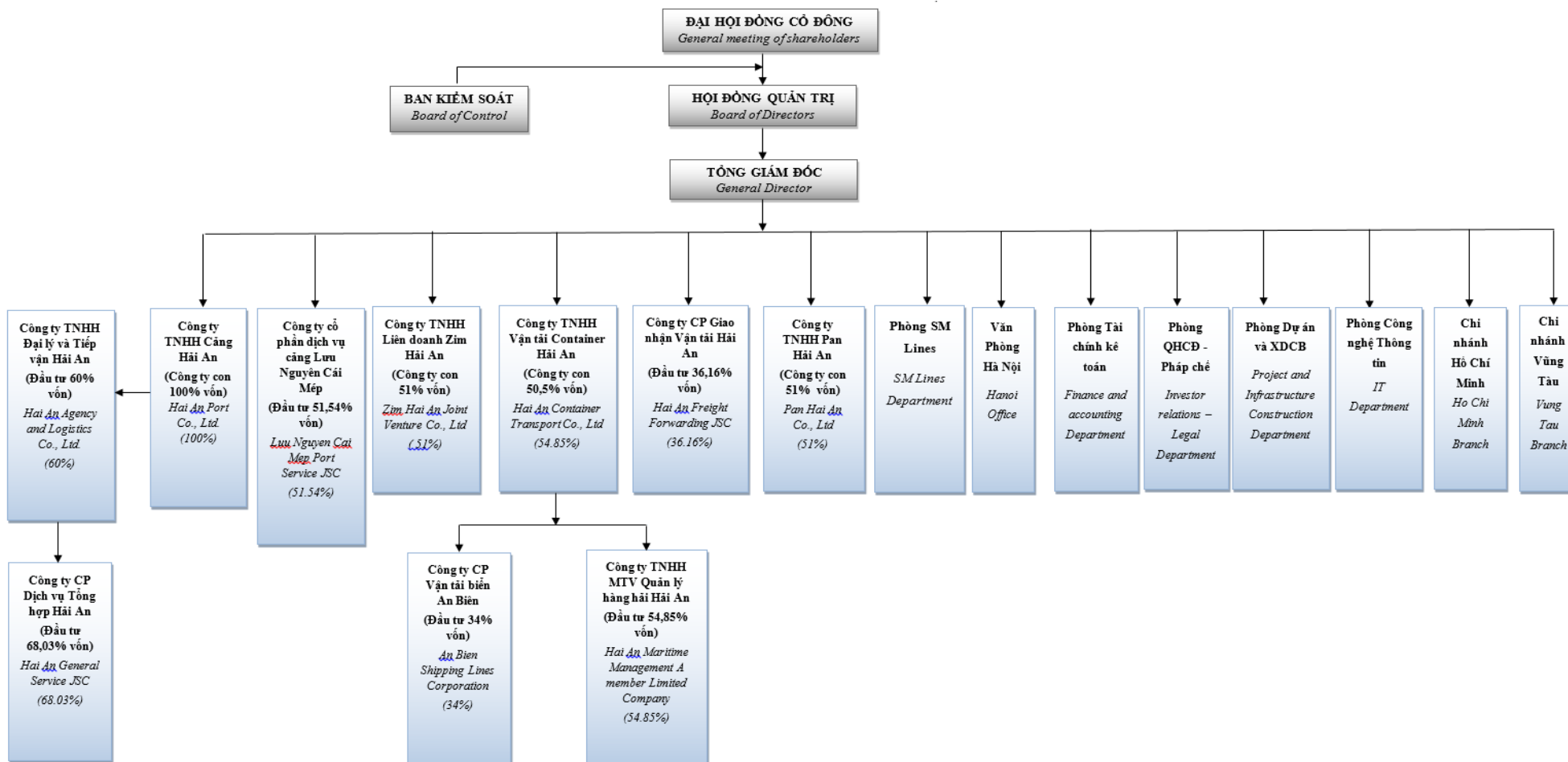
Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người đại diện theo pháp luật của Công ty, là người điều hành công việc sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban TGD Công ty bao gồm:

*The General Director, appointed by the Board of Directors, is the legal representative of the Group and is responsible for managing the Group's daily business operations. The General Director is accountable to the Board of Directors and the law for the Group's business activities. The Group's Board of Management includes:*

Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Tổng Giám đốc
<i>Mr. Nguyen Ngoc Tuan</i>	<i>General Directors</i>
Ông Vũ Doãn Hạnh	Phó Tổng giám đốc
<i>Mr. Vu Doan Hanh</i>	<i>Deputy General Directors</i>
Ông Phạm Quang Khánh	Phó Tổng giám đốc
<i>Mr. Pham Quang Khanh</i>	<i>Deputy General Directors</i>
Bà Trần Thị Thanh Hào	Kế toán trưởng Công ty
<i>Ms. Tran Thi Thanh Hao</i>	<i>Chief accountant</i>



### 3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý/ Management structure



- Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, Associated companies:*

<b>TT No.</b>	<b>Công ty Company</b>	<b>Quan hệ Relationship</b>	<b>Vốn điều lệ Charter capital</b>	<b>Ngành nghề kinh doanh chính Main business activities</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/2024 Ownership percentages on December 31,2024</b>	<b>Trụ sở Head office</b>
1	Công ty TNHH Cảng Hải An <i>Hai An Port Co.,Ltd</i>	Công ty con <i>Subsidiary</i>	30.000.000.000 đồng	Khai thác cảng, cung cấp dịch vụ bốc xếp, giao nhận, kho bãi, vận chuyển đường bộ ... <i>Port operation, cargo handling services, freight forwarding, warehousing, and road transportation.</i>	100%	Tầng 1, tòa nhà Hải An, Km+2 đường Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam <i>1<sup>st</sup> Floor, Hai An Building, Km2 Dinh Vu Road, Dong Hai 2 Ward, Hai An District, Hai Phong City</i>
2	Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An <i>Hai An Agency and Logistics Co.,Ltd</i>	Công ty con gián tiếp <i>Indirect subsidiary</i>	75.000.000.000 đồng	- Tổ chức vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương, đại lý vận tải đường biển, logistics. <i>Organizing coastal and ocean freight transportation, maritime transportation agency services, and logistics.</i>	60%	Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km+2 đường Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam <i>5<sup>th</sup> Floor, Hai An Building, Km2 Dinh Vu Road, Dong Hai 2 Ward, Hai An District, Hai Phong City</i>



TT No.	Công ty Company	Quan hệ Relationship	Vốn điều lệ Charter capital	Ngành nghề kinh doanh chính Main business activities	Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/2024 Ownership percentages on December 31,2024	Trụ sở Head office
				<p>- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa và các hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải....</p> <p><i>Inland waterway freight transportation and other supporting services related to transportation.</i></p>		
3	Công ty cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An (HAGS) <i>Hai An General Service JSC</i>	Công ty con gián tiếp <i>Indirect subsidiary</i>	10.000.000.000 đồng	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, bốc xếp hàng hóa, kho bãi và lưu giữ hàng hóa... <i>Road freight transportation, cargo handling, warehousing, and storage</i>	40,82%	Tầng 3, tòa nhà Hải An, Km+2 đường Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam <i>3<sup>rd</sup> Floor, Hai An Building, Km2 Dinh Vu Road, Dong Hai 2 Ward, Hai An District, Hai Phong City</i>



TT No.	Công ty Company	Quan hệ Relationship	Vốn điều lệ Charter capital	Ngành nghề kinh doanh chính Main business activities	Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/2024 Ownership percentages on December 31,2024	Trụ sở Head office
4	Công ty TNHH Vận tải Container Hải An <i>Hai An Container Transport Co., Ltd</i>	Công ty con <i>Subsidiary</i>	200.000.000.000 đồng	- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương <i>Coastal and ocean freight transportation.</i> - Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa... <i>Inland waterway freight transportation.</i>	54,85%	Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km+2 đường Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam <i>5<sup>th</sup> Floor, Hai An Building, Km2 Dinh Vu Road, Dong Hai 2 Ward, Hai An District, Hai Phong City</i>
5	Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An <i>Hai An Freight Forwarding JSC</i>	Công ty liên kết <i>Subsidiary</i>	33.050.000.000 đồng	- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương (bao gồm cho thuê tàu khai thác và thuyền viên) <i>Coastal and ocean freight transportation (including vessel chartering and crew management).</i>	36,16%	Văn phòng 3B, tầng 3, tòa B, tòa nhà Green Pearl, số 378 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng <i>Room 3B, 3<sup>rd</sup> Floor, Block B, Green Pearl Building, No. 378 Minh Khai, Vinh Tuy Ward, Hai Ba Trung District</i>



TT No.	Công ty Company	Quan hệ Relationship	Vốn điều lệ Charter capital	Ngành nghề kinh doanh chính Main business activities	Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/2024 Ownership percentages on December 31,2024	Trụ sở Head office
				<ul style="list-style-type: none"><li>- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa <i>Inland waterway freight transportation.</i></li><li>- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa <i>Warehousing and storage of goods.</i></li></ul>		
6	Công ty TNHH Pan Hải An <i>Pan Hai An Co., Ltd</i>	Công ty con <i>Subsidiary</i>	273.770.000.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"><li>- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Dịch vụ kho bãi, bãi container và lưu giữ hàng hóa <i>Warehousing and storage of goods</i> <i>Details: Warehouse services, container yard services, and goods storage.</i></li></ul>	51%	Tầng 6, tòa nhà Hải An, Km+2 đường Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam <i>6<sup>th</sup> Floor, Hai An Building, Km2 Dinh Vu Road, Dong Hai 2 Ward, Hai An District, Hai Phong City</i>



TT No.	Công ty Company	Quan hệ Relationship	Vốn điều lệ Charter capital	Ngành nghề kinh doanh chính Main business activities	Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/2024 Ownership percentages on December 31,2024	Trụ sở Head office
				<p>- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa Chi tiết: Dịch vụ vận tải hàng hóa và công-ten-nơ bằng đường thủy nội địa <i>Inland waterway freight transportation</i> Details: Freight and container transportation services via inland waterways.</p>		
7	Công ty cổ phần vận tải biển An Biên <i>An Bien Shipping Lines Corporation</i>	Công ty liên kết của công ty con <i>Associate of subsidiary</i>	250.000.000.000 đồng	<p>- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương <i>Coastal and ocean freight transportation.</i></p>	18,65%	Lô đất KB2.11 KCN MP Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam <i>Lot KB2.11 Mp Dinh Vu Industrial Park, Dong Hai 2 Ward, Hai An District, Haiphong City</i>



TT No.	Công ty Company	Quan hệ Relationship	Vốn điều lệ Charter capital	Ngành nghề kinh doanh chính Main business activities	Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/2024 Ownership percentages on December 31,2024	Trụ sở Head office
8	Công ty TNHH Liên doanh Zim Hải An <i>Zim Hai An Joint Venture Co., Ltd</i>	Công ty con <i>Subsidiary</i>	46.110.000.000 đồng	- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương <i>Coastal and ocean freight transportation.</i>	51%	Tầng 02, Tòa nhà Đình Vũ Plaza thuộc Khu dịch vụ cuối tuyến Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng <i>2<sup>nd</sup> Floor, Dinh Vu Building in Dinh Vu Terminal Service Area, Dong Hai 2 Ward, Hai An District, Haiphong City</i>
9	Công ty TNHH Một thành viên quản lý hàng hải Hải An <i>Hai An Maritime Management a Member Limited Company</i>	Công ty con gián tiếp <i>Indirect subsidiary</i>	9.000.000.000 đồng	- Cung ứng và quản lý nguồn lao động <i>Labor supply and management.</i>	54,85%	Tầng 1, tòa nhà Hải An, Km2 đường Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng <i>1<sup>st</sup> Floor, Hai An Building, Km2 Dinh Vu Road, Dong Hai 2 Ward, Hai An District, Hai Phong City</i>

#### 4. Định hướng phát triển/ *Development orientations*

##### a) Nhận định thị trường giai đoạn 2025 – 2026/ *Market outlook for the 2025-2026 period*

Nhìn chung, thị trường vận tải biển nói chung và vận tải container nói riêng trong năm 2025 sẽ có sự biến động cả tích cực lẫn tiêu cực do tiếp tục bị chịu ảnh hưởng của các bất ổn địa chính trị, cũng như sự thay đổi về các chính sách khi tổng thống Trump đắc cử tổng thống Hoa Kỳ:

*Overall, the maritime transport market in general and the container shipping market in particular in 2025 are expected to experience both positive and negative fluctuations. These fluctuations will be driven by ongoing geopolitical uncertainties as well as policy changes following the election of President Trump in the United States.*

- Tiếp tục dư thừa công suất do cung vẫn tiếp tục tăng. Năm 2024, tổng công suất tàu container toàn cầu ghi nhận tăng thêm 10% và dự kiến sẽ tiếp tục tăng thêm 7% trong năm 2025. Trong khi đó nhu cầu dự báo sẽ tăng trưởng thấp hơn 3,5% so với tăng trưởng nguồn cung, tạo áp lực lên giá cước vận tải.

*Continued overcapacity due to supply growth. In 2024, the total global container ship capacity increased by 10% and is expected to grow by another 7% in 2025. Meanwhile, demand is projected to grow at a lower rate, trailing supply growth by 3.5%, putting pressure on freight rates.*

- Theo Maersk – Công ty vận tải biển và hậu cần hàng đầu thế giới, dự báo khối lượng vận tải toàn cầu sẽ tăng từ 5-7% trong năm tới, nhờ nhu cầu mạnh mẽ từ Mỹ, quốc gia đang đối mặt với nguy cơ đình công tại các cảng và chính sách áp thuế đối với hàng nhập khẩu.

*According to Maersk, a leading global shipping and logistics company, global transport volume is expected to increase by 5-7% next year, this growth is driven by strong demand from the U.S., which is facing potential port strikes and implementing tariff policies on imports.*

- Các bất ổn địa chính trị xảy ra từ những điểm nóng trên toàn thế giới vẫn chưa thể kết thúc sớm, tiếp tục gây ảnh hưởng trực tiếp đến nền kinh tế toàn cầu.

*Geopolitical tensions in global hotspots show no signs of ending soon, continuing to have a direct impact on the global economy.*

##### b) Định hướng kinh doanh - phát triển của Công ty/ *Business Development Orientation of the Group*

Căn cứ diễn biến thị trường nêu trên và kế hoạch đầu tư, phát triển dài hạn, Công ty xác định định hướng kinh doanh trong thời gian tới như sau:

*Based on the market developments mentioned above and the long-term investment and development plan, the Group outlines its business orientation for the upcoming period as follows:*

- Đối với đội tàu phải tiếp tục phấn đấu tăng thị phần vận tải container và phạm vi hoạt động trên tuyến nội địa bằng việc tăng số chuyến và các cảng ghé mới, mở thêm các tuyến



Nội Á (Đông Nam Á, Đông Bắc Á và Trung Đông) bằng hình thức hợp tác khai thác tuyến với các đối tác nước ngoài cũng như sử dụng Công ty Liên Doanh, khai thác đội tàu hiệu quả nhất thông qua việc áp dụng linh hoạt tỉ lệ tàu được Công ty tự khai thác và cho thuê định hạn, tiết kiệm chi phí để đảm bảo cho đội tàu hoạt động có lãi. Với việc vừa tiếp nhận 04 tàu đóng mới với sức chở 1.800 TEU loại “SDARI Bangkok Max IV” trong năm 2024, Công ty sẽ nâng cao năng lực vận tải cũng như tìm kiếm các đối tác phù hợp (các hãng tàu nước ngoài) để hợp tác khai thác chung, trao đổi chỗ trên các tuyến nội Á nhằm từng bước mở rộng khai thác các tuyến nội Á.

- *Regarding the Fleet: The Group must continue to strive to increase the market share of container transportation and expand the operating range on domestic routes by increasing the number of trips and new port calls. Additionally, open more Intra-Asia routes (Southeast Asia, Northeast Asia, and the Middle East) through line cooperation with foreign partners, and by utilizing the Joint Venture Company. The most efficient fleet operation will be achieved through flexible application of the ratio of self-operated and chartered vessels to save costs and ensure profitability. With the recent delivery and acceptance of four new vessels with capacity of 1.800 TEU, type SDARI Bangkok Max IV, in 2024, the Group will enhance its transportation capacity and seek suitable partners (foreign shipping lines) for joint operation, sharing slots on intra-Asia routes to gradually expand intra-Asia operations.*
- Đối với các doanh nghiệp Khai thác Cảng, Depot và Logistics phải phấn đấu đạt lợi nhuận cao hơn năm 2024 bằng việc tăng năng suất lao động và tiết giảm chi phí.
- *Regarding Port, Depot, and Logistics Enterprises: The goal is to achieve higher profits than in 2024 by increasing labor productivity and reducing costs.*
- Tiếp tục mua các tàu thích hợp khi có cơ hội để tăng năng lực, chất lượng cho đội tàu đồng thời tích cực tìm kiếm và đầu tư vào các dự án hạ tầng nhằm hoàn thiện chuỗi cung ứng cho Công ty, phấn đấu đến năm 2025 tăng sản lượng vận tải nước ngoài lên 30% - 40% tổng sản lượng vận tải hàng năm của đội tàu.
- *Continue to purchase appropriate vessels when opportunities arise to enhance capacity and quality for the fleet. Actively seek and invest in infrastructure projects to complete the Company's supply chain, striving to increase international transportation volume to 30% - 40% of the fleet's annual transportation volume by 2025.*
- Tập trung thực hiện “số hóa” cho hoạt động quản lý - kinh doanh toàn bộ đội tàu.
- *Concentrate on "digitalization" for the management and business operations of the entire fleet.*

## **5. Các nhân tố rủi ro/ Risks:**

### **5.1 Rủi ro về kinh tế/ Economic Risks**

Môi trường kinh tế với những nhân tố cơ bản như tốc độ tăng trưởng kinh tế, chỉ số lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... là yếu tố khách quan nhưng tác động trực tiếp đến sự phát triển của mọi ngành sản xuất, dịch vụ cũng như mọi doanh nghiệp. Hoạt động sản xuất

kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng trực tiếp từ những biến động vĩ mô nói trên của nền kinh tế, đặc biệt là kinh tế thế giới do Công ty hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ vận tải và khai thác cảng.

*The economic environment, with fundamental factors such as economic growth rate, inflation rate, interest rates, and exchange rates, is an objective element that directly impacts the development of all production and service industries as well as every business. The Group's business operations are directly affected by these macroeconomic fluctuations, particularly those in the global economy, as the Group operates in the fields of transportation services and port operations.*

a) **Tăng trưởng kinh tế/ Economic Growth**

GDP cả năm 2024 tăng 7,09% so với năm trước. Đây là mức tăng trưởng cao trong năm gần đây (chỉ sau năm 2022).

*The GDP for the entire year of 2024 increased by 7.09% compared to the previous year. This is the highest growth rate in the past five years, second only to 2022.*

GDP khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2024 tăng trưởng 3,27% mặc dù chịu ảnh hưởng của thiên tai, bão lũ.

*The GDP of the agriculture, forestry, and fisheries sector grew by 3.27% in 2024 despite the impacts of natural disasters and storms.*

Trong khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp phục hồi tích cực và tăng trưởng mạnh mẽ so với năm 2023. Cấu phần công nghiệp có mức tăng trưởng ấn tượng +8,32%, nhờ sự hồi phục mạnh mẽ từ xuất nhập khẩu.

*In the industrial and construction sector, the industry experienced a strong recovery and robust growth compared to 2023. The industrial component recorded an impressive growth rate of +8.32%, driven by a strong rebound in exports and imports.*

Dịch vụ vẫn giữ tỷ trọng cao nhất và đóng góp lớn nhất trong tăng trưởng GDP (tăng 7,38%). Một số ngành dịch vụ thị trường có tỷ trọng lớn, đóng góp quan trọng vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế như: bán buôn và bán lẻ tăng 7,96% so với năm trước; ngành vận tải, kho bãi tăng 10,82%; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 7,11%; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 9,76%.

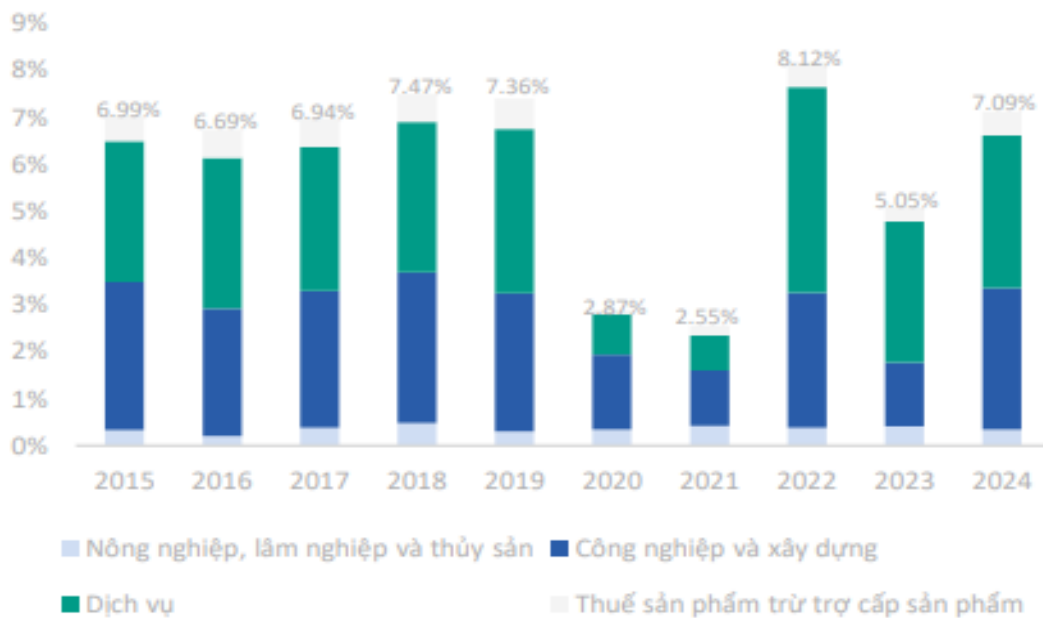
*The services sector maintained the highest share and contributed the most to GDP growth, increasing by 7.38%. Several major market service industries played a crucial role in the overall economic value-added growth: Wholesale and retail trade grew by 7.96% year-over-year. Transportation and warehousing increased by 10.82%. Financial, banking, and insurance activities expanded by 7.11%. Accommodation and food services rose by 9.76%.*

Về cơ cấu nền kinh tế năm 2024, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 11,86%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 37,64%; khu vực dịch vụ chiếm 42,36%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 8,14%. (Như đồ thị dưới đây)

*In terms of the economic structure for 2024, the agriculture, forestry, and fisheries sector accounted for 11.86%. The industrial and construction sector accounted for 37.64%. The services sector accounted for 42.36%. Taxes on products, excluding product subsidies, accounted for 8.14%. (As shown in the chart below)*

**Đồ thị tăng trưởng GDP Việt Nam hàng năm**

*Annual GDP growth graph of Vietnam*



Là một Công ty hoạt động trong ngành dịch vụ cảng biển, vận tải biển và logistics, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty chịu tác động trực tiếp bởi tình hình sản xuất công nghiệp và thương mại trong nước và quốc tế. Do đó, tốc độ tăng trưởng kinh tế là một chỉ báo quan trọng không những phản ánh tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mà còn là công cụ quan trọng để Công ty dự báo các chiến lược phát triển trung và dài hạn.

*As a company operating in the port services, maritime transport, and logistics sectors, the Group's business performance is directly influenced by domestic and international industrial production and trade conditions. Therefore, the economic growth rate is a crucial indicator, not only reflecting the Group's business performance but also serving as an important tool for forecasting medium- and long-term development strategies.*

**b) Lạm phát/ Inflation**

Áp lực tăng vừa phải khi các yếu tố đầu vào có xu hướng giảm giá.

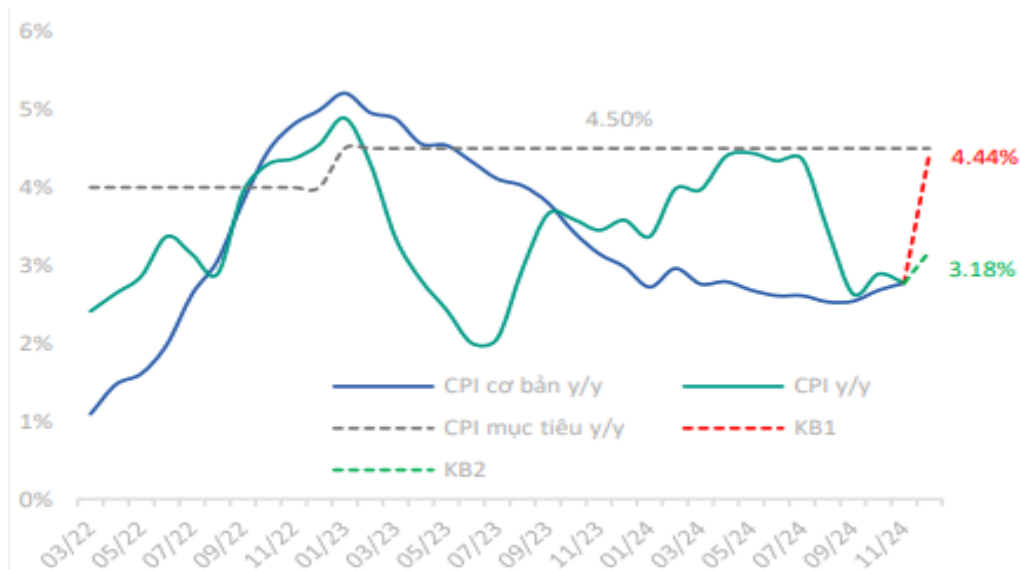
*Moderate upward pressure as input costs tend to decline.*

CPI bình quân quý IV/2024 tăng 2,87%, CPI bình quân năm 2024 tăng 3,63% so với năm 2023. Lạm phát cơ bản tháng 12/2024 tăng 2,85% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân năm 2024, lạm phát cơ bản tăng 2,71% so với năm 2023, thấp hơn mức tăng CPI bình quân chung (3,63%), chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm, điện sinh hoạt, dịch vụ giáo dục, dịch vụ y tế là yếu tố tác động làm tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.

*The average CPI in Q4/2024 increased by 2.87%, while the annual average CPI for 2024 rose by 3.63% compared to 2023. Core inflation in December 2024 increased by 2.85% year-over-year. On average, core inflation for 2024 grew by 2.71% compared to 2023, lower than the overall average CPI increase (3.63%). This discrepancy is mainly due to the impact of rising prices in food, electricity, education, and healthcare services, which are excluded from the core inflation calculation.*

### Diễn biến CPI Việt Nam

*Vietnam CPI developments*



Đối với doanh nghiệp dịch vụ cảng và vận tải biển như HAH, chỉ số lạm phát ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua chi phí đầu vào, đặc biệt là giá xăng dầu và giá nhân công. Bên cạnh đó, tình hình lạm phát cũng ảnh hưởng đến khối doanh nghiệp sản xuất hàng xuất nhập khẩu - những khách hàng sử dụng dịch vụ của Công ty. Để giảm thiểu ảnh hưởng của lạm phát đến hoạt động, Công ty luôn chủ động tăng cường các hoạt động kiểm soát định mức chi phí và quản lý biến động giá cả đầu vào.

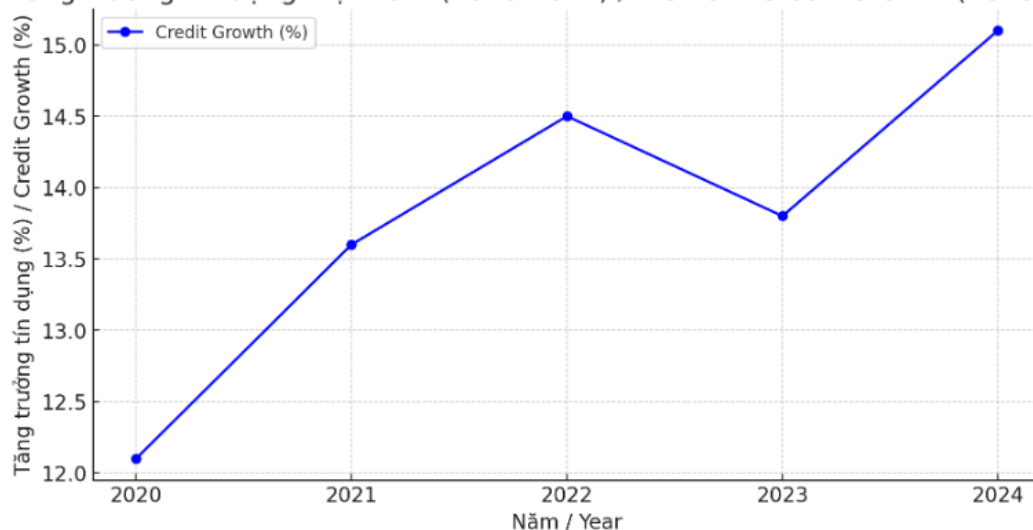
*For a port and shipping service company like HAH, the inflation rate impacts business operations through input costs, particularly fuel prices and labor costs. Additionally, inflation affects manufacturing enterprises engaged in import-export activities, which are key customers of the Group. To mitigate the impact of inflation, the Group proactively strengthens cost control measures and manages input price fluctuations.*

c) **Ngân hàng - Lãi suất/ Bank - Interest rates**

Tăng trưởng tín dụng có sự hồi phục từ tháng 05/2024, trong khi tăng trưởng huy động ở mức thấp so với tăng trưởng tín dụng. Tính đến cuối tháng 12/2024, tăng trưởng tín dụng đạt 15,08%, tăng trưởng huy động đạt 9,1%. NHNN tiếp tục giữ các mức lãi suất điều hành trong khi lãi suất thế giới vẫn ở mức cao, qua đó tạo điều kiện hỗ trợ nền kinh tế.

*Credit growth began to recover from May 2024, while deposit growth remained low compared to credit growth. As of the end of December 2024, credit growth reached 15.08%, while deposit growth stood at 9.1%. The State Bank of Vietnam (SBV) continued to maintain its policy interest rates, despite globally high interest rates, thereby supporting the economy.*

Tăng trưởng tín dụng Việt Nam (2020-2024) / Vietnam Credit Growth (2020-2024)



Mức lãi suất ảnh hưởng tương đối với Công ty do công ty có thực hiện vay vốn tại các Ngân hàng trong năm qua để đầu tư vào các tàu container đóng mới, cũng như các dự án phát triển khác.

*Interest rates have a relative impact on the Group, as it has taken out bank loans over the past year to invest in newly built container vessels and other development projects.*

d) **Tỷ giá hối đoái/ Exchange rates**

Tỷ giá USD/VND trung bình năm 2024 tăng khoảng 5% do: (1) Chỉ số DXY duy trì ở mức cao bởi việc cắt giảm lãi suất chậm hơn của FED so với các Ngân hàng trung ương lớn khác trên toàn cầu; (2) Nhu cầu USD trong nước phục vụ cho hoạt động thương mại

tăng vọt kể từ cuối quý 2/2024; (3) Giá vàng tăng, nguồn cung vàng trong nước hạn chế, một lượng tiền Đồng chảy qua kênh vàng. Cùng với đó, việc giá vàng trong nước cao hơn giá vàng thế giới, đã kích hoạt nhu cầu USD cho hoạt động buôn lậu vàng.

*The average USD/VND exchange rate in 2024 increased by approximately 5% due to: (1) The DXY index remained high as the Federal Reserve (FED) cut interest rates more*



*slowly than other major central banks worldwide; (2) Domestic demand for USD surged from late Q2/2024 to support trade activities; (3) Rising gold prices and limited domestic gold supply led to capital outflows into the gold market. Additionally, the higher domestic gold price compared to global prices triggered increased USD demand for gold smuggling activities.*

### **Diễn biến tỷ giá USD/VND**

#### *Exchange rate developments*

Tuy nhiên do đặc thù của công ty, nguồn nguyên vật liệu có sẵn trong nước mà không phải nhập khẩu nên tác động của biến động tỷ giá lên nguồn nguyên liệu đầu vào là không có. Mặc dù vậy, Công ty hiện đang vay ngoại tệ để đầu tư mua sắm tài sản cố định.

*However, due to the Group's specific operations, raw materials are sourced domestically rather than imported, meaning exchange rate fluctuations have no impact on input materials. Nevertheless, the Group currently has foreign currency-denominated loans for fixed asset investments.*

## **5.2 Rủi ro về pháp luật/ Legal Risks**

Rủi ro về luật pháp là rủi ro mang tính hệ thống, có ảnh hưởng chung đến toàn ngành. Những thay đổi trong chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ đều có những tác động nhất định đến hoạt động của công ty.

*Legal risks are systemic risks that generally affect the entire industry. Changes in the government's macroeconomic management policies have certain impacts on The Group's operations.*

Hoạt động dưới sự điều chỉnh của pháp luật Việt Nam, Công ty chịu nhiều rủi ro do hệ thống pháp luật chưa chặt chẽ và còn nhiều quy định phức tạp. Bất kỳ điều chỉnh nào trong những quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định khác liên quan đến ngành nghề hoạt động kinh doanh của công ty đều có ảnh hưởng và tác động đến hoạt động và kết quả kinh doanh của công ty. Để giảm thiểu rủi ro về luật pháp, Công ty luôn duy trì việc cập nhật các quy định pháp luật mới đối với toàn bộ công nhân viên, đồng thời sẽ tham khảo thêm với các tổ chức tư vấn luật pháp khi cần thiết.

*Operating under the jurisdiction of Vietnamese law, the Group faces numerous risks due to an incomplete legal system with many complex regulations. Any amendments to the Enterprise Law, Securities Law, or other regulations related to the Group's business activities may influence and affect the Group's operations and business results. To mitigate legal risks, the Group consistently updates its employees on new legal regulations and consults with legal advisory organizations when necessary.*

### **5.3 Rủi ro đặc thù ngành/ Industry-Specific Risks**

#### **a) Rủi ro ngành/ Industry Risks**

Hoạt động kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng trực tiếp bởi chính sách quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu biên mậu giữa Việt Nam và các nước khác bao gồm chính sách thuế, phí và chính sách kiểm dịch, an toàn vệ sinh và kiểm tra các tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa, chính sách quản lý đặc thù đối với mỗi loại hàng hóa trong từng thời kỳ...

*The Group's business operations are directly influenced by the border trade management policies for imports and exports between Vietnam and other countries. This includes policies on taxes, fees, quarantine, hygiene and safety regulations, quality control standards, and specific management policies for each type of goods during different periods.*

Năm 2024, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 786,29 tỷ USD, tăng 15,4% so với năm trước. Trong đó xuất khẩu tăng 14,3%, nhập khẩu tăng 16,7%. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 24,77 tỷ USD. Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực như điện tử, máy tính và linh kiện; điện thoại và linh kiện; máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác; dệt may; giày dép và gỗ duy trì vị trí dẫn đầu.

*In 2024, the total import and export turnover reached USD 786.29 billion, an increase of 15.4% compared to the previous year. Exports grew by 14.3%, while imports rose by 16.7%. The trade balance recorded a surplus of USD 24.77 billion. Key export items, such as electronics, computers and components; mobile phones and parts; machinery, equipment, and spare parts; textiles; footwear; and wood, maintained their leading positions.*

Chính phủ tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ xuất khẩu thông qua các chương trình xúc tiến thương mại và hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu như tài trợ chi phí tham gia hội chợ, hỗ trợ tìm kiếm thị trường mới. Ngoài ra, các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong nước về thuế, tín dụng và đào tạo nguồn nhân lực cho lĩnh vực xuất, nhập khẩu cũng đã giúp cải thiện hiệu quả hoạt động của ngành.

*The government continues to implement policies supporting exports through trade promotion programs and assistance for exporting businesses, such as funding participation in trade fairs and supporting market expansion efforts. Additionally, policies that assist domestic businesses in areas like taxation, credit, and workforce training for the import-export sector have helped improve the efficiency of the industry.*

Có thể thấy nhờ hỗ trợ của Nhà nước về các chính sách xuất nhập khẩu, thuế... mà từ đó các mặt hàng xuất nhập khẩu tăng mạnh tạo điều kiện cho hoạt động vận tải và logistics của Công ty.

*It is clear that with the government's support through import-export policies, taxes, and other measures, there has been a significant increase in trade volumes. This, in turn, has created favorable conditions for The Group's transportation and logistics operations.*

**b) Rủi ro giá nhiên liệu/ Fuel Price Risks**

Do hoạt động ngành giao thông vận tải và giao nhận hàng hóa nên hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng bởi tăng giảm giá nhiên liệu. Tuy nhiên do xăng dầu phụ thuộc hoàn toàn vào tình hình thế giới, Công ty chỉ có thể điều chỉnh giá dịch vụ một cách tương ứng và phù hợp với thị trường.

*As The Group operates in the transportation and freight forwarding industry, its activities are impacted by fluctuations in fuel prices. However, since fuel prices are entirely dependent on global market conditions, The Group can only adjust its service prices correspondingly and in line with market trends.*

**c) Rủi ro cạnh tranh/ Competition Risks**

Ngày 14/04/2013, dự án xây dựng cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng - Lạch Huyện chính thức được khởi công xây dựng. Cuối năm 2024, một số bến container tại khu vực này đang hối hả tăng cường nguồn lực để sớm đưa vào khai thác trong năm 2025. Những bến cảng mới sắp được đưa vào khai thác tại cảng Lạch Huyện trong đầu năm 2025 sẽ giúp nâng cao năng lực hàng hóa thông qua cảng biển Hải Phòng. Theo thống kê của Cảng vụ Hàng hải Hải Phòng, 5 năm qua, sản lượng hàng hóa qua cảng container quốc tế Tân Cảng Hải Phòng (TC-HICT) với 2 bến tại Lạch Huyện đã tăng từ hơn 431.000 Teu vào năm 2019 lên hơn 1,4 triệu Teu (tính tới đầu tháng 12/2024). Sau khi cảng Lạch Huyện được đưa vào khai thác sẽ tạo ra sức ép cạnh tranh đối với hệ thống các cảng khu vực Đình Vũ, Bạch Đằng, Sông Cấm, Sông Tranh nói chung và đối với cảng Hải An nói riêng.

*On April 14, 2013, the construction project for the Hai Phong International Gateway Port - Lach Huyen officially began. By the end of 2024, several container terminals in*



*the area are working intensively to enhance their resources and are expected to be operational in 2025. The new terminals at Lach Huyen Port, set to be operational in early 2025, will help increase the cargo handling capacity of Hai Phong's seaport. According to Hai Phong Maritime Port Authority statistics, over the past five years, cargo throughput at Tan Cang Hai Phong International Container Port (TC-HICT) with two terminals at Lach Huyen has grown from over 431,000 TEUs in 2019 to over 1.4 million TEUs (as of early December 2024). Once Lach Huyen Port is fully operational, it will create competitive pressure on the regional ports, including Dinh Vu, Bach Dang, Song Cam, Song Tranh, and specifically on Hai An Port.*

Công ty đang phải đối mặt với tình trạng cạnh tranh về giá giữa các cảng trong khu vực Hải Phòng. Các doanh nghiệp cùng ngành sẵn sàng giảm 20% giá hoặc chấp nhận lỗ để thu hút khách hàng.

*The Group is facing price competition among ports in the Hai Phong area. Industry competitors are willing to reduce prices by up to 20% or even accept losses in order to attract customers.*

Đây chính là những thách thức lớn và rủi ro trong cạnh tranh đối với cảng Hải An trong giai đoạn hiện nay. Tuy nhiên Ban lãnh đạo doanh nghiệp đã thấy rõ các thách thức này và đã chủ động đầu tư tàu container và tổ chức tuyến vận tải container nội địa nhằm đảm bảo công việc cho cảng Hải An. Với việc phát triển tuyến vận chuyển container nội địa và hợp tác với các hãng vận tải container nước ngoài duy trì các tuyến vận chuyển container ngắn (Feeder) nhằm đảm bảo “đầu vào” cho cảng, chắc chắn hiệu quả kinh doanh của Công ty sẽ được đảm bảo. Trong năm 2025 và các năm sau, Công ty sẽ tiếp tục tìm kiếm, đầu tư hệ thống cảng biển, kho bãi tại miền Trung và đồng bằng sông Cửu long, có thể hoàn chỉnh chuỗi Logistics của mình bao gồm Vận tải container, Khai thác cảng container và Cung cấp dịch vụ thu gom (Consolidation), phân phối (Distribution) và thông quan (Custom Clearance) cho hàng hóa vận chuyển bằng container tại hai khu vực chính của đất nước là Hải Phòng - Hà Nội và Vũng Tàu - Hồ Chí Minh.

*These are significant challenges and risks in the competition faced by Hai An Port in the current period. However, The Group's leadership has clearly recognized these challenges and proactively invested in container vessels and organized domestic container transport routes to ensure operations at Hai An Port. By developing domestic container transport routes and cooperating with foreign container shipping companies to maintain short feeder routes, the Group ensures a steady "inflow" of cargo for the port. This strategy will undoubtedly secure The Group's business performance. In 2025 and the following years, the Group will continue to seek and invest in port and warehouse systems in the Central region and the Mekong delta, potentially completing its logistics chain, including container transport, container port operations, and providing consolidation, distribution, and customs clearance services for containerized cargo in the two main regions of the country: Hai Phong - Hanoi and Vung Tau - Ho Chi Minh City.*

**II. Tình hình hoạt động trong năm/ Operations in the Year****1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ Situation of production and business operations****1.1. Về hoạt động cảng biển/ Regarding seaport operations**

Đơn vị: TEU

Unit: TEU

	<b>Kế hoạch năm 2024</b> 2024 Plan	<b>Thực hiện năm 2024</b> 2024 Performance	<b>Tỷ lệ</b> Percentage
<b>Tổng sản lượng khai thác cảng</b> <i>Total volume of port operation</i>	467.000	549.229	117,61%
<b>- Bốc xếp hàng xuất nhập khẩu</b> <i>Handling of Import and Export Cargo</i>	202.000	230.265	113,99%
<b>- Bốc xếp hàng nội địa</b> <i>Handling of Domestic Cargo</i>	265.000	318.964	120,36%

Hoạt động vận tải nội địa và khai thác cảng tăng trưởng mạnh trong năm 2024. Tổng sản lượng container thông qua khu vực Hải Phòng đạt 7,3 triệu TEU, tăng 16% so với năm 2023. Trong đó sản lượng thông qua hàng hóa nội địa đạt gần 1,1 triệu TEU, tăng 3% so với năm 2023.

*Domestic transport and port operations saw strong growth in 2024. The total container throughput in the Hai Phong area reach 7.3 million TEU, an increase of 16% compared to 2023. Of this, domestic cargo throughput will reach nearly 1.1 million TEU, an increase of 3% compared to 2023.*

Năm 2024, Cảng Hải An khai thác 350 chuyến tàu với tổng sản lượng đạt khoảng 549.000 TEUs, tăng 17% so với kế hoạch được giao.

*In 2024, Hai An Port will handle 350 vessel calls with a total throughput of approximately 549,000 TEUs, an increase of 17% compared to the assigned plan.*

**1.2. Về hoạt động vận tải/ Regarding transportation operations**

	<b>Kế hoạch năm 2024</b> <i>2024 Plan</i>	<b>Thực hiện năm 2024</b> <i>2024 Performance</i>	<b>Tỷ lệ</b> <i>Percentage</i>
<b>Tổng sản lượng khai thác tàu</b> <i>Total volume of vessel operation</i>	597.000	605.900	101,49%

Trong năm 2024, thế giới tiếp tục có những diễn biến phức tạp về địa chính trị, bao gồm cuộc chiến kéo dài giữa Nga và Ukraine, xung đột tại Trung Đông giữa Israel và Hamas dẫn tới căng thẳng leo thang tại khu vực Biển Đỏ tiếp tục kéo dài. Những sự kiện này đã gây ra nguy cơ đáng kể về sự đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu và ảnh hưởng nghiêm trọng đến các tuyến vận chuyển hàng hải quan trọng. Nền kinh tế thế giới tiếp tục khó khăn, chậm hồi phục đặc biệt là khu vực châu Âu.

*In 2024, the world continued to experience complex geopolitical developments, including the prolonged conflict between Russia and Ukraine, and the conflict in the Middle East between Israel and Hamas leading to escalating tensions in the Red Sea region. These events have posed significant risks to the disruption of global supply chains and have severely affected important maritime shipping routes. The global economy continued to struggle, with slow recovery, particularly in Europe.*

Dù vậy, ngành vận tải biển vẫn cho thấy sự phục hồi mạnh mẽ. Tổng sản lượng vận tải container qua các cảng biển toàn cầu ước tính tăng khoảng 7%. Ban đầu, cước biển và giá thuê tàu có xu hướng giảm, nhưng đến cuối năm, cả hai chỉ số này đã phục hồi và ghi nhận mức tăng trưởng tích cực.

*However, the sea transport industry still showed strong recovery. The total container transport volume through global sea terminals was estimated to increase by around 7%. Initially, ocean freight rates and charter rates tended to decline, but by the end of the year, both indices had recovered and recorded positive growth.*

Một yếu tố quan trọng không thể bỏ qua là giá dầu, mặc dù duy trì ở mức ổn định nhưng vẫn neo ở mức giá cao. Điều này đã có tác động lớn đến hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp vận tải biển, khi chi phí nhiên liệu chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí hoạt động.

*An important factor that cannot be overlooked is the price of oil, which, although stable, remained at a high level. This had a significant impact on the business efficiency of sea transport corporations, as fuel costs constitute a large proportion of total operating costs.*

Nhìn chung, năm 2024 là một năm đầy thách thức nhưng cũng đầy cơ hội đối với ngành vận tải container toàn cầu, với các yếu tố kinh tế và địa chính trị đan xen tạo ra một bức tranh phức tạp.

*Overall, the year of 2024 was a year full of challenges but also opportunities for the global container transport industry, with intertwined economic and geopolitical factors creating a complex picture.*

Kết quả bầu cử Tổng thống ở Mỹ cũng dẫn tới những chính sách thương mại sẽ có nhiều thay đổi trong năm 2025 với xu hướng không tích cực, làm cho thị trường Vận tải nhiều thách thức và mong manh.

*The results of the US presidential election also led to many changes in trade policies in the year of 2025 with a negative trend, making the transport market more challenging and fragile.*

Đối với hoạt động của đội tàu Hải An: Tổng sản lượng năm 2024 đạt 605.900 bằng 139% so với cả năm 2023 và đạt 109% kế hoạch năm 2024, trong đó:

+ Sản lượng nội địa đạt: 403.839 TEUs ~ 102% kế hoạch năm 2024, và tăng 21% so với cả năm 2023.

+ Sản lượng hàng ngoại đạt: 202.061 TEUs ~ 99,05% kế hoạch năm 2024 và tăng 92% so với cả năm 2023 do sự đóng góp của tuyến đi Singapore hợp tác với ONE (đưa vào khai thác từ tháng 1/2024, đạt 85.911 TEUs).

*For the operations of Hai An fleet: the total volume in 2024 reached 605,900 TEUs, 139% compared to the entire year of 2023 and 109% of the 2024 plan, including:*

+ *Domestic volume reached: 403,839 TEUs ~ 102% of the 2024 plan, and increased by 21% compared to the entire year of 2023.*

+ *Foreign volume reached: 202,061 TEUs ~ 99.05% of the 2024 plan and increased by 92% compared to the entire year of 2023 due to the contribution of the route to Singapore in cooperation with ONE (put into operation from January 2024, reaching 85,911 TEUs).*

## 2. Tổ chức nhân sự/ Organization and Human resource

### 2.1 Danh sách Ban điều hành/ List of the Board of Management:

STT No.	Họ tên Full Name	Chức vụ Position	Ghi chú Note
1	Nguyễn Ngọc Tuấn	Tổng Giám đốc General Directors	
2	Vũ Doãn Hạnh	Phó Tổng Giám đốc Deputy General Directors	
3	Phạm Quang Khánh	Phó Tổng Giám đốc Deputy General Directors	
4	Trần Thị Thanh Hào	Kế toán trưởng	

STT No.	Họ tên Full Name	Chức vụ Position	Ghi chú Note
		Chief Accountant	

**2.2** Sơ yếu lí lịch Ban Điều hành/ *Board of Management Profiles*

- Ông Nguyễn Ngọc Tuấn/ *Mr. Nguyen Ngoc Tuan*

Giới tính: Nam

*Sex* Male

Ngày tháng năm sinh: 14/11/1974

*Date of birth*

Nơi sinh: Hà Nam

*Place of birth* Ha Nam

CMND: 035074003076 do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 5 tháng 8 năm 2019

*ID number* 035074003076 issued by the Department of Administrative Management on Social Order Police on August 5, 2019.

Quốc tịch: Việt Nam

*Nationality* Vietnam

Dân tộc: Kinh

*Ethnicity*

Địa chỉ thường trú: Số 63 Hải Âu 2 KĐT Vinhomes Marina, Lê Chân, Hải Phòng

*Address* No. 63 Hai Au 2 Vinhomes Marina Urban Area, Le Chan, Hai Phong

Số điện thoại công ty: 024.39876556

*Phone number's*

*Company*

Số điện thoại di động: 0912569414

*Phone number*

Địa chỉ email: [Tuan.nn@haiants.vn](mailto:Tuan.nn@haiants.vn)

*email*

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điều khiển tàu biển

*Qualification:* Maritime control engineer

Cử nhân Kinh tế đối ngoại

*Bachelor's Degree in International Economics*

Quá trình công tác:

*Work Experience*

- Từ đầu năm 1999 đến năm 2004: thuyền viên thuộc Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác lao động quốc tế.

- Crew member at International Cooperation and Maritime Transport Joint Stock Company.*
- Từ năm 2004 đến năm 2008: Trưởng phòng Khai thác thuộc Chi nhánh Hải Phòng - Công ty CP Hàng Hải Hà Nội  
*From 2004 to 2008: Head of Operations Department at Hai Phong Branch – Hanoi Maritime Joint Stock Company.*
  - Từ năm 2009 đến hết năm 2010: Giám đốc Chi nhánh Hải Phòng - Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức  
*From 2009 to the end of 2010: Director of Hai Phong Branch – Marina Logistics & Agencies Co., Ltd.*
  - Từ tháng 01/2011 đến tháng 01/2012: Phó Giám đốc Công ty TNHH Cảng Hải An  
*From January 2011 to January 2012: Deputy Director of Hai An Port Co., Ltd.*
  - Từ tháng 02/2012 đến tháng 02/2013: Giám đốc CTCP dịch vụ hàng hải Hải Âu  
*From February 2012 to February 2013: Director of Hai Au Maritime Services Joint Stock Company.*
  - Từ tháng 03/2013 đến tháng 01/2015: Phó Giám đốc Công ty TNHH Cảng Hải An  
*From March 2013 to January 2015: Deputy Director of Hai An Port Co., Ltd.*
  - Từ tháng 02/2015 đến tháng 10/2017: Giám đốc Công ty TNHH Cảng Hải An  
*From February 2015 to October 2017: Director of Hai An Port Co., Ltd.*
  - Từ tháng 10/2015 đến tháng 10/2017: Phó Giám đốc Công ty TNHH Vận tải Container Hải An  
*From October 2015 to October 2017: Deputy Director of Hai An Container Transport Co., Ltd.*
  - Từ 10/1/2017 đến nay: thành viên HĐQT CTCP dịch vụ tổng hợp Hải An  
*Member of the Board of Directors of Hai An General Services Joint Stock Company.*
  - Từ tháng 10/2017 đến 2023: Giám đốc Công ty TNHH Vận tải Container Hải An  
*From October 2017 to 2023: Director of Hai An Container Transport Co., Ltd.*
  - Từ tháng 10/2017 đến tháng 06/2023: Phó Tổng Giám đốc CTCP vận tải và xếp dỡ Hải An  
*From October 2017 to June 2023: Deputy General Director of Hai An Transport and Stevedoring Joint Stock Company.*
  - Từ tháng 4/2019 đến nay: thành viên HĐQT CTCP vận tải và xếp dỡ Hải An  
*From April 2019 to present: Member of the Board of Directors of Hai An Transport and Stevedoring Joint Stock Company.*
  - Từ tháng 06/2023 đến nay: Tổng giám đốc CTCP vận tải và xếp dỡ Hải An  
*From June 2023 to present: General Director of Hai An Transport and Stevedoring Joint Stock Company.*

Cá nhân sở hữu 119.321 cổ phần chiếm 0,098% vốn điều lệ  
*Individual Ownership 119,321 shares Accounting for 0.098% of charter capital.*

- Ông Vũ Doãn Hạnh/ *Mr. Vu Doan Hanh*

Giới tính: Nam

*Sex Male*

Ngày tháng năm sinh: 25/6/1975

*Date of birth*

Nơi sinh: Thái Bình

*Place of birth Thai Binh*

CMND: 031075008939, Ngày cấp: 10/07/2021, Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

*031075008939, Date of issue:10/07/2021, Place of issue: Department of Administrative Management on Social Order Police.*

*ID number*

Quốc tịch: Việt Nam

*Nationality Vietnam*

Dân tộc: Kinh

*Ethnicity*

Địa chỉ thường trú: 217 Nguyễn Văn Thủ, Q1, TP. Hồ Chí Minh

*Address 217 Nguyen Van Thu, District 1, Ho Chi Minh City*

Số điện thoại công ty: 024.39876556

*Phone number's*

*Company*

Số điện thoại di động: 0903942007

*Phone number*

Địa chỉ email: [Mike@haiants.vn](mailto:Mike@haiants.vn)

*Email*

Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị kinh doanh

*Qualification: Bachelor's Degree in Business Administration*

Quá trình công tác:

*Work Experience*

- Năm 1997: Nhân viên thị trường - Công ty Gemartrans Việt Nam

*In 1997: Market Officer - Gemartrans Vietnam Company.*

- Năm 2001 - 2004: Lines Manager - Công ty Gemartrans Việt Nam (Hãng tàu Delmas)

*From 2001 to 2004: Lines Manager - Gemartrans Vietnam Company (Delmas Shipping Line).*

- Năm 2004-2009: Giám đốc Công ty CP XD Hải Đăng

*From 2004 to 2009: Director of Hai Dang Construction Joint Stock Company.*

- Năm 2010-2012: Phó giám đốc Chi nhánh Công ty Marina Logistics tại Hồ Chí Minh  
*From 2010 to 2012: Deputy Director of Marina Logistics Company Branch in Ho Chi Minh City.*
- Năm 2012 đến nay: Giám đốc Chi nhánh Công ty Marina Logistics tại Hồ Chí Minh  
*From 2012 to present: Director of Marina Logistics Company Branch in Ho Chi Minh City.*
- Năm 2019 đến tháng 9/2021: Phó giám đốc Công ty TNHH Vận tải Container Hải An  
*From 2019 to September 2021: Deputy Director of Hai An Container Transport Co., Ltd.*
- Năm 2019 đến tháng 9/2021: Giám đốc Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải Container Hải An tại TP. Hồ Chí Minh  
*From 2019 to September 2021: Director of Hai An Container Transport Co., Ltd. - Ho Chi Minh City Branch.*
- Từ tháng 9/2021 đến nay: Phó Tổng giám đốc CTCP vận tải và xếp dỡ Hải An  
*From September 2021 to present: Deputy General Director of Hai An Transport and Stevedoring Joint Stock Company.*

Cá nhân sở hữu 171.424 cổ phần chiếm 0,141% vốn điều lệ  
*Individual Ownership 171,424 shares Accounting for 0.141% of charter capital.*

- Ông Phạm Quang Khánh/ *Mr. Pham Quang Khanh*

Giới tính: Nam

*Sex Male*

Ngày tháng năm sinh: 02/04/1981

*Date of birth*

Nơi sinh: Hải Phòng

*Place of birth*

CCCD số: 031081006321, Ngày cấp: 12/08/2021, Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

*ID number 031081006321, Date of issue: 12/08/2021, Place of issue: Department of Administrative Management on Social Order Police.*

Quốc tịch: Việt Nam

*Nationality*

Dân tộc: Kinh

*Ethnicity*

Địa chỉ thường trú: Lô 3 số 17/246B Đà Nẵng, Cầu Tre, Ngô Quyền, Hải Phòng

*Address*



*Lot 3 No. 17/246B Da Nang, Cau Tre, Ngo Quyen, Hai Phong*

Số điện thoại công ty: 024.39876556

*Phone number's*

*Company*

Số điện thoại di động 0919042185

*Phone number*

Địa chỉ email: [Khanh.pq@haiants.vn](mailto:Khanh.pq@haiants.vn)

*Email*

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy xếp dỡ

*Loading and unloading machine engineer*

Qualification: Cử nhân quản trị kinh doanh

*Bachelor of Bussiness Administration*

Quá trình công tác:

*Work Experience*

- Từ tháng 08/2005 - 2007: Kỹ sư phòng Sản xuất - Công ty TNHH CN nặng và XD Hàn -Việt (HANVICO)

*From August 2005 to 2007: Engineer in the Production Department - Han-Viet Heavy Industry and Construction Co., Ltd. (HANVICO).*

- Năm 2007 - 2009: Phó phòng Sản xuất - Công ty TNHH CN nặng và XD Hàn -Việt (HANVICO)

*2007 - 2009: Deputy Head of Production Department - Han-Viet Heavy Industry and Construction Co., Ltd. (HANVICO).*

- Từ tháng 09/2010 - 12/2010: Nhân viên phòng Khai thác tàu - Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An

*From September 2010 to December 2010: Vessel Operations Department Staff - Haian Transport and Stevedoring Co., Ltd.*

- Từ tháng 01/2011 - 03/2011: Trưởng bộ phận Khai thác tàu - Công ty TNHH Cảng Hải An

*From January 2011 to March 2011: Head of Vessel Operations Department - Haian Port Co., Ltd.*

- Từ tháng 04/2011 - 07/2012: Trưởng phòng Khai thác tàu - Công ty TNHH Cảng Hải An

*From April 2011 to July 2012: Head of Vessel Operations Department - Haian Port Co., Ltd.*

- Từ tháng 08/2012 - 01/2015: Giám đốc Công ty cổ phần dịch vụ Hàng hải (HAS)

*From August 2012 to January 2015: General Director of Haian Shipping Services Joint Stock Company (HAS)*

- Từ tháng 02/2015 - 12/2017: Phó Giám đốc kiêm Trưởng phòng Khai thác tàu - Công ty TNHH Cảng Hải An  
*From February 2015 to December 2017: Deputy Director and Head of Vessel Operations Department - Hai An Port Co., Ltd.*
- Từ tháng 01/2018 - 08/2018: Phó Giám đốc Công ty TNHH Cảng Hải An  
*From January 2018 to August 2018: Deputy Director of Hai An Port Co., Ltd.*
- Từ tháng 09/2018 - 12/2018: Quyền Giám đốc Công ty TNHH Cảng Hải An  
*From September 2018 to December 2018: Acting Director of Hai An Port Co., Ltd.*
- Từ tháng 01/2019 đến nay: Giám đốc Công ty TNHH Cảng Hải An  
*From January 2019 to present: Director of Hai An Port Co., Ltd.*
- Từ tháng 9/2021 đến nay: Phó Tổng giám đốc CTCP vận tải và xếp dỡ Hải An  
*From September 2021 to present: Deputy General Director of Hai An Transport and Stevedoring Joint Stock Company.*
- Từ tháng 6/2023 đến nay: thành viên HĐQT CTCP vận tải và xếp dỡ Hải An  
*From June 2023 to present: Member of the Board of Directors of Hai An Transport and Stevedoring Joint Stock Company.*

Cá nhân sở hữu 51.750 cổ phần chiếm 0,049% vốn điều lệ  
*Individual Ownership 59,512 shares Accounting for 0.049% of charter capital*

- Bà Trần Thị Thanh Hà/ *Ms. Tran Thi Thanh Hao*

Giới tính: Nữ

*Sex Female*

Ngày tháng năm sinh: 07/02/1988

*Date of birth*

Nơi sinh: Hải Phòng

*Place of birth*

CMND 031188001939 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 20/5/2016

*031188001939 issued by the Department of Residence Registration and National Population Database Police on May 20, 2016.*

*ID number*

Quốc tịch: Việt Nam

*Nationality*

Dân tộc: Kinh

*Ethnicity*

Địa chỉ thường trú: 8/96 Hợp Hòa, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng

*Address 8/96 Hop Hoa, Anh Dung, Duong Kinh, Hap Phong*

Số điện thoại công ty: 024.39876556

*Phone number's**Company*

Số điện thoại di động      0936995184

*Phone number*

Địa chỉ email:                      [hao.tt@haiants.vn](mailto:hao.tt@haiants.vn)

*Email*

Trình độ chuyên môn:      Cử nhân quản trị tài chính kế toán

*Qualification:*                      *Bachelor's Degree in Financial Accounting Management*

*Quá trình công tác:**Work Experience*

- Từ tháng 9/2010 đến tháng 12/2010: Nhân viên kế toán Chi nhánh Công ty TNHH vận tải và xếp dỡ Hải An tại TP. Hải Phòng  
*From September 2010 to December 2010: Accountant at Hai Phong Branch of Hai An Transport and Stevedoring Co., Ltd.*
- Từ tháng 01/2011 đến tháng 01/2015: Nhân viên kế toán Công ty TNHH Cảng Hải An  
*From January 2011 to January 2015: Accountant at Hai An Port Co., Ltd.*
- Từ tháng 02/2015 đến tháng 9/2017: Phó trưởng phòng Tài chính - Kế toán kiêm phụ trách kế toán Công ty TNHH Cảng Hải An  
*From February 2015 to September 2017: Deputy Head of Finance - Accounting Department and Chief Accountant in charge at Hai An Port Co., Ltd.*
- Từ tháng 10/2017 đến tháng 5/2019: Phó trưởng phòng Tài chính - Kế toán Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An  
*From October 2017 to May 2019: Deputy Head of Finance - Accounting Department at Hai An Transport and Stevedoring Joint Stock Company.*
- Từ tháng 6/2019 đến tháng 12/2019: Phó trưởng phòng Tài chính - Kế toán kiêm phụ trách kế toán Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An  
*From June 2019 to December 2019: Deputy Head of Finance - Accounting Department and Chief Accountant in charge at Hai An Transport and Stevedoring Joint Stock Company.*
- Từ tháng 8/2019 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty TNHH Vận tải Container Hải An  
*From August 2019 to present: Member of the Members' Council at Hai An Container Transport Co., Ltd.*
- Từ tháng 12/2019 đến tháng 6/2021: Trưởng phòng Tài chính - Kế toán kiêm Phụ trách kế toán Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An  
*From December 2019 to June 2021: Head of Finance - Accounting Department and Chief Accountant at Hai An Transport and Stevedoring Joint Stock Company.*

- Từ tháng 6/2021 đến nay: Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính - Kế toán Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An

*From June 2021 to present: Chief Accountant and Head of Finance - Accounting Department at Hai An Transport and Stevedoring Joint Stock Company.*

Cá nhân sở hữu: 59.512 cổ phiếu tương đương 0,049% vốn điều lệ

*Individual Ownership: 59,512 shares Accounting for 0.049% of charter capital*

### 2.3 Số lượng cán bộ và chính sách người lao động/ *Number of employees and employee policies:*

- Cơ cấu và số lượng cán bộ, nhân viên (bao gồm các công ty thành viên)/ *Structure and Headcount of Employees (Including Subsidiaries)*

Số lượng cán bộ công nhân viên lao động tại công ty tính đến thời điểm 31/12/2024 là: 653 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn. (số đầu năm là 617 nhân viên)

*The number of employees at the Group as of December 31, 2024 were:653 employees working for the companies in the Group. (at the beginning of the year:617 employees)*

- Chính sách đối với người lao động/ *Policies for Employees*

Công ty luôn thực hiện các nghĩa vụ đã cam kết với người lao động đã được quy định trong thỏa ước lao động và hợp đồng lao động. Người lao động trong Công ty đều có hợp đồng lao động, được đảm bảo về việc làm, được trả lương theo năng lực và thỏa thuận hợp đồng.

*The Group consistently fulfills its commitments to employees as stipulated in the collective labor agreement and individual labor contracts. All employees have labor contracts, are guaranteed job security, and are compensated based on their capabilities and the terms of their contracts.*

### 3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án/ *Investment activities, project implementation*

#### **Các khoản đầu tư lớn/ *Major investments:***

- Năm 2024 vừa qua, Công ty đã tiếp tục nhận 3 tàu đóng mới cỡ 1800 TEU còn lại trong dự án đóng mới tàu của Công ty. Việc nhận thêm 3 tàu đóng mới đã giúp Công ty nâng cao thêm năng lực vận tải cũng như mở rộng đội tàu của Công ty.

*In 2024, the Group successfully received the remaining 3 newly built vessels, each with a capacity of 1,800 TEUs, as part of its vessel construction project. The addition of these 3 new ships has helped the Group enhance its transportation capacity and expand its fleet.*

- Quý II/2024, Cảng Hải An hoàn tất tích hợp hệ thống quản lý và điều hành cảng V – TOS vào nền tảng Cảng biển số Việt Nam (VSL)

*In Q2/2024, Hai An Port successfully integrated the V-TOS port management and operation system into the Vietnam Seaport System (VSL) platform.*

- 19/7/2024, Công ty nhận bàn giao 350 container loại 20' đóng mới tại Công ty CP Sản xuất container Hòa Phát  
*On July 19, 2024, the Group received the delivery of 350 newly built 20-foot containers from Hoa Phat Container Manufacturing Joint Stock Company.*
- 13/11/2024, Công ty cũng nhận bàn giao tàu container TORO 3.500 TEU. Sau khi hoàn tất nhận bàn giao, tàu được đổi tên thành HAIAN GAMA, là con tàu thứ 16 trong đội tàu của Công ty, nâng tổng sức chở lên tới 26.500 TEU.  
*On November 13, 2024, the Group also received the delivery of the 3,500 TEU container vessel TORO. After the delivery was completed, the vessel was renamed HAIAN GAMA, becoming the 16<sup>th</sup> ship in the Group's fleet, increasing the total carrying capacity to 26,500 TEU.*

**4. Tình hình tài chính/ Financial situation****4.1 Tình hình tài chính/ Financial situation**

Đơn vị: 1.000.000 VND

Unit: 1,000,000 VND

TT No.	Chỉ tiêu Indicators	BCTC Công ty mẹ Parent Company financial statements			BCTC Hợp nhất Consolidated financial statement		
	* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng Applicable for organization other than credit institutions and non-bank financial institutions:	Năm 2023 Year 2023	Năm 2024 Year 2024	% tăng giảm % change	Năm 2023 Year 2023	Năm 2024 Year 2024	% tăng giảm % change
1	Tổng giá trị tài sản Total assets	4.206.532	5.836.501	38,75	5.358.949	7.289.525	36
2	Doanh thu thuần Net revenue	1.174.995	1.571.068	33,71	2.612.690	3.992.095	52,8
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh Operating profit	500.377	608.396	21,59	447.055	980.436	119,3
4	Lợi nhuận khác Other profit	302	771	155,3	2.989	(3.147)	-
5	Lợi nhuận trước thuế Profit before tax	500.679	609.168	21,67	450.044	977.289	117,15
6	Lợi nhuận sau thuế Profit after tax	419.595	499.393	19	357.825	800.225	123,64

TT No.	Chỉ tiêu Indicators	BCTC Công ty mẹ Parent Company financial statements			BCTC Hợp nhất Consolidated financial statement		
	* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng Applicable for organization other than credit institutions and non-bank financial institutions:	Năm 2023 Year 2023	Năm 2024 Year 2024	% tăng giảm % change	Năm 2023 Year 2023	Năm 2024 Year 2024	% tăng giảm % change
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức Payout Ratio	50	15	-	50	15	-

- Các chỉ tiêu khác/ Other figures: **Không có/ None**

**4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/ Major financial indicators:**

TT No.	Các chỉ tiêu Items	BCTC Công ty Mẹ Parent Company financial statements		BCTC Hợp nhất Consolidated financial statement		Ghi chú Note
		Năm 2023 Year 2023	Năm 2024 Year 2024	Năm 2023 Year 2023	Năm 2024 Year 2024	
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio + Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)/ Current Ratio (Times)  TSLĐ/Nợ ngắn hạn (Short term Asset/Short term debt)  + Hệ số thanh toán nhanh (lần)/ Quick Ratio (Times)	1,96	1,36	1,71	1,45	

TT No.	Các chỉ tiêu Items	BCTC Công ty Mẹ Parent Company financial statements		BCTC Hợp nhất Consolidated financial statement		Ghi chú Note
		Năm 2023 Year 2023	Năm 2024 Year 2024	Năm 2023 Year 2023	Năm 2024 Year 2024	
	TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn <i>Short term Asset - Inventories</i> <i>Short term Debt</i>	1,92	1,33	1,6	1,38	
<b>2</b>	<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ capital structure Ratio</b> + Hệ số Nợ/Tổng tài sản (%) / ( <i>Debt/Total assets ratio</i> ) + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (%) / ( <i>Debt/Owner's Equity ratio</i> )	0,45	0,53	0,41	0,46	
		0,83	1,12	0,69	0,84	
<b>3</b>	<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio</b> + Vòng quay hàng tồn kho (lần) / <i>Inventory turnover:</i>  <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân ( <i>Cost of goods sold/Average inventory</i> ) + Doanh thu thuần/Tổng tài sản (lần) / ( <i>Net revenue/Average Total Assets</i> )	27	34	23	29	
		0,3	0,31	0,5	0,63	
<b>4</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Profitability</b> + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	35,71	31,79	13,7	20,05	





TT No.	Các chỉ tiêu Items	BCTC Công ty Mẹ Parent Company financial statements		BCTC Hợp nhất Consolidated financial statement		Ghi chú Note
		Năm 2023 Year 2023	Năm 2024 Year 2024	Năm 2023 Year 2023	Năm 2024 Year 2024	
	<i>profit after tax/ Net revenue Ratio)</i>					
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%) <i>(profit after tax/ total capital Ratio)</i>	19,9	19,76	11,81	22,41	
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%) <i>(profit after tax/ Total assets Ratio)</i>	10,66	9,95	6,88	12,65	
	+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (%) / <i>(Profit from business activities/ Net revenue Ratio)</i>	42,59	38,73	17,11	24,56	

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu (tại ngày 31/12/2024)/ Shareholders structure, change in the owner's equity. (As of December 31, 2024)**

**5.1 Cổ phần/ Stock**

Số lượng cổ phiếu của Công ty là 121.343.091 cổ phiếu.

*The number of shares of the Group is 121,343,091 shares.*

Tổng số cổ phiếu theo từng loại (cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi...): Toàn bộ số cổ phiếu của Công ty (121.343.091 cổ phiếu) là cổ phiếu thường.

*The total number of shares by type (common shares, preferred shares, etc.): All shares of the Group (121,343,091 shares) are common shares.*

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 121.343.091 cổ phiếu.

*Number of outstanding shares: 121,343,091 shares.*

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.

*Number of treasury shares: 0 shares.*

**5.2 Cơ cấu cổ đông (tại ngày 30/12/2024)/ Shareholders structure (December 30,2024):**

STT No.	Cổ đông Shareholder	Số lượng cổ phần Number of Shares	Tỷ lệ (%) Ratio	Số lượng cổ đông Number of Shareholders
<b>Cổ đông trong nước/ Domestic Shareholders</b>				
1	Tổ chức Organization	43.702.972 43,702,972	36,016%	46
2	Cá nhân Individual	61.522.199 61,522,199	50,701%	12.388
<b>Cổ đông nước ngoài/ Foreign Shareholders</b>				
3	Tổ chức Organization	15.400.035 15,400,035	12,691%	36
4	Cá nhân Individual	717.885 717,885	0,592%	242
	Cổ phiếu quỹ Treasury Shares	-	-	-
	<b>Tổng cộng</b> Total	<b>121.343.091</b> 121,343,091	100%	12.712

**5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Change in the owner's equity:**

<b>Thời điểm tăng vốn</b> <i>Capital increase timing</i>	<b>Vốn đăng ký và thực góp (VND)</b> <i>Registered capital and Contributed capital (VND)</i>	<b>Giá trị tăng vốn thực góp (VND)</b> <i>Value of increased contributed capital (VND)</i>	<b>Hình thức tăng vốn</b> <i>Form of capital increase</i>	<b>Căn cứ pháp lý</b> <i>Legal Basis</i>
24/06/2024	1.213.430.910.000	158.262.100.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023 <i>Issuance of Shares for 2023 Dividend Payment</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công văn số 3323/UBCK-QLCB ngày 28/5/2024 về tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của HAH; <i>Official Letter No. 3323/UBCK-QLCB dated May 28, 2024, regarding the report documents on the issuance of shares for dividend payment of HAH</i></li> <li>- Công văn số 4079/UBCK-QLCB ngày 01/7/2024 về tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của HAH; <i>Official Letter No. 4079/UBCK-QLCB dated July 1, 2024, regarding the report documents on the results of the share issuance for dividend payment of HAH</i></li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 87/2014/GCNCP-VSD-6 ngày 09/7/2024 của Tổng</li> </ul>

<b>Thời điểm tăng vốn</b> <i>Capital increase timing</i>	<b>Vốn đăng ký và thực góp (VND)</b> <i>Registered capital and Contributed capital (VND)</i>	<b>Giá trị tăng vốn thực góp (VND)</b> <i>Value of increased contributed capital (VND)</i>	<b>Hình thức tăng vốn</b> <i>Form of capital increase</i>	<b>Căn cứ pháp lý</b> <i>Legal Basis</i>
				<p>công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.  <i>Securities Registration Certificate No. 87/2014/GCNCP-VSD-6 dated July 9, 2024, issued by the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation.</i></p> <p>- Quyết định số 419/QĐ-SGDHCM ngày 12/7/2024 v/v thay đổi đăng ký niêm yết của TGD SGD Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.  <i>Decision No. 419/QĐ-SGDHCM dated July 12, 2024, regarding the change in listing registration issued by the CEO of the Ho Chi Minh City Stock Exchange</i></p>

**5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ/ Transaction of treasury stocks:** Không có/None

**5.5 Các chứng khoán khác/ Other securities:**

Trong năm 2024, Tập đoàn đã thực hiện chào bán thành công trái phiếu chuyển đổi với các thông tin như sau: *In 2024, the Group successfully issued convertible bonds with the*

following details: In 2024, the Company successfully issued convertible bonds with the following details:

a) **Thông tin về trái phiếu chào bán riêng lẻ/ Information on privately placed bonds**

1. Tên trái phiếu: Trái phiếu chuyển đổi Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An (sau đây gọi là “Trái Phiếu”)

*Bond name: Hai An Transport and Stevedoring Joint Stock Company Convertible Bond (hereinafter referred to as the “Bond”)*

2. Loại trái phiếu: Trái phiếu chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản bảo đảm, phát hành tại thị trường trong nước

*Bond type: Convertible bond, without warrants, secured, issued in the domestic market.*

3. Số lượng trái phiếu đăng ký chào bán: 500 (Năm trăm) trái phiếu

*Number of bonds registered for offering: 500 (Five hundred) bonds*

4. Mệnh giá trái phiếu: 1.000.000.000 đồng/ trái phiếu

*Bond par value: VND 1,000,000,000 per bond.*

5. Thời hạn trái phiếu: 05 (năm) năm kể từ ngày phát hành Trái Phiếu

*Bond term: 5 (five) years from the bond issuance date*

6. Lãi suất: Lãi suất cố định trong suốt kỳ hạn của Trái Phiếu là 6%/năm.

*Interest rate: The fixed interest rate throughout the bond term is 6% per annum.*

7. Kỳ trả lãi: Tiền lãi Trái Phiếu của mỗi kỳ tính lãi sẽ được thanh toán định kỳ 6 (sáu) tháng một lần

*Interest payment period: Bond interest for each interest calculation period will be paid semi-annually (every six months).*

8. Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Trái Phiếu bị hạn chế chuyển nhượng là 01 năm đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

*Transfer restriction period: The Bonds are subject to a transfer restriction of 1 year for professional securities investors from the completion date of the offering.*

10. Các điều khoản liên quan đến chuyển đổi Trái Phiếu/ *Terms and Conditions Related to Bond Conversion:*

- Thời hạn chuyển đổi: Trái phiếu chuyển đổi có thể được người sở hữu trái phiếu gửi yêu cầu thực hiện chuyển đổi thành cổ phiếu trong thời hạn kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành trái phiếu cho đến và bao gồm Ngày Đáo Hạn của Trái Phiếu.

*Conversion period: Convertible bonds may be converted into shares at the bondholder's request from the completion date of the bond issuance until and including the Bond Maturity Date.*

- Tỷ lệ chuyển đổi: Số cổ phần nhận được khi chuyển đổi một trái phiếu sẽ được tính theo công thức sau:

*Conversion ratio: The number of shares received upon converting one bond shall be calculated using the following formula:*

$$S = M/P$$

Trong đó/ *In which:*

- i) S: số cổ phần nhận được khi chuyển đổi 1 trái phiếu  
*S: The number of shares received upon converting one bond.*
- ii) M: là mệnh giá của 1 trái phiếu  
*M: The par value of one bond.*
- iii) P: Giá Chuyển Đổi có hiệu lực tại thời điểm chuyển đổi.  
*P: The effective Conversion Price at the time of conversion.*

Kèm theo điều kiện là (a) tổng số cổ phần mà một người sở hữu trái phiếu nhận được khi chuyển đổi trái phiếu sẽ được tính bằng tổng số lượng trái phiếu mà người sở hữu trái phiếu đó sở hữu và có yêu cầu chuyển đổi theo thông báo chuyển đổi gửi tổ chức phát hành nhân (x) với tỉ lệ chuyển đổi (S); và nếu không phải là số nguyên thì được làm tròn xuống số nguyên gần nhất và (b) tổ chức phát hành sẽ không phát hành cổ phần đối với phần lẻ thập phân của cổ phần (nếu có) và cũng không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào đối với phần lẻ thập phân đó.

*Subject to the following conditions:(a) The total number of shares received by a bondholder upon bond conversion shall be calculated as the total number of bonds owned and requested for conversion by the bondholder, as stated in the conversion notice sent to the issuer, multiplied by the conversion ratio (S). If the result is not a whole number, it will be rounded down to the nearest whole number.(b) The issuer shall not issue shares for any fractional shares (if any) and shall not make any cash payment for such fractional shares.*

Việc chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu phải đảm bảo tuân thủ tỷ lệ sở hữu nước ngoài của tổ chức phát hành vào thời điểm chuyển đổi.

*The conversion of convertible bonds into shares must comply with the foreign ownership limit of the issuer at the time of conversion.*

- Giá chuyển đổi/ *Conversion Price:*

Giá chuyển đổi: 27.300 VNĐ/cổ phần (“Giá Chuyển Đổi”)/ **Conversion Price: VND 27,300 per share (the “Conversion Price”)**.

Cơ sở xác định giá chuyển đổi là không thấp hơn 1.1 lần giá trị sổ sách một cổ phần (loại trừ Lợi ích của cổ đông thiểu số) của Công ty căn cứ trên báo cáo tài chính hợp nhất quý 3 năm 2023 của Công ty. Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất quý 3 năm 2023 của Công ty, giá trị sổ sách của Công ty là 24.643 VNĐ/cổ phần. Theo nguyên tắc xác định giá chuyển đổi được thông qua tại Nghị quyết số 0206-2023/NQ-ĐHĐCĐ, 1.1 lần giá trị sổ sách của Công ty căn cứ trên báo cáo tài chính hợp nhất quý 3 năm 2023 là 27.108 VNĐ/cổ phần. Theo đó, HĐQT quyết định Giá Chuyển Đổi là 27.300 VNĐ/cổ phần.

*The basis for determining the Conversion Price is that it shall not be lower than 1.1 times the book value per share (excluding minority interest) of the Company, based on the Company's consolidated financial statements for Q3 2023. According to the Company's Q3 2023 consolidated financial statements, the book value per share is VND 24,643. In accordance with the conversion price determination principle approved in Resolution No. 0206-2023/NQ-ĐHĐCĐ, 1.1 times the book value per share based on the Q3 2023 consolidated financial statements is VND 27,108 per share. Accordingly, the Board of Directors has determined the Conversion Price to be VND 27,300 per share.*

Giá chuyển đổi có thể được điều chỉnh theo quy định tại các điều kiện và điều khoản của Trái Phiếu và/hoặc các thỏa thuận với Nhà Đầu Tư. Giá chuyển đổi được điều chỉnh (nếu có) là giá chuyển đổi có hiệu lực tại thời điểm chuyển đổi tương ứng.

*The Conversion Price may be adjusted in accordance with the terms and conditions of the Bonds and/or agreements with Investors. The adjusted Conversion Price (if any) shall be the effective Conversion Price at the corresponding time of conversion.*

- Phương án làm tròn cổ phiếu phát hành thêm khi chuyển đổi trái phiếu/ *Rounding Method for Additional Shares Issued Upon Bond Conversion:*

Khi tính số cổ phiếu mà người sở hữu trái phiếu có quyền chuyển đổi, nếu ra kết quả là số lẻ thập phân thì sẽ được làm tròn theo nguyên tắc bỏ đi phần lẻ thập phân. Phần lẻ thập phân của cổ phiếu sẽ được xử lý theo quy định của các điều khoản và điều kiện trái phiếu.

*When calculating the number of shares that a bondholder is entitled to convert, if the result includes a fractional share, the fractional portion shall be disregarded (rounded down). The fractional shares shall be handled in accordance with the terms and conditions of the bonds.*

Ví dụ: số cổ phiếu chuyển đổi tính ra là 8.689,7 cổ phiếu sẽ được làm tròn thành 8.689 cổ phiếu.

*Example: If the calculated number of conversion shares is 8,689.7 shares, it will be rounded down to 8,689 shares.*

- Các điều khoản khác (nếu có): được quy định cụ thể trong Các Điều Khoản Và Điều Khoản Trái Phiếu tại Bản Công Bố Thông Tin

*Other Terms (if any): Shall be specifically stipulated in the Terms and Conditions of the Bonds as set forth in the Information Disclosure Document.*

11. Các điều khoản của chứng quyền kèm theo trái phiếu (trường hợp phát hành trái phiếu kèm theo chứng quyền): không có

*Warrant Terms Attached to the Bonds (in case of bond issuance with warrants): None*

12. Ngày phát hành: 02/02/2024

*Issuance Date: February 2, 2024*

13. Ngày bắt đầu đợt chào bán: 29/12/2023

*Offering Start Date: December 29, 2023*

14. Ngày kết thúc đợt chào bán: 02/02/2024 (Do HAH đã hoàn thành việc phân phối trái phiếu và thu tiền mua trái phiếu từ các nhà đầu tư vào ngày này)

*Offering End Date: February 2, 2024 (As HAH successfully completed the bond distribution and received payment from investors on this date).*

15. Thời hạn đăng ký mua: từ ngày 29/12/2023 đến ngày 27/03/2024

*Subscription Period: From December 29, 2023, to March 27, 2024.*

16. Ngày thanh toán tiền mua trái phiếu: 02/02/2024

*Bond Purchase Payment Date: February 2, 2024.*

**b) Kết quả chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ/ Results of the Private Placement of Convertible Bonds**

1. Tổng số trái phiếu đã phân phối: 500 trái phiếu, chiếm 100% tổng số trái phiếu được phép chào bán.

*Total Bonds Distributed: 500 bonds, accounting for 100% of the total bonds approved for offering.*

2. Tổng số tiền thu từ việc bán trái phiếu: 500.000.000.000 đồng (có xác nhận của ngân hàng nơi mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu đính kèm).

*Total Proceeds from Bond Issuance: VND 500,000,000,000 (with confirmation from the bank where the escrow account for bond purchase payments was opened, attached).*

3. Tổng chi phí: 10.400.000.000 đồng/ Total Expenses: VND 10,400,000,000.

- Phí bảo lãnh phát hành/ Underwriting Fee: Không có/ None.

- Phí phân phối trái phiếu/ Bond Distribution Fee: Không có/ None.

- Phí kiểm toán/ Audit Fee: Không có/ None



- Chi phí khác/ *Other Expenses*: 10.400.000.000 đồng (Phí Đại lý phát hành Trái Phiếu)/ VND 10,400,000,000 (*Bond Issuance Agent Fee*)

4. Tổng thu ròng từ đợt chào bán/ *Total Net Proceeds from the Offering*: 489.600.000.000 đồng/ VND 489,600,000,000

**c) Danh sách nhà đầu tư tham gia mua trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ/ *List of Investors Participating in the Private Placement of Convertible Bonds***

STT <i>No.</i>	Tên nhà đầu tư <i>Investor Name</i>	Số Giấy CMND/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp <i>ID Card/Citizen ID/Passport Number or Business Registration Certificate Number</i>	Số lượng trái phiếu dự kiến phân phối (trái phiếu) <i>Expected Number of Bonds Allocated (Bonds)</i>	Giá trị trái phiếu đã phân phối (VND) <i>Value of Distributed Bonds (VND)</i>
1	Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI <i>SSI Asset Management Co., Ltd.</i>	19/UBCK-GP do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam cấp ngày 03/08/2007 <i>19/UBCK-GP issued by the State Securities Commission of Vietnam on August 3, 2007.</i>	80 trái phiếu <i>80 Bonds</i>	80.000.000.000
2	VIETNAM GROWTH INVESTMENT FUND L.P.	CT-108675 do cơ quan đăng ký hợp danh hữu hạn Quần Đảo Cayman cấp ngày 05/10/2020 <i>CT-108675 issued by the Cayman Islands Limited Partnership Registration Authority on October 5, 2020.</i>	140 trái phiếu <i>140 Bonds</i>	140.000.000.000
3	DAIWA-SSIAM VIETNAM GROWTH FUND III L.P.	MC-108456 do cơ quan đăng ký hợp danh hữu hạn Quần Đảo Cayman cấp ngày 15/09/2020	113 trái phiếu <i>113 Bonds</i>	113.000.000.000

STT <i>No.</i>	Tên nhà đầu tư <i>Investor Name</i>	Số Giấy CMND/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp <i>ID Card/Citizen ID/Passport Number or Business Registration Certificate Number</i>	Số lượng trái phiếu dự kiến phân phối (trái phiếu) <i>Expected Number of Bonds Allocated (Bonds)</i>	Giá trị trái phiếu đã phân phối (VND) <i>Value of Distributed Bonds (VND)</i>
		<i>MC-108456 issued by the Cayman Islands Limited Partnership Registration Authority on September 15, 2020.</i>		
4	JAPAN SOUTH EAST ASIA FINANCE FUND III L.P.	MC-111909 do cơ quan đăng ký hợp danh hữu hạn Quần Đảo Cayman cấp ngày 27/04/2021 <i>MC-111909 issued by the Cayman Islands Limited Partnership Registration Authority on April 27, 2021.</i>	167 trái phiếu <i>167 Bonds</i>	167.000.000.000
	Tổng cộng/ <i>Total:</i>		500 trái phiếu/ <i>500 Bonds</i>	500.000.000.000

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ *Environment-Social-Governance (ESG) Report of the Group***

**5.1 Tác động lên môi trường/ *Impact on the Environment***

Công ty luôn quan tâm đến việc phát triển kinh doanh gắn liền với bảo vệ môi trường. Đội tàu của Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về vấn đề sử dụng nhiên liệu với hàm lượng lưu huỳnh thấp, hệ thống xử lý nước thải và rác thải theo đúng quy chuẩn để giảm tác động ô nhiễm đến môi trường. Công ty luôn đề ra các phương án lịch trình tàu phù hợp với diễn biến thị trường vận tải, giá nhiên liệu và đồng thời rà soát điều chỉnh mức tiêu thụ nhiên liệu phù hợp để giảm mức tiêu thụ nhiên liệu, giảm lượng khí phát thải ra môi trường.

*The Group consistently prioritizes business development in conjunction with environmental protection. Its fleet strictly complies with regulations on the use of low-sulfur fuel, wastewater treatment systems, and waste management in accordance with established standards to minimize environmental pollution. The Group also develops optimal ship schedules based on market trends in transportation and fuel prices while*

*regularly reviewing and adjusting fuel consumption levels. These measures aim to reduce fuel usage and lower emissions released into the environment.*

#### **6.2 Quản lý nguồn nguyên vật liệu/ Management of raw materials:**

- Đối với vật liệu, Công ty luôn rà soát các hạng mục phụ tùng và vật tư cần thiết cấp cho khối văn phòng và cho đội tàu. Liên tục theo dõi hành trình tàu để cấp vật tư cho tàu theo lô lớn, tránh tình trạng cấp phát nhỏ lẻ gây lãng phí nguồn vật liệu.

*Regarding materials, the Group consistently reviews the necessary components and supplies required for the office and fleet. It continuously monitors ship schedules to provide bulk supplies to vessels, avoiding small-scale distributions that could lead to material waste.*

- Về sử dụng tài nguyên đất: Công ty đã quản lý, khai thác và sử dụng tốt quỹ đất của mình để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

*Regarding land resource utilization: The Group has effectively managed, exploited, and utilized its land resources to support its business operations.*

#### **6.3 Tiêu thụ năng lượng/ Energy consumption:**

Công ty đã áp dụng các giải pháp, sáng kiến tiêu thụ dầu FO và DO một cách tiết kiệm cho các tàu để khai thác phù hợp với công suất tránh lãng phí năng lượng tiêu thụ.

*The Group has implemented solutions and initiatives to efficiently consume FO and DO fuel for its vessels, ensuring operations are aligned with capacity to avoid unnecessary energy consumption.*

#### **6.4 Tiêu thụ nước/ Water consumption**

Nguồn cung cấp nước và lượng nước ngọt chủ yếu được sử dụng tại trụ sở của Công ty. Công ty có hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung.

*The water supply and freshwater consumption are primarily utilized at the Group's headquarters. The Group has a domestic wastewater treatment system in place before discharging into the shared drainage system.*

#### **6.5 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ Compliance with the law on environmental protection:**

Công ty luôn thực hiện các quy định của pháp luật liên quan đến vấn đề môi trường. Trong năm 2024, Công ty không bị xử phạt vi phạm các quy định về môi trường.

*The Group consistently complies with environmental regulations as mandated by law. In 2024, the Group was not penalized for any violations of environmental regulations.*

#### **6.6 Chính sách liên quan đến người lao động/ Policies related to employees**

Nguồn nhân lực luôn là yếu tố quan trọng hàng đầu để doanh nghiệp hoạt động và phát triển. Nhận thức được tầm quan trọng đó, Công ty luôn quan tâm và chú trọng đến hoạt

động phát triển nguồn nhân lực. Năm 2024, Công ty đã triển khai nhiều chính sách về tiền lương, thưởng cũng như các phúc lợi cho người lao động tạo ra một môi trường làm việc hiệu quả. Công ty đã liên tục thực hiện các chương trình đào tạo, cập nhật kiến thức, các kỹ năng cần thiết phục vụ cho công việc. Ngoài ra, Công ty còn thực hiện các chính sách phúc lợi khác cho cán bộ công nhân viên như: du lịch, khám sức khỏe định kỳ, thăm hỏi ốm đau, sinh nhật... Công ty cũng định kỳ tổ chức các hoạt động thể dục thể thao nhằm nâng cao chất lượng đời sống tinh thần cho người lao động.

*Human resources are always a top priority for the operation and development of any business. Recognizing this importance, the Group places significant emphasis on human resource development. In 2024, the Group implemented various policies on salaries, bonuses, and employee benefits, fostering an efficient working environment. The Group consistently conducted training programs to update employees on knowledge and essential skills for their work. Additionally, the Group provided other welfare policies for employees, such as company trips, regular health check-ups, support during illnesses, birthday celebrations, and more. The Group also organized regular sports and physical activities to enhance the employees' mental well-being and quality of life.*

**6.7 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ Report on responsibility for local community.**

- Công ty đã thực hiện tốt trách nhiệm với cộng đồng địa phương trong năm 2024 vừa qua. Công ty và công đoàn luôn quan tâm và đảm bảo việc làm, tiền lương và các chế độ chính sách, thực hiện tốt công tác bảo hộ lao động, an toàn vệ sinh lao động, chú trọng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, làm tốt các công tác an sinh cả trong và ngoài Công ty.

*The Group has fulfilled its responsibilities toward the local community in 2024. The Group and the labor union have consistently prioritized ensuring employment, wages, and benefits for employees. It has effectively implemented labor protection, occupational safety and health measures, and focused on improving both the material and spiritual well-being of the workers. Additionally, the Group has carried out good social welfare initiatives both within and outside the organization.*

- Công đoàn đã phối hợp với Công ty tổ chức các hoạt động thiết thực, các chương trình thiện nguyện.

*The labor union has collaborated with the Group to organize practical activities and charitable programs, among other initiatives.*

**6.8 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/ Report on green capital market activities under the guidance of the SSC:**

Công ty đang xây dựng những chính sách định hướng theo hướng dẫn của UBCKNN để phát triển thị trường vốn xanh.

*The Group is developing policies in accordance with the guidelines of the State Securities Commission (SSC) to promote the development of the green capital market.*

**III. Báo cáo đánh giá của Tổng giám đốc/ Reports and assessments of the Board of Management**

**1. Thực hiện năm 2024/ Performance for the year 2024**

a) Kết quả sản xuất kinh doanh thực hiện năm 2024 của Công ty như sau/ *Business Performance Results for 2024:*

STT No.	CHỈ TIÊU CRITERIA	Đơn vị Unit	Kế hoạch năm 2024 2024 Plan	Thực hiện năm 2024 2024 Performance	Tỷ lệ (5)/(4) (%) Percentage
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
<b>1</b>	<b>Tổng sản lượng Total volume</b>	<b>TEU</b>	<b>1.273.000</b>	<b>1.337.787</b>	<b>105,09</b>
	- Khai thác cảng <i>Terminal operation</i>	TEU	467.000	549.229	117,61
	- Khai thác tàu <i>Vessel operation</i>	TEU	597.000	605.900	101,49
	- Sản lượng Depot <i>Volume of depot</i>	TEU	209.000	182.658	87,40
<b>2</b>	<b>Tổng Doanh thu Total Revenue</b>	<b>Tỷ VNĐ Billion VND</b>	<b>3.957</b>	<b>4.024</b>	<b>101,69</b>
<b>3</b>	<b>Lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Công ty mẹ Consolidated Profit after Tax of the Parent Company</b>	<b>Tỷ VNĐ Billion VND</b>	<b>450</b>	<b>650</b>	<b>144,42</b>

b) Các công việc đã đạt được/ *Achievements*

- Trong năm 2024, Công ty đã tiếp nhận thành công và đưa vào sử dụng 04 tàu container, trong đó 03 tàu đóng mới (HA Beta, AB Sky, HA Opus) loại 1.800 TEU.
- *In 2024, the Group successfully received and put into use 4 container vessels, including 3 newly built vessels (HA Beta, AB Sky, HA Opus) of 1,800 TEUs each.*
- Thực hiện thu xếp nguồn vốn đầu tư 01 tàu secondhand (HA Gama) loại 3.500 TEU (nhận vào ngày 13/11 tại Thổ Nhĩ Kỳ) giúp nâng năng lực vận tải đội tàu Hải An lên 26.500 TEU.

- *Secured financing for the investment in 1 second-hand vessel (HA Gama) of 3,500 TEUs, received on November 13 in Turkey, increasing the Hai An fleet's transportation capacity to 26,500 TEUs.*
- Tháng 2/2024: Công ty phát hành thành công 500 trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, mỗi trái phiếu có mệnh giá 1 tỷ đồng, tương ứng 500 tỷ đồng, với thời hạn 5 năm cho 4 nhà đầu tư lớn trong nước và nước ngoài.
- *In February 2024, the Group successfully issued 500 privately convertible bonds, each with a face value of VND 1 billion, totaling VND 500 billion, with a 5-year term, to 4 major domestic and foreign investors.*
- Hoàn tất thủ tục nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty CP dịch vụ cảng Lưu Nguyễn Cái Mép từ cuối quý 1/2024 với tỷ lệ sở hữu 54,54%. Công ty cổ phần dịch vụ Lưu Nguyễn Cái Mép hiện đang sở hữu dự án Dự án Cái Mép theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 5250581371 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 04/05/2011, điều chỉnh lần 2 ngày 16/11/2022.
- *Completed the transfer of shares in Luu Nguyen Cai Mep Port Services Joint Stock Company by the end of Q1/2024, achieving a 54.54% ownership. Luu Nguyen Cai Mep Port Services JSC currently holds the Cai Mep Project according to Investment Registration Certificate No. 5250581371 issued by the Department of Planning and Investment of Ba Ria - Vung Tau Province on May 4, 2011, first adjusted on November 16, 2022.*
- Đã thực hiện đầu tư 02 xe nâng hàng sức nâng 45 tấn mới hiệu Kalmar phục vụ SXKD của Cảng Hải An.
- *Invested in 2 new Kalmar forklifts with a lifting capacity of 45 tons, serving the business operations of Hai An Port.*
- Ngày 26/04/2024, tại Hải Phòng, Công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thành công tốt đẹp với sự đồng thuận và nhất trí cao của các cổ đông. Ngoài ra, Đại hội cũng đã tiến hành miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Kiểm soát (BKS) cho nhiệm kỳ (2023 - 2028).
- *On April 26, 2024, in Haiphong, the Group successfully held the 2024 Annual General Meeting of Shareholders with high consensus and agreement from the shareholders. Additionally, the General Meeting dismissed and elected additional members of the Board of Directors and the Board of Control for the term 2023-2028.*
- Tháng 7/2023, Công ty đã nhận bàn giao 350 container loại 20' đặt đóng mới tại Tập đoàn Hòa Phát. Lô container đóng mới này nằm trong kế hoạch nâng cao chất lượng dịch vụ logistics, tăng cường năng lực vận tải đồng thời hướng tới kỷ niệm 15 năm thành lập Công ty.

- *In July 2023, the Group received 350 newly built 20' containers from Hoa Phat Group. This batch of newly built containers is part of the plan to improve logistics service quality, enhance transportation capacity, and commemorate the Group's 15th anniversary.*
- Từ ngày 01-03/08/2024, tại TP. Hồ Chí Minh, Công ty cùng các đơn vị thành viên đã tham gia Triển lãm quốc tế Logistics Việt Nam 2024 và trưng bày sản phẩm, dịch vụ tại sự kiện. Trong 3 ngày diễn ra Triển lãm, gian trưng bày của Công ty đã đón tiếp hàng ngàn khách tham quan trong nước và quốc tế.
- *From August 1-3, 2024, in Ho Chi Minh City, the Group and its subsidiaries participated in the Vietnam International Logistics Exhibition 2024 and showcased products and services at the event. During the 3 days of the exhibition, the Group's booth received thousands of domestic and international visitors.*
- Kỷ niệm 15 năm thành lập và phát triển Công ty, Hải An đã triển khai một chuỗi các sự kiện tại TP. HCM và Hải Phòng như:
  - + Tại TP. HCM: Công ty tổ chức Lễ Kỷ niệm 15 năm thành lập và Tri ân Đối tác; Giải thi đấu Golf giao hữu nhằm mang đến cơ hội giao lưu, kết nối và thắt chặt mối quan hệ giữa Hải An với các Đối tác.
  - + Tại TP. Hải Phòng: Công ty và BCH Công đoàn tổ chức giao lưu thể thao giữa CBCNV của Hải An với Đối tác, Khách hàng thân thiết của Hải An.
- *To celebrate the 15th anniversary of the Group's establishment and development, Hai An organized a series of events in Ho Chi Minh City and Haiphong City such as:*
  - + *In Ho Chi Minh City: The Group organized the 15th Anniversary Celebration and Partner Appreciation Ceremony; a friendly Golf Tournament to foster networking and strengthen relationships between Hai An and its partners.*
  - + *In Hai Phong City: The Group and the Executive Committee of the Trade Union organized sports exchanges between Hai An's staff and loyal partners and customers of Hai An.*
- Ngày 05/11/2024, Công ty đã thành lập phòng Tổ chức Lao động Tiền lương nhằm hoàn thiện bộ máy tổ chức. Định biên của phòng gồm một (01) Trưởng phòng, từ một (01) đến hai (02) Phó Trưởng phòng và từ hai (02) đến ba (03) chuyên viên.
- *On November 5, 2024, the Group established the Labor Organization and Wage Department to complete the organizational structure. The staffing of the department includes one (01) Head of Department, one (01) to two (02) Deputy Heads of Department, and two (02) to three (03) specialists.*
- Đối với công tác công nghệ thông tin:
  - + Triển khai thành công hệ thống phần mềm hợp nhất báo cáo tài chính FPT CFS.

- + Triển khai áp dụng online toàn bộ các tác nghiệp của hệ thống ePort, eDepot tới khách hàng.
- + Đưa phần mềm quản lý Shipping áp dụng cho tuyến ngoại của HACT & Lotuslink theo hướng đa nền tảng tương tác với khách hàng & Cảng/bãi trong một số tác vụ.
- + Đã triển khai phần mềm quản lý tàu VOLLZO với số lượng 3 tàu.
- *In terms of information technology:*
  - + *Successfully deployed the FPT CFS unified financial reporting software system.*
  - + *Implemented online application for all operations of the ePort and eDepot systems for customers.*
  - + *Introduced the Shipping Management Software for HACT & Lotuslink's international routes, following a multi-platform approach to interact with customers and ports/yards in some operations.*
  - + *Deployed the VOLLZO Ship Management Software for 3 vessels.*
- Đối với công tác phúc lợi doanh nghiệp: Ban lãnh đạo kết hợp cùng Công đoàn Công ty đã đảm bảo đầy đủ các chế độ phúc lợi doanh nghiệp cho người lao động trong Công ty trong năm.
- *In terms of corporate welfare: The management, in collaboration with the Group's Trade Union, ensured the full provision of corporate welfare regimes for the Group's employees throughout the year.*

## 2. Kế hoạch năm 2025/ Plan for the Year 2025

### a) Kế hoạch sản xuất kinh doanh/ Business Plan

Căn cứ tình hình thị trường, trên cơ sở năng lực hiện có Công ty xây dựng kế hoạch năm 2025 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:/ Based on market conditions and the Group's existing capabilities, the 2025 plan is constructed with the following key targets:

STT No.	CHỈ TIÊU CRITERIA	Đơn vị Unit	Kế hoạch 2025 2025 Plan
1	<b>Tổng sản lượng Total volume</b>	TEU	<b>1.506.840</b>
	- Khai thác cảng - Terminal operation	TEU	545.000
	- Khai thác tàu - Vessel operation	TEU	761.840
	- Sản lượng Depot - Volume of Depot	TEU	200.000
2	<b>Tổng Doanh thu Total revenue</b>	<b>Tỷ VNĐ Billion VND</b>	<b>4.243</b>



STT No.	CHỈ TIÊU CRITERIA	Đơn vị Unit	Kế hoạch 2025 2025 Plan
3	Lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Công ty mẹ <i>Consolidated Profit after tax of the Parent Company</i>	Tỷ VNĐ <i>Billion VND</i>	702

- b) Về kế hoạch đầu tư/ *Investment Plan*
- Về đội tàu: Tìm mua từ 01 đến 02 tàu container cũ (khi có cơ hội)/ *Regarding fleet: to seek opportunities to purchase 01 to 02 second-hand container vessels.*
  - Về cảng và logistics/ *Regarding terminal and logistics:*
    - + Thanh lý các xe nâng, phương tiện cũ hỏng và đầu tư từ 01-02 xe nâng 45T mới loại Kalmar;/ *Liquidate old and damaged forklifts, and invest in 01-02 new Kalmar 45T forklifts;*
    - + Nghiên cứu phương án lắp đặt hệ thống điện mặt trời để phục vụ nhu cầu sử dụng điện năng cho sản xuất kinh doanh;/ *Explore options for installing solar power systems to meet the electricity demand for business operations;*
    - + Nâng cấp, sửa chữa văn phòng và khu vực tòa nhà Hải An với chi phí dự kiến 10 tỷ đồng;/ *Upgrade and repair the office and area of Hai An building with an estimated cost of VND 10 billion;*
    - + Tiếp tục thực hiện chuyển nhượng dự án đầu tư tại khu vực Cái Mép./ *Continue transferring investment projects in the Cai Mep area.*
- c) Về hoạt động kinh doanh/ *Business Operations*
- Hỗ trợ hoạt động các doanh nghiệp thành viên trong HAI AN GROUP./ *Support the activities of member enterprises within the HAI AN GROUP.*
  - Tiếp tục mở rộng hợp tác với ONE để khai thác tuyến Việt Nam - Singapore và các tuyến mới khác làm tiền đề cho những hợp tác khác lâu dài./ *Continue expanding cooperation with ONE to operate the Vietnam—Singapore route and other new routes as a foundation for long-term partnerships.*
  - Duy trì các mối quan hệ để phát triển việc cho thuê tàu./ *Maintain relationships to develop vessel chartering activities.*
  - Tìm kiếm khách hàng để đưa bến phao BP05 vào khai thác./ *Seek customers to bring BP05 buoy berth into operation.*
- d) Về công tác quản trị/ *Governance*
- Tuyển chọn nhân sự (Cán bộ phụ trách) có năng lực và kinh nghiệm phục vụ cho việc thành lập phòng Quản trị rủi ro./ *Recruit qualified and experienced personnel (Managers) to establish the Risk Management Department.*
  - Thành lập trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông, xây dựng cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ, bổ sung nhân sự, sắp xếp cán bộ cho Trung tâm./ *Establish the*

*Information Technology and Communication Center, build its organizational structure, define its functions and duties, recruit personnel, and arrange staff for the Center.*

- *Thực hiện điều chuyển, tuyển dụng thêm các nhân sự cho các phòng/ban mới để đáp ứng nhu cầu công việc./ Reallocate and recruit additional personnel for new departments to meet job requirements.*

### 3. Tình hình tài chính/ *Financial Situation*

#### 3.1 Tình hình tài sản/ *Assets*

	Chỉ tiêu <i>Indicators</i>	BCTC Công ty Mẹ <i>Parent Company financial statements</i>		BCTC Hợp nhất <i>Consolidated financial statement</i>	
		31/12/2023	31/12/2024	31/12/2023	31/12/2024
I	Tài sản ngắn hạn <i>Current assets</i>	1.236.175.555.108	1.086.628.479.223	1.600.183.520.090	1.752.839.556.274
1	Tiền và các khoản tương đương tiền <i>Cash and cash equivalents</i>	131.305.891.161	589.817.476.977	245.416.444.931	921.889.788.422
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn <i>Short-term financial investments</i>	36.500.000.000	27.500.000.000	72.500.000.000	70.500.000.000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn <i>Short-term receivables</i>	914.185.936.475	310.628.080.134	1.005.170.941.157	504.419.818.284
4	Hàng tồn kho <i>Inventories</i>	29.016.455.017	21.993.464.669	97.130.984.832	87.781.858.225
5	Tài sản ngắn hạn khác <i>Other current assets</i>	125.167.272.455	136.689.457.443	179.965.149.170	168.248.091.434
II	Tài sản dài hạn	2.970.356.124.497	4.749.872.162.369	3.758.765.837.975	5.536.685.012.719



	<i>Non-Current assets</i>				
1	Các khoản phải thu dài hạn <i>Long-term receivables</i>	187.157.700.000	150.843.150.000	113.018.300.000	112.904.900.000
2	Tài sản cố định <i>Fixed assets</i>	2.440.919.589.423	4.132.476.626.342	3.117.716.025.658	4.774.994.459.130
3	Bất động sản đầu tư <i>Investment properties</i>	-	-	-	-
4	Tài sản dở dang dài hạn <i>Long-term assets in progress</i>	11.988.744.472	119.691.000	30.167.374.406	20.809.927.916
5	Đầu tư tài chính dài hạn <i>Long-term financial investments</i>	269.671.693.766	419.078.791.894	155.416.142.173	173.753.234.283
6	Tài sản dài hạn khác <i>Other non-current assets</i>	60.618.396.836	47.353.903.133	342.447.995.738	454.222.491.390
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> <i>TOTAL ASSETS</i>	<b>4.206.531.679.605</b>	<b>5.836.500.641.592</b>	<b>5.358.949.358.065</b>	<b>7.289.524.568.993</b>

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

*Tangible fixed assets are determined by their historical costs less accumulated depreciation. Historical costs of tangible fixed assets include all the expenses paid by the Group to bring the asset to its working condition for its intended use. Other expenses arising subsequent to initial recognition are included into historical costs of fixed assets only if it can be clearly demonstrated that the expenditure has resulted in future economic benefits expected to be obtained from the use of these assets. Those which do not meet the above conditions will be recorded into operation costs during the year.*

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

*When a tangible fixed asset is sold or disposed, its historical cost and accumulated depreciation are written off, then any gain or loss arising from such disposal is included in the income or the expenses during the year.*

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

*Tangible fixed assets are depreciated in accordance with the straight-line method over their estimated useful lives. The depreciation years applied are as follows:*

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
<i>Class of fixed assets</i>	<i>Years</i>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5-20
<i>Buildings and structures</i>	
Máy móc và thiết bị	3-10
<i>Machinery and equipment</i>	
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-15
<i>Vehicles</i>	
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-5
<i>Office equipment</i>	
Tài sản cố định khác	4-10
<i>Other fixed assets</i>	

**Tài sản cố định vô hình/ Intangible fixed assets:**

- Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải

phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 35 năm.

*Land use right includes all the actual expenses paid by the Group directly attributable to the land being used such as expenses to obtain the land use right, expenses for site clearance compensation and ground leveling, registration fees, etc. The land use right is amortized in accordance with the straight-line method in 35 years.*

- Chương trình phần mềm: Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 3 đến 5 năm.

*Computer software: Costs to obtain computer software, which is not a part associated with the relevant hardware, will be capitalized. Costs of computer software include all the expenses paid by the Group until the date the software is put into use. Computer software is amortized in accordance with the straight-line method from 3 to 5 years.*

3.2 Tình hình nợ phải trả/ Debt Payable

	Chỉ tiêu <i>Indicators</i>	BCTC Công ty Mẹ <i>Parent Company financial statements</i>		BCTC Hợp nhất <i>Consolidated financial statement</i>	
		31/12/2023	31/12/2024	31/12/2023	31/12/2024
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b> <i>Current liabilities</i>	<b>629.310.598.700</b>	<b>797.964.807.412</b>	<b>937.258.799.894</b>	<b>1.210.096.529.973</b>
1	Phải trả người bán ngắn hạn <i>Short-term trade payables</i>	37.384.675.662	45.966.546.880	155.454.367.807	205.592.705.340
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn <i>Short-term advances from customers</i>	-	-	976.415.726	7.277.106.996
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước <i>Taxes and other obligations to the State Budget</i>	81.509.870.607	88.763.042.353	96.947.200.069	108.198.646.461
4	Phải trả người lao động <i>Payables to employees</i>	7.235.554.326	8.968.507.109	31.759.276.137	42.938.789.335
5	Chi phí phải trả ngắn hạn <i>Short-term accrued expenses</i>	5.666.241.315	26.142.161.255	18.766.015.749	58.858.307.791



	Chỉ tiêu <i>Indicators</i>	BCTC Công ty Mẹ <i>Parent Company financial statements</i>		BCTC Hợp nhất <i>Consolidated financial statement</i>	
		31/12/2023	31/12/2024	31/12/2023	31/12/2024
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn <i>Short-term unearned revenue</i>	3.061.635.000	13.542.045.963	4.306.751.216	20.574.777.038
7	Phải trả ngắn hạn khác <i>Other short-term payables</i>	170.236.614.439	147.882.270.253	108.245.500.331	109.316.310.466
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn <i>Short-term borrowings and financial leases</i>	238.960.019.104	381.587.350.174	394.192.141.723	532.321.458.647
9	Dự phòng phải trả ngắn hạn <i>Short-term provisions</i>	-	-	2.648.342.710	9.903.790.210
10	Quỹ khen thưởng, phúc lợi <i>Bonus and welfare funds</i>	85.255.988.247	85.112.883.425	123.962.788.426	115.114.637.689
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b> <i>Non-current liabilities</i>	<b>1.282.659.202.296</b>	<b>2.279.086.145.747</b>	<b>1.250.944.756.488</b>	<b>2.107.735.111.289</b>
1	Phải trả dài hạn khác <i>Other long-term payables</i>	625.218.000.000	677.391.000.000	257.625.260.000	309.798.260.000
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	657.441.202.296	1.601.695.145.747	992.607.614.288	1.797.936.851.289



	Chỉ tiêu <i>Indicators</i>	BCTC Công ty Mẹ <i>Parent Company financial statements</i>		BCTC Hợp nhất <i>Consolidated financial statement</i>	
		31/12/2023	31/12/2024	31/12/2023	31/12/2024
	<i>Long-term borrowings and financial leases</i>				
	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b> <i>LIABILITIES</i>	<b>1.911.969.800.996</b>	<b>3.077.050.953.159</b>	<b>2.188.203.556.382</b>	<b>3.317.831.641.262</b>

Đối với các khoản nợ đến hạn, Công ty duy trì thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ vay. Đây cũng là một lợi thế của công ty trong việc tiếp cận các nguồn vốn vay từ các ngân hàng cho các dự án của mình một cách dễ dàng với chi phí lãi vay ưu đãi nhất.

*For due debts, the Group maintains full and timely payment of its loans. This is also an advantage of the Group in accessing loan sources from banks for its projects easily, with the most favorable interest costs.*

**IV. Thông tin quản trị công ty/ Information of Corporate governance**

**1. Hội đồng Quản trị/ Board of Directors**

**1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/ Members and Structure of the Board of Directors**

<b>STT</b> <i>No.</i>	<b>Thành viên</b> <b>HĐQT</b> <i>Members of</i> <i>BOD</i>	<b>Chức vụ</b> <i>Position</i>	<b>Số CP</b> <b>nắm giữ</b> <i>Number of</i> <i>Shares</i> <i>held</i>	<b>Tỷ lệ %</b> <i>Percentage</i>	<b>Ghi chú</b> <i>Notes</i>
1	Ô. Vũ Thanh Hải <i>Mr. Vu Thanh Hai</i> Đại diện phần vốn: Công ty cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà <i>Capital Representative: Hai Ha Investment and Transport Joint Stock Company.</i>	Chủ tịch HĐQT <i>Chairman</i>	20.706.968	17,07	
2	Ô. Nguyễn Ngọc Tuấn <i>Mr. Nguyen Ngoc Tuan</i>	TVHĐQT kiêm TGD <i>Member of BOD, General Director</i>	119.321	0,098	
3	B. Trần Thị Hải Yến <i>Ms. Tran Thi Hai Yen</i>	TVHĐQT <i>Member of BOD</i>	17.920	0,015	
4	Ô. Phạm Quang Khánh <i>Mr. Pham Quang Khanh</i>	TVHĐQT kiêm PTGD <i>Member of BOD, Deputy</i>	59.512	0,049	

STT No.	Thành viên HĐQT Members of BOD	Chức vụ Position	Số CP nắm giữ Number of Shares held	Tỷ lệ % Percentage	Ghi chú Notes
		General Director			
5	Ô. Trần Tiến Dũng Mr. Tran Tien Dung	TVHĐQT Member of BOD	-	-	Miễn nhiệm ngày 05/03/2024 Dismissed on March 5, 2024
6	Ô. Nguyễn Đức Kiên Mr. Nguyen Duc Kien	TVHĐQT Member of BOD	-	-	
7	Ô. Nguyễn Văn Trúc Mr. Nguyen Van Truc	TVHĐQT Member of BOD	-	-	
8	Ô. Lê Anh Minh Mr. Le Anh Minh	TVHĐQT Member of BOD	-	-	Bổ nhiệm ngày 26/04/2024 Appointed on April 26, 2024

1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị: Không có/None

1.3 Hoạt động của Hội đồng Quản trị/ Activities of BOD

Các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị:

Resolutions of the Board of Directors:

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content
1	0201-2024/NQ- HĐQT	29/1/2024	- Phê duyệt ký kết các hợp đồng với các bên liên quan - Approval of signing of contracts with related parties

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content
2	0301-2024/NQ-HĐQT	29/1/2024	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phê duyệt việc tham gia ký kết Hợp đồng hợp tác kinh doanh để đầu tư và khai thác tàu HCY-265 (Haian Alfa)</li> <li>- <i>Approval of the signing of a business cooperation contract to invest and operate the container ship (Hull No.HCY-265) (Haian Alfa)</i></li> </ul>
3	0401-2024/NQ-HĐQT	29/1/2024	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua việc bổ sung nội dung liên quan đến việc đăng ký biện pháp bảo đảm trong phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ năm 2023 của Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An</li> <li>- <i>Approval of the addition of content related to registration of security measures in the plan to issue private convertible bond in 2023 of Hai An transport and Stevedoring Joint Stock Company</i></li> </ul>
4	0202-2024/NQ-HĐQT	02/2/2024	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua kết quả chào bán trái phiếu riêng lẻ năm 2023</li> <li>- <i>Approval of the results of the private bond issuance in 2023</i></li> <li>- Thông qua chi tiết danh sách Nhà đầu tư tham gia mua Trái phiếu</li> <li>- <i>Approval of details of the list of investors purchased Bonds</i></li> </ul>
5	0402-2024/NQ-HĐQT	27/2/2024	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua kết quả Báo cáo kết quả hoạt động SXKD, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty năm 2023 và phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024</li> <li>- <i>Approval of the Group's production and business performance report and audited financial statements for 2023 and approving the production and business plan for 2024</i></li> </ul>

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phê duyệt kế hoạch tổ chức đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024</li> <li>- <i>Approval of the organization plan of annual General Meeting of Shareholders of 2024</i></li> </ul>
6	0203-2024/QĐ - HĐQT	05/3/2024	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đồng ý miễn nhiệm chức danh Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An nhiệm kỳ 2023-2028 theo nguyện vọng cá nhân đối với ông Trần Tiến Dũng</li> <li>- <i>Dismissing the title of Member of the BOD of Hai An Transport and Stevedoring Joint Stock Company for term 2023-2028 according to the personal wishes of Mr. Tran Tien Dung</i></li> </ul>
7	0403-2024/NQ- HĐQT	25/3/2024	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phê duyệt kế hoạch tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024</li> <li>- <i>Approval of the organization plan of annual General Meeting of Shareholders of 2024</i></li> </ul>
8	0204-2024/NQ- HĐQT	24/4/2024	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024</li> <li>- <i>Approval of adjustments to the production and business plan for 2024</i></li> <li>- Thông qua các báo cáo, tờ trình và các tài liệu khác trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024</li> <li>- <i>Approval of the reports, proposals and other documents submitted to the 2024 Annual Meeting of Shareholders</i></li> </ul>
9	0205-2024/NQ- HĐQT	06/5/2024	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua việc tiến hành các thủ tục cần thiết để thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2023</li> <li>- <i>Approval of the implementation of necessary procedures to make stock dividend payments in 2023</i></li> </ul>

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content
10	0405-2024/NQ- HĐQT	13/5/2024	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phê duyệt việc tham gia và ký kết Hợp đồng hợp tác kinh doanh để đầu tư và khai thác tàu HCY-268 (Haian Opus)</li> <li>- <i>Approval of the participation and signing of the Business Cooperation Contract to invest and operate the container ship (Hull No.HCY-268)</i></li> </ul>
11	0206-2024/NQ- HĐQT	04/6/2024	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua việc thế chấp tài sản để đảm bảo nghĩa vụ trái phiếu theo cam kết với nhà đầu tư đối với trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ mã HAHH2328001 theo phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ năm 2023 của Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An</li> <li>- <i>Approval of the mortgage of assets to secure bond obligations according to commitments to investors for private convertible bonds code HAHH2328001 according to the Hai An transport and stevedoring Joint Stock Company's 2023 private convertible bonds issuance plan</i></li> </ul>
12	0306-2024/NQ- HĐQT	04/6/2024	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phê duyệt việc chỉ định đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2024</li> <li>- <i>Approval of the appointment of an auditing entity to audit the 2024 Financial Reports</i></li> </ul>
13	0401-2024/NQ- HĐQT	04/6/2024	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ tức năm 2023 bằng cổ phiếu theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024</li> <li>- <i>Approval of the closing of the list of shareholders to exercise the right to receive dividends in 2023 by shares as authorized by the 2024 Annual General Meeting of Shareholders</i></li> </ul>

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content
14	0606-2024/NQ- HĐQT	21/6/2024	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua việc thay thế Tài Sản Bảo Đảm đối với trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ mã HAAH2328001 theo phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ năm 2023 của Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An</li> <li>- <i>Approval of the replacement of Security Assets for private convertible bonds code HAAH2028001 according to the plan to issue private convertible bonds in 2023 of Hai An Transport and Stevedoring Joint Stock Company</i></li> </ul>
15	0806-2024/NQ- HĐQT	29/6/2024	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua việc thoái vốn của Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An tại Công ty cổ phần dịch vụ cảng Lưu Nguyễn Cái Mép</li> <li>- <i>Approval of the divestment of Hai An Transport and Stevedoring Joint Stock Company at Luu Nguyen Cai Mep port services Joint Stock Company</i></li> </ul>
16	0207-2024/NQ- HĐQT	02/7/2024	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua nội dung sửa đổi mục 1 điều 7 của Điều lệ Công ty</li> <li>- <i>Approval of the amendment to section 1, article 7 of the Group's Charter</i></li> </ul>
17	0407-2024/NQ- HĐQT	08/7/2024	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua việc vay vốn và phê duyệt thế chấp tài sản tại Ngân hàng <i>Approval of loans and mortgage of assets at the Bank</i></li> <li>- Thông qua nội dung bản dự thảo Hợp đồng cấp tín dụng và Hợp đồng bảo đảm giữa Công ty và Ngân hàng</li> <li>- <i>Approval of the content of draft Credit Contract and Guarantee Contract between the Group and the Bank</i></li> </ul>
18	0209-2024/NQ- HĐQT	18/9/2024	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua báo cáo tài chính đã được soát xét bán niên năm 2024</li> </ul>

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content
			<p><i>Approval of the semi-annual financial statements for 2024</i></p> <p>- <i>Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024</i></p> <p><i>Approval of adjustments to the production and business plan for 2024</i></p> <p>- <i>Phê duyệt chủ trương đầu tư mua tàu container đã qua sử dụng, loại Panamax (3.500-5.000 TEU) để chuẩn bị cho việc mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty tổ chức nghiên cứu, tìm kiếm đối tác, thương thảo Hợp đồng mua bán tàu và thực hiện các công việc có liên quan khác.</i></p> <p>- <i>Approval of the investment policy to buy used container ships, Panamax type (3,500-5,000 TEU) to prepare for the expansion of production and business activities of the Group, at the same time authorized the Chairman and General Directors research, searches for partners negotiates ship purchase and sale contracts and performs other related work</i></p>
19	0210-2024/NQ-HĐQT	31/10/2024	<p>- <i>Phê duyệt mua tàu “TORO”, số IMO 9322516 theo Hợp đồng mua tàu ký ngày 08/10/2024 (“MOA”) của bên bán là Lamba Seatrading S.A có trụ sở tại Liberia.</i></p> <p>- <i>Approval of the purchasing of the vessel “TORO”, IMO number 9322516 according to the Memorandum of Agreement signed on October 8, 2024 (“MOA”) of the seller, Lamba Seatrading S.A, headquartered in Liberia.</i></p>



STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content
20	0211-2024/NQ- HĐQT	05/11/2024	- Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng - <i>Approval of the loan at Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam – Hai Phong Branch</i>
21	0411-2024/QĐ- HĐQT	05/11/2024	- Thành lập phòng Tổ chức lao động tiền lương thực thuộc Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An - <i>Establishing Department of Labor and salary organization belong to Hai An Transport and Stevedoring Joint Stock Company</i>

2. **Ban Kiểm soát/ Board of Control**

- **Thành viên Ban Kiểm soát/ Member of Board of Control**

STT No.	Thành viên BKS Member of BOC	Chức vụ Position	Số CP năm giữ Number of Shares held	Tỷ lệ % Percentage	Ghi chú Notes
1	B. Nguyễn Thị Thanh Tú <i>Ms. Nguyen Thi Thanh Tu</i>	Trưởng ban <i>Head of BOC</i>	61.435	0,051	
2	B. Trần Thị Thơm <i>Ms. Tran Thi Thom</i>	Kiểm soát viên <i>Member of BOC</i>	14.950	0,012	
3	Ô. Bùi Việt Phương <i>Mr. Bui Viet Phuong</i>	Kiểm soát viên <i>Member of BOC</i>			Miễn nhiệm ngày 05/03/2024 <i>Dismissed on March 5, 2024</i>
4	Ô. Nguyễn Mạnh Hùng	Kiểm soát viên <i>Member of BOC</i>			Bổ nhiệm ngày 26/04/2024

STT No.	Thành viên BKS Member of BOC	Chức vụ Position	Số CP năm giữ Number of Shares held	Tỷ lệ % Percentage	Ghi chú Notes
	Mr. Nguyen Manh Hung				Appointed on April 26,2024

- **Hoạt động của Ban Kiểm soát/ Activities of BOC**

Trong năm 2024, Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ xem xét chi tiết hoạt động quản trị và kinh doanh của công ty tại thời điểm. Đại diện Ban kiểm soát được HĐQT mời tham gia phiên họp làm việc về các định hướng phát triển của Công ty. Ban kiểm soát cũng thường xuyên duy trì việc trao đổi và đánh giá tình hình hoạt động của công ty với Ban điều hành và HĐQT.

*In 2024, the BOC carried out its duties by conducting a detailed review of the Group's governance and business activities at specific times. A representative of the BOC was invited by the Board of Directors to participate in meetings discussing the Group's development strategies. The Board of Control also regularly maintained communication and evaluated the Group's operational performance with the Executive Board and the Board of Directors.*

3. **Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Transactions, Allowance, and Benefits of the BOD, Management Board and BOC**

3.1 **Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát (Giá trị trước thuế TNCN)/ Allowance of the BOD and BOC (Pre-Personal Income Tax Value)**

STT No.	Nội dung Content	Thù lao Allowance	Ghi chú Notes
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị Board of Directors</b>		
1	Vũ Thanh Hải	120.000.000	
2	Trần Thị Hải Yến	120.000.000	
3	Nguyễn Ngọc Tuấn	120.000.000	
4	Phạm Quang Khánh	120.000.000	
5	Nguyễn Đức Kiên	120.000.000	
6	Nguyễn Văn Trúc	120.000.000	
7	Lê Anh Minh	20.000.000	Từ 26/4/2024

<b>STT</b> <i>No.</i>	<b>Nội dung</b> <i>Content</i>	<b>Thù lao</b> <i>Allowance</i>	<b>Ghi chú</b> <i>Notes</i>
			<i>From 26/4/2024</i>
8	Trần Tiến Dũng	100.000.000	Đến 26/4/2024 <i>To 26/4/2024</i>
<b>II</b>	<b>Ban Kiểm soát</b> <i>Board of Control</i>		
1	Nguyễn Thị Thanh Tú	60.000.000	
2	Trần Thị Thơm	60.000.000	
3	Nguyễn Mạnh Hùng	10.000.000	Từ 26/4/2024 <i>From 26/4/2024</i>
4	Bùi Việt Phương	50.000.000	Đến 26/4/2024 <i>To 26/4/2024</i>

**3.2 Giao dịch của cổ đông lớn/cổ đông nội bộ và người có liên quan/ Transaction of major shareholder, internal shareholder and related persons of internal persons**

Stt No.	Người thực hiện giao dịch Transacting Party	Quan hệ với cổ đông nội bộ Relationship with internal shareholder	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ Number of shares owned at the beginning of period		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of period		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) Reasons for increasing, decreasing (buying, selling, converting, rewarding, etc.)
			Số cổ phiếu Number of shares	Tỷ lệ (%) Percentage	Số cổ phiếu Number of shares	Tỷ lệ (%) Percentage	
1	Công ty CP Đầu tư và Vận tải Hải Hà Hai Ha Investment and Transport Joint Stock Company	Ông Vũ Thanh Hải – TV HĐQT CTCP đầu tư và vận tải Hải Hà là chủ tịch HĐQT Công ty Mr. Vu Thanh Hai – Member of BOD of Hai Ha Investment and Transport Joint Stock Company is Chairman of Company	15.332.700	14,53%	20.427.605	16,83%	- Tăng đầu tư Investment increase
2	Công ty TNHH Quỹ TM Holding TM Holding Fund Company Limited	Ông Trần Tiến Dũng – TV HĐQT CT TNHH Quỹ TM Holding là TV HĐQT Công ty Mr. Tran Tien Dung – Member of BOD of TM Holding Fund Company Limited is Member of BOD of Company	5.250.000	4,98%	-	-	- Giảm đầu tư Investment decrease

Stt No.	Người thực hiện giao dịch <i>Transacting Party</i>	Quan hệ với cổ đông nội bộ <i>Relationship with internal shareholder</i>	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ <i>Number of shares owned at the beginning of period</i>		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of period</i>		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) <i>Reasons for increasing, decreasing (buying, selling, converting, rewarding, etc.)</i>
			Số cổ phiếu <i>Number of shares</i>	Tỷ lệ (%) <i>Percentage</i>	Số cổ phiếu <i>Number of shares</i>	Tỷ lệ (%) <i>Percentage</i>	
3	Công ty cổ phần cung ứng và dịch vụ kỹ thuật hàng hải <i>Marine Supply and Engineering service Joint Stock Company</i>	Ông Trần Tiến Dũng – TV HĐQT CTCP cung ứng và dịch vụ kỹ thuật hàng hải là TV HĐQT Công ty <i>Mr. Tran Tien Dung – Member of BOD of Marine supply and engineering service Joint Stock Company is Member of BOD of Company</i>	1.500.000	1,42%	-	-	- Giảm đầu tư <i>Investment decrease</i>
4	Ông Vũ Ngọc Sơn <i>Mr. Vu Ngoc Son</i>	Là bố của ông Vũ Thanh Hải – Chủ tịch HĐQT <i>The father of Mr. Vu Thanh Hai – Chairman</i>	1.788.453	1,69%	3.496.720	2,88%	- Tăng đầu tư <i>Investment increase</i>

**3.3 Các hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ và người có liên quan/ Contracts or transactions with internal shareholders and related persons:**

**a) Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt/ Transactions and balances with the key managers and their related individuals:**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*The key managers include the members of the Board of Directors (“BOD”), the Board of Control (“BOC”), the Board of Management (“BOM”) and the Chief Accountant. The key managers’ related individuals are their close family members.*

Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

*The Group has no transactions with the key managers and their related individuals.*

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:*

*Compensation of the key managers:*

	<b>Năm nay</b> <i>Curent year</i>	<b>Năm trước</b> <i>Previous year</i>
Tiền lương, thưởng, thù lao và phụ cấp <i>Salary, Bonus, Remuneration and Allowance</i>	12.934.727.270	15.917.852.181
Cộng <i>Total</i>	12.934.727.270	15.917.852.181

**b) Giao dịch với các công ty liên kết/ Transactions with associates**

	<b>Năm nay</b> <i>Current year</i>	<b>Năm trước</b> <i>Previous year</i>
<b>Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An</b> <b>Hai An Freight Forwarding JSC</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết <i>Revenue from rendering of services to the associate</i>	88.530.508.603	100.288.462.634
Sử dụng dịch vụ của Công ty liên kết <i>Using services of the associate</i>	5.743.443.417	6.801.706.861
Bồi thường cho Công ty liên kết <i>Compensation paid to the associate</i>	-	18.364.054
Công ty liên kết chia cổ tức <i>Dividends declared by the associate</i>	1.553.760.000	2.988.000.000
Nhận vốn góp BCC từ Công ty liên kết <i>BCC capital contributed by the associate</i>	-	9.885.260.000
Chia lợi nhuận BCC cho Công ty liên kết <i>BCC profit distributed to the associate</i>	8.357.231.716	11.492.203.539

	<b>Năm nay</b> <i>Current year</i>	<b>Năm trước</b> <i>Previous year</i>
<b>Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên</b> <i>An Bien Shipping Lines Corporation</i>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết <i>Revenue from rendering of services to the associate</i>	-	18.324.123.250
Chia lợi nhuận BCC cho Công ty liên kết <i>BCC profit distributed to the associate</i>	858.621.802	919.276.294
Nhận lợi nhuận BCC từ Công ty liên kết <i>BCC profit received from the associate</i>	73.753.836.670	68.887.869.843
Vay Công ty liên kết <i>Borrowing from the associate</i>	-	25.000.000.000
Lãi vay phải trả Công ty liên kết <i>Loan interest payable to the associate</i>	-	287.671.233
Chi hộ Công ty liên kết <i>Payments on behalf of the associate</i>	-	45.551.688
<b>c) Phải thu ngắn hạn/ Short-term trade receivables</b>		
	<b>Số cuối năm</b> <i>Ending balance</i>	<b>Số đầu năm</b> <i>Beginning balance</i>
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An <i>Hai An Freight Forwarding JSC</i>	20.540.265.877	16.172.936.363
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên <i>An Bien Shipping Lines Corporation</i>	2.956.045.320	3.350.810.757
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức <i>Marina Logistics &amp; Agencies Co., Ltd.</i>	1.811.015.156	987.666.183
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng <i>Branch of Marina Logistics &amp; Agencies Co., Ltd. in Haiphong</i>	5.582.920.100	4.762.625.398
<b>d) Doanh thu cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan/ Revenue from rendering of services to related parties</b>		
Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau: <i>The Group also has transactions of sales of merchandise and rendering of services to the related parties which are not associates as follows:</i>		

	<b>Năm nay</b> <i>Current year</i>	<b>Năm trước</b> <i>Previous year</i>
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức <i>Marina Logistics &amp; Agencies Co., Ltd</i>	8.007.735.068	10.103.215.200
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng <i>Branch of Marina Logistics &amp; Agencies Co., Ltd. in Haiphong</i>	26.282.654.931	27.226.926.617
Chi nhánh Công ty TNHH vận tải và đại lý vận tải đa phương thức tại TP. Hồ Chí Minh <i>Branch of Marina Logistics &amp; Agencies Co., Ltd. in Ho Chi Minh City</i>	125.085.927	698.123.922
<b>e) Giao dịch của các bên liên quan khác/ Transactions with other related parties:</b>		
	<b>Năm nay</b> <i>Current year</i>	<b>Năm trước</b> <i>Previous year</i>
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà</b> <i>Hai Ha Investment and Transportation JSC</i>		
Sử dụng dịch vụ cho thuê văn phòng <i>Using office lease service</i>	3.655.448.323	4.083.175.833
Nhận vốn góp BCC từ bên liên quan <i>BCC capital contributed by the related party</i>	52.173.000.000	-
Chia lợi nhuận BCC cho bên liên quan <i>BCC profit distributed to the related party</i>	30.974.503.963	35.209.344.929
<b>Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức</b> <i>Marina Logistics &amp; Agencies Co., Ltd.</i>		
Tập đoàn chi trả lợi nhuận cho thành viên góp vốn <i>Profit distributed by the Group to capital contributor</i>	3.663.723.058	9.727.046.500
Sử dụng dịch vụ đại lý <i>Using agency service</i>	36.198.217.191	-
Chia lợi nhuận BCC cho bên liên quan <i>BCC profit distributed to the related party</i>	21.050.709.440	26.615.961.529
Bên liên quan chia cổ tức cho tập đoàn <i>Dividends receivable from the related party</i>	1.400.000.000	2.000.000.000
<b>Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng</b> <i>Branch of Marina Logistics &amp; Agencies Co., Ltd. in Haiphong</i>		
Sử dụng dịch vụ khai thác cảng	55.386.000	76.800.705



	<u>Năm nay</u> <i>Current year</i>	<u>Năm trước</u> <i>Previous year</i>
<i>Using port operation service</i>		
<b>Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh-Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức</b>		
<i>Branch of Marina Logistics &amp; Agencies Co., Ltd. in Ho Chi Minh City</i>		
Sử dụng dịch vụ vận chuyển <i>Using transport service</i>	38.743.256.021	33.987.179.662

**V. Báo cáo tài chính/ Financial statements**

Báo cáo Tài chính năm 2024 đã được kiểm toán (Công ty Mẹ và Hợp nhất) có thể tham khảo trên địa chỉ Website: [www.haiants.vn](http://www.haiants.vn) (Mục Quan hệ Cổ đông)

*The audited Financial Statements for 2024 (Parent Company and Consolidated) can be accessed at the website: [www.haiants.vn](http://www.haiants.vn) (Investor Relations section).*

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2025

Hanoi, 12 March 2025



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Nguyễn Ngọc Tuấn*



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI  
VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	13 - 45

\*\*\*\*\*



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

**Khái quát về Công ty**

Công ty được chuyển đổi hình thức từ Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0103818809 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08 tháng 5 năm 2009.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh từ lần thứ 1 đến lần thứ 17 về việc thay đổi địa chỉ công ty, bổ sung ngành nghề kinh doanh, thành viên góp vốn, thay đổi vốn điều lệ. Trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 17 được cấp ngày 05 tháng 7 năm 2024 về việc tăng vốn điều lệ.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 0243 987 7515
- Fax : 0243 944 4022

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau :

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh – Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	Số 217 Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An tại Bà Rịa – Vũng Tàu	Khu A, lô 17 khu nhà ở Phú Mỹ, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Vận tải đường thủy nội địa, ven biển và viễn dương;
- Bốc xếp hàng hóa cảng biển;
- Vận tải đường bộ, hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy và dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Vũ Thanh Hải	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2023
Bà Trần Thị Hải Yến	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2023
Ông Phạm Quang Khánh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Đức Kiên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Văn Trúc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2023
Ông Lê Anh Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024
Ông Trần Tiến Dũng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 05 tháng 3 năm 2024

**Ban Kiểm soát**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Bà Nguyễn Thị Thanh Tú	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2023
Bà Trần Thị Thơm	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024
Ông Bùi Việt Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 05 tháng 3 năm 2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**  
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

**Ban điều hành**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Tổng Giám đốc	Ngày 20 tháng 6 năm 2023
Ông Phạm Quang Khánh	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 08 tháng 9 năm 2021
Ông Vũ Doãn Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 08 tháng 9 năm 2021
Bà Trần Thị Thanh Hào	Kế toán trưởng	Ngày 01 tháng 6 năm 2021

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Ngọc Tuấn – Tổng Giám đốc.

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

**Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Ngọc Tuấn**

Ngày 15 tháng 02 năm 2025

Số: 2.0057/25/TC-AC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ HẢI AN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 15 tháng 02 năm 2025, từ trang 6 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**

**Chi nhánh Hà Nội**



**Nguyễn Hoàng Đức – Thành viên Ban Giám đốc**

*Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 0368-2023-008-1*

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2025

**Trần Kim Anh - Kiểm toán viên**

*Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 1907-2023-008-1*

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HÀI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.086.628.479.223</b>	<b>1.236.175.555.108</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>589.817.476.977</b>	<b>131.305.891.161</b>
1. Tiền	111		259.817.476.977	49.155.891.161
2. Các khoản tương đương tiền	112		330.000.000.000	82.150.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>27.500.000.000</b>	<b>36.500.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	27.500.000.000	36.500.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>310.628.080.134</b>	<b>914.185.936.475</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	165.462.730.292	154.623.576.319
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	6.165.161.294	435.674.604.499
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	38.000.000.000	58.600.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	139.000.188.548	265.452.589.269
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(38.000.000.000)	(164.833.612)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>21.993.464.669</b>	<b>29.016.455.017</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.8	21.993.464.669	29.016.455.017
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>136.689.457.443</b>	<b>125.167.272.455</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	13.105.073.337	9.175.487.543
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		123.584.384.106	115.991.784.912
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>4.749.872.162.369</b>	<b>2.970.356.124.497</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>150.843.150.000</b>	<b>187.157.700.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.4b	-	36.314.550.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	150.843.150.000	150.843.150.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>4.132.476.626.342</b>	<b>2.440.919.589.423</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	4.129.171.449.977	2.438.789.936.808
<i>Nguyên giá</i>	222		5.297.376.741.103	3.317.893.545.706
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.168.205.291.126)	(879.103.608.898)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	3.305.176.365	2.129.652.615
<i>Nguyên giá</i>	228		8.316.325.236	6.541.325.236
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(5.011.148.871)	(4.411.672.621)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>119.691.000</b>	<b>11.988.744.472</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	119.691.000	11.988.744.472
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2b</b>	<b>419.078.791.894</b>	<b>269.671.693.766</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		418.562.476.376	294.138.800.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.494.000.000	1.494.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		866.500	866.500
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(978.550.982)	(25.961.972.734)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>47.353.903.133</b>	<b>60.618.396.836</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	47.353.903.133	60.618.396.836
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>5.836.500.641.592</b>	<b>4.206.531.679.605</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>3.077.050.953.159</b>	<b>1.911.969.800.996</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>797.964.807.412</b>	<b>629.310.598.700</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	45.966.546.880	37.384.675.662
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	88.763.042.353	81.509.870.607
4. Phải trả người lao động	314		8.968.507.109	7.235.554.326
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	26.142.161.255	5.666.241.315
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15	13.542.045.963	3.061.635.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	147.882.270.253	170.236.614.439
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	381.587.350.174	238.960.019.104
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	85.112.883.425	85.255.988.247
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.279.086.145.747</b>	<b>1.282.659.202.296</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	677.391.000.000	625.218.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	1.601.695.145.747	657.441.202.296
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HÀI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>2.759.449.688.433</b>	<b>2.294.561.878.609</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.19</b>	<b>2.759.449.688.433</b>	<b>2.294.561.878.609</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.213.430.910.000	1.055.168.810.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.213.430.910.000	1.055.168.810.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		191.640.648.159	191.640.648.159
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		702.697.070.809	554.816.070.809
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		651.681.059.465	492.936.349.641
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		152.288.249.641	492.936.349.641
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		499.392.809.824	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>5.836.500.641.592</b>	<b>4.206.531.679.605</b>

Người lập biểu

Vũ Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hào

Lập, ngày 15 tháng 02 năm 2025

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tuấn

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.571.067.708.425	1.174.995.065.493
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.571.067.708.425	1.174.995.065.493
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	867.853.141.848	644.223.186.261
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		703.214.566.577	530.771.879.232
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	37.820.625.193	54.342.387.890
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	48.648.251.167	54.489.737.958
Trong đó: chi phí lãi vay	23		69.672.862.869	40.535.205.448
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	83.990.454.889	30.247.628.388
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		608.396.485.714	500.376.900.776
11. Thu nhập khác	31	VI.6	3.912.914.440	851.937.855
12. Chi phí khác	32	VI.7	3.141.313.269	550.304.492
13. Lợi nhuận khác	40		771.601.171	301.633.363
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		609.168.086.885	500.678.534.139
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	109.775.277.061	81.082.845.615
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		499.392.809.824	419.595.688.524
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-

Người lập biểu

Vũ Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hào

Lập, ngày 15 tháng 02 năm 2025

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tuấn

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	609.168.086.885	500.678.534.139
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	243.009.399.846	162.218.965.474
- Các khoản dự phòng	03 V.2b	13.016.578.248	11.775.256.505
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04 VI.4	2.116.572.482	(101.490.305)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(36.169.360.178)	(51.786.835.662)
- Chi phí lãi vay	06 VI.4	69.672.862.869	40.535.205.448
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	900.814.140.152	663.319.635.599
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	135.781.868.678	92.645.634.959
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	7.022.990.348	(10.046.345.226)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	125.114.265.256	125.535.386.177
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	51.941.168.972	(24.733.002.838)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(50.728.718.635)	(41.458.463.095)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15 V.13	(112.018.418.436)	(141.735.874.409)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17 V.18	(34.648.104.822)	(12.877.982.400)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>1.023.279.191.513</b>	<b>650.648.988.767</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(1.743.850.027.486)	(831.640.424.734)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	9.350.533.706	818.181.818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(50.000.000.000)	(66.314.550.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	115.914.550.000	55.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(23.516.100.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	17.898.661.526	65.518.586.876
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(1.650.686.282.254)</b>	<b>(800.134.306.040)</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Năm nay	Năm trước
	số	minh		
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	1.416.061.814.338	494.431.210.178
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17a	(331.084.206.483)	(342.549.644.653)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(15.960.000)	(585.200.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>1.084.961.647.855</b>	<b>151.296.365.525</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>457.554.557.114</b>	<b>1.811.048.252</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>131.305.891.161</b>	<b>129.438.097.542</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		957.028.702	56.745.367
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>589.817.476.977</b>	<b>131.305.891.161</b>

Người lập biểu

Vũ Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hào

Lập, ngày 15 tháng 02 năm 2025

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tuấn

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

##### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

##### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

##### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Vận tải đường thủy nội địa, ven biển và viễn dương;
- Bốc xếp hàng hóa cảng biển;
- Vận tải đường bộ, hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy và dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

##### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

##### 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Kết quả kinh doanh năm nay tăng so với năm trước chủ yếu từ hoạt động khai thác tàu: doanh thu khai thác tàu tăng do giá cước vận tải đường biển và giá cho thuê tàu tăng mạnh vào cuối năm.

##### 6. Cấu trúc Công ty

*Các Công ty con*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Cảng Hải An	Tầng 1, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Cung cấp dịch vụ cảng biển	100%	100%	100%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ vận tải	50,5%	50,5%	50,5%
Công ty TNHH Pan Hải An	Tầng 6, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ khai thác Depot	51%	51%	51%
Công ty TNHH Liên doanh Zim Hải An	Tầng 02, Tòa nhà Đinh Vũ Plaza thuộc Khu dịch vụ cuối tuyến Đinh Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	51%	51%	51%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Lưu Nguyễn Cái Mép	Tổ 13 Khu phố Thị Vải, phường Mỹ Xuân, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Bãi Container và Dịch vụ cảng	51,54%	51,54%	51,54%

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### *Công ty liên kết*

Công ty chi đầu tư vào 01 Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An có trụ sở chính tại Văn phòng 3B, tầng 3, tòa B, tòa nhà Green Pearl, số 378 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là vận tải hàng hóa. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 36,16%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

### *Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc*

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh – Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	Số 217 Nguyễn Văn Thù, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An tại Bà Rịa – Vũng Tàu	Khu A, lô 17 khu nhà ở Phú Mỹ, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

### 7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

### 8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 81 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 77 nhân viên).

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

#### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 4. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

##### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### *Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết*

##### *Công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

##### *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

##### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

##### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

##### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là nguyên vật liệu được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Riêng đối với nhiên liệu xuất dùng cho tàu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu, chi phí bảo hiểm. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

##### *Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu*

Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### **Chi phí bảo hiểm**

Chi phí bảo hiểm trả trước là tiền phí bảo hiểm đã trả cho các kỳ sau. Chi phí bảo hiểm trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian bảo hiểm.

### **8. Tài sản thuê hoạt động**

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

### **9. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-20
Máy móc, thiết bị	03-10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06-15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05
Tài sản cố định hữu hình khác	04-10

### **10. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

#### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 35 năm.

#### ***Chương trình phần mềm máy tính***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 đến 5 năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

##### *Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát*

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu Công ty được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí Công ty phải gánh chịu.

#### 13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính

#### 14. Trái phiếu

##### *Trái phiếu chuyển đổi*

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của tổ chức phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành.

Trái phiếu chuyển đổi do Công ty phát hành là loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành một lượng cổ phiếu không xác định tại ngày đáo hạn (do phụ thuộc vào giá trị thị trường của cổ phiếu tại ngày đáo hạn), do đó, được kế toán như trái phiếu thường, theo quy định tại Điều 59, Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu được phản ánh theo mệnh giá. Công ty không phát sinh các khoản chiết khấu trái phiếu hoặc phụ trội trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 15. **Vốn chủ sở hữu**

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### 16. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 17. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### 18. **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### 19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### 20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### 21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### 22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	636.908.738	326.671.913
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	259.180.568.239	48.829.219.248
Các khoản tương đương tiền ( <i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i> )	330.000.000.000	82.150.000.000
<b>Cộng</b>	<u><b>589.817.476.977</b></u>	<u><b>131.305.891.161</b></u>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 2. Các khoản đầu tư tài chính

##### 2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (ngắn hạn)

Là tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại các Ngân hàng thương mại, giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

##### 2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>418.562.476.376</b>	<b>(978.550.982)</b>	<b>294.138.800.000</b>	<b>(25.961.972.734)</b>
Công ty TNHH Cảng Hải An	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	101.000.000.000	-	101.000.000.000	-
Công ty TNHH Pan Hải An	139.622.700.000	-	139.622.700.000	(2.445.872.734)
Công ty TNHH Liên doanh Zim Hải An	23.516.100.000	-	23.516.100.000	(23.516.100.000)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Lưu Nguyên Cái Mép	124.423.676.376	(978.550.982)	-	-
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>1.494.000.000</b>	<b>-</b>	<b>1.494.000.000</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	1.494.000.000	-	1.494.000.000	-
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>866.500</b>	<b>-</b>	<b>866.500</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	864.000	-	864.000	-
Công ty Cổ phần MHC	2.500	-	2.500	-
<b>Cộng</b>	<b>420.057.342.876</b>	<b>(978.550.982)</b>	<b>295.633.666.500</b>	<b>(25.961.972.734)</b>

Số lượng cổ phần nắm giữ và tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các đơn vị như sau:

Tên Công ty	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Cảng Hải An		100,00%		100,00%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An		50,50%		50,50%
Công ty TNHH Pan Hải An		51,00%		51,00%
Công ty TNHH Liên doanh Zim Hải An		51,00%		51,00%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Lưu Nguyên Cái Mép (*)	4.638.600	51,54%	-	-
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	1.553.760	36,16%	1.553.760	36,16%

(\*) Theo Nghị quyết số 0412-2023/NQ-HĐQT ngày 06/12/2023, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua việc nhận chuyển nhượng 4.638.600 cổ phần, tương đương 51,54% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Lưu Nguyên Cái Mép từ ông Lê Phong Hiếu và bà Đỗ Thị Hải Yến với giá chuyển nhượng là 124.423.676.376 VND. Ngày 31/3/2024, Công ty đã hoàn thành thủ tục nhận chuyển nhượng.

Theo Nghị quyết số 0806-2024/NQ-HĐQT ngày 29/6/2024, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua việc thoái vốn của Công ty tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Lưu Nguyên Cái Mép. Ngày 29/6/2024, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Lưu Nguyên Cái Mép cho 01 cá nhân với thời hạn thanh toán ban đầu là 45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Căn cứ Phụ lục hợp đồng mới nhất có hiệu lực, các bên thỏa thuận điều chỉnh thời hạn thanh toán là trong vòng 270 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, với thời hạn thanh toán cuối cùng dự kiến là ngày 26/3/2025.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### Tình hình hoạt động của công ty con, công ty liên kết

Các công ty con và công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với kỳ trước. Riêng Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Lưu Nguyên Cái Mép đang trong quá trình thực hiện các thủ tục pháp lý của Dự án, chưa phát sinh hoạt động kinh doanh.

#### Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết.

#### Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	25.961.972.734	14.186.716.229
Trích lập dự phòng bổ sung	978.550.982	11.775.256.505
Hoàn nhập dự phòng	(25.961.972.734)	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>978.550.982</b>	<b>25.961.972.734</b>

#### Giao dịch với công ty con, công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty TNHH Cảng Hải An</b>		
Doanh thu cho Công ty con thuê văn phòng	2.579.851.171	2.625.625.303
Sử dụng dịch vụ quản lý cảng của Công ty con	68.111.000.000	48.093.148.168
Sử dụng dịch vụ cấp nước ngọt của Công ty con	331.590.000	279.090.000
Sử dụng dịch vụ quản lý tòa nhà của Công ty con	984.000.000	984.000.000
Doanh thu khai thác cảng được Công ty con thu hộ	343.472.562.101	257.098.489.992
Công ty con chia lợi nhuận	25.340.321.896	20.736.098.835
<b>Công ty TNHH Vận tải Container Hải An</b>		
Doanh thu cho Công ty con thuê văn phòng	1.199.677.571	1.195.572.041
Doanh thu cho Công ty con thuê tàu	616.674.409.224	325.571.590.805
Giao lại dầu tồn trên tàu cho Công ty con	12.761.731.199	57.250.215.314
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác cho Công ty con	8.129.922.048	30.813.486.221
Bán tài sản cố định, công cụ dụng cụ cho Công ty con	8.000.000.000	1.263.636.363
Sử dụng dịch vụ của Công ty con	67.224.597.280	53.119.607.510
Nhận lại dầu tồn của Công ty con	10.845.430.880	53.507.407.830
Công ty con chia lợi nhuận	-	20.200.000.000
Nhận vốn góp theo hợp đồng BCC từ Công ty con	-	105.913.500.000
Chia lợi nhuận BCC cho Công ty con	53.657.392.447	68.090.023.821
Nhận lợi nhuận BCC từ Công ty con	26.614.900.644	3.099.330.094
<b>Công ty TNHH Pan Hải An</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho Công ty con	1.494.681.000	1.931.060.000
Sử dụng dịch vụ của Công ty con	2.455.763.424	1.421.594.819
Thuê xe nâng của Công ty con	-	1.500.000.000
Lãi cho Công ty con vay	505.680.000	1.166.000.000
<b>Công ty TNHH Liên doanh Zim Hải An</b>		
Góp vốn vào Công ty con	-	23.516.100.000
Doanh thu cho Công ty con thuê văn phòng	337.282.002	307.708.786

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu cho Công ty con thuê tàu	12.681.351.139	61.011.443.534
Giao lại đầu tồn trên tàu cho Công ty con	-	20.486.487.208
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác cho Công ty con	16.145.568.172	8.082.277.366
Nhận lại đầu tồn của Công ty con	4.033.008.684	13.707.964.619
Cho Công ty con vay	-	36.314.550.000
Lãi cho Công ty con vay	1.787.317.634	633.304.574
Chi hệ Công ty con	-	1.938.648.872
<i>Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An</i>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	304.643.713	247.626.325
Công ty liên kết chia cổ tức	1.553.760.000	2.988.000.000
Nhận vốn góp theo hợp đồng BCC từ Công ty liên kết	-	9.885.260.000
Chia lợi nhuận BCC cho Công ty liên kết	8.357.231.716	11.492.203.539
<b>3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>154.305.107.861</i>	<i>143.933.348.226</i>
Công ty TNHH Cảng Hải An	39.535.842.664	48.868.710.999
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	111.022.213.535	60.336.029.112
Công ty TNHH Pan Hải An	343.880.527	876.169.544
Công ty TNHH Liên doanh Zim Hải An	-	31.422.556.613
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	130.818.504	49.758.007
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	1.845.629.101	1.686.932.596
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	-	15.531.600
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	1.388.531.130	677.659.755
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại thành phố Hồ Chí Minh	38.192.400	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>11.157.622.431</i>	<i>10.690.228.093</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>165.462.730.292</u></b>	<b><u>154.623.576.319</u></b>
<b>4. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Huanghai Shipbuilding Co., Ltd. (*)	-	434.925.760.600
Công ty TNHH Thương mại, Vận tải và Du lịch Quốc tế Vitra	4.080.516.000	-
Các nhà cung cấp khác	2.084.645.294	748.843.899
<b>Cộng</b>	<b><u>6.165.161.294</u></b>	<b><u>435.674.604.499</u></b>

(\*) Tạm ứng cho nhà cung cấp theo giai đoạn cho các hợp đồng đóng mới 03 tàu container tải trọng 1.800 TEU, gồm Hải An Afla, Hải An Beta và Hải An Opus. Tại ngày kết thúc niên độ, các hợp đồng đã hoàn thành và Công ty đã nhận bàn giao tàu.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 5. Phải thu về cho vay

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH Pan Hải An – Bên liên quan	-	-	8.600.000.000	-
Ông Lê Phong Hiếu (*)	38.000.000.000	(38.000.000.000)	50.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>38.000.000.000</b>	<b>(38.000.000.000)</b>	<b>58.600.000.000</b>	<b>-</b>

- (\*) Cho vay Ông Lê Phong Hiếu theo các hợp đồng ký kết từ năm 2020 đến năm 2022, mục đích để bên vay nộp tiền thuế đất 01 lần và thực hiện các thủ tục pháp lý cho cho Dự án "Bãi container và dịch vụ cảng" tại xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu mà hiện nay hai bên đang hợp tác. Thời hạn cho vay 6 tháng, lãi suất 12%/năm, nợ gốc và lãi được trả 1 lần vào ngày đến hạn. Khoản vay được thế chấp bằng quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Ông Hiếu (gồm 1.136,3 m<sup>2</sup> đất thổ cư và 50,8 m<sup>2</sup> đất vườn).

Ngày 26/12/2024, Ông Hiếu đã có đơn xin Công ty gia hạn thời gian thanh toán nợ gốc cho đến khi chuyển nhượng được Dự án cho đối tác thứ ba, đồng thời, xin miễn toàn bộ nợ lãi. Hội đồng quản trị Công ty đã quyết định trích lập dự phòng 100% đối với số dư cho vay này (xem Thuyết minh V.7).

#### 6. Phải thu khác

##### 6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>104.202.397.115</b>	<b>-</b>	<b>61.739.498.158</b>	<b>-</b>
Công ty TNHH Cảng Hải An – Phải thu về lợi nhuận được chia	22.438.026.249	-	7.097.704.353	-
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An – Phải thu về lợi nhuận BCC	26.614.900.644	-	3.132.933.933	-
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên - Phải thu về lợi nhuận BCC	55.123.206.032	-	51.369.106.841	-
Các khoản chi hộ bên liên quan	26.264.190	-	139.753.031	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>34.797.791.433</b>	<b>-</b>	<b>203.713.091.111</b>	<b>-</b>
Doanh thu tạm tính (chưa xuất hóa đơn)	170.890.014	-	-	-
Đặt cọc để chuyển nhượng Dự án Lưu Nguyễn Cái Mép <sup>(i)</sup>	-	-	124.423.676.376	-
Ký cược, ký quỹ	212.257.500	-	141.470.000	-
Tạm ứng	1.385.207.300	-	4.121.500.000	-
Chi phí tổn thất sự cố tàu HaiAn City chờ bồi thường <sup>(ii)</sup>	31.231.275.685	-	73.925.261.495	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.798.160.934	-	1.101.183.240	-
<b>Cộng</b>	<b>139.000.188.548</b>	<b>-</b>	<b>265.452.589.269</b>	<b>-</b>

- (i) Xem thuyết minh V.2b

- (ii) Chi tiết chi phí khắc phục sự cố, sửa chữa tàu HaiAn City như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí Công ty đã chi trả	199.933.564.212	199.933.564.212
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI tạm ứng tiền bồi thường	(109.742.507.007)	(76.008.302.717)
Thu hồi phí tổn thất chung từ chủ hàng, chủ container theo phân chia từ Tổng đại lý (GA)	(18.639.610.230)	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ước tính chi phí tổn thất không được bồi thường (25%/tổng chi phí)	(50.000.000.000)	(50.000.000.000)
Chi phí tổn thất chung nhận phân chia từ Marine Claims Office Of Asian (MCO) (384.235 USD)	9.679.828.710	-
<b>Số còn lại chờ bồi thường</b>	<b>31.231.275.685</b>	<b>73.925.261.495</b>

Công ty đang tiếp tục làm việc với MCO và Tổng Công ty Bảo hiểm PVI để thu hồi số tiền được bồi thường theo GA.

**6b. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan về Hợp đồng hợp tác kinh doanh<sup>(*)</sup></b>	<b>150.769.150.000</b>	-	<b>150.769.150.000</b>	-
Công ty Cổ phần Vận tải Container Hải An	70.000.000.000	-	70.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	80.769.150.000	-	80.769.150.000	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>74.000.000</b>	-	<b>74.000.000</b>	-
Ký cược, ký quỹ	74.000.000	-	74.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>150.843.150.000</b>	-	<b>150.843.150.000</b>	-

- (\*) Là số phải thu về tiền góp vốn theo các Hợp đồng hợp tác kinh doanh (“BCC”) để khai thác tàu. Theo các Hợp đồng hợp tác kinh doanh, các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho Bên kiểm soát và đồng ý để Bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu có hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành. Thời hạn hợp tác đến khi các bên hoàn thành hết nghĩa vụ theo quy định trong hợp đồng.

Số tiền góp vốn và tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các Hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

	Số tiền	Tỷ lệ vốn góp
Góp vốn BCC với Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	70.000.000.000	
Để khai thác tàu <i>HAIAN BELL</i>	45.000.000.000	56,25%
Để khai thác tàu <i>HALAN EAST</i>	25.000.000.000	25,00%
Góp vốn BCC với Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên để khai thác tàu An Biên Bay	80.769.150.000	31,5%

**7. Dự phòng nợ phải thu khó đòi**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ông Lê Phong Hiếu <sup>(*)</sup>	38.000.000.000	(38.000.000.000)	-	-
Các đối tượng khác	-	-	164.833.612	(164.833.612)
<b>Cộng</b>	<b>38.000.000.000</b>	<b>(38.000.000.000)</b>	<b>164.833.612</b>	<b>(164.833.612)</b>

- (\*) Theo Nghị quyết số 0501-2025/NQ-HĐQT ngày 24/01/2025, Hội đồng quản trị Công ty thống nhất miễn tiền lãi cho vay Ông Hiếu trong giai đoạn từ ngày 01/04/2023 đến 31/12/2024 và trích lập dự phòng 100% đối với khoản gốc cho vay phải thu theo các hợp đồng cho vay từ năm 2020 đến năm 2022.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số đầu năm	164.833.612	164.833.612
Trích lập dự phòng bổ sung	38.000.000.000	-
Xử lý xóa nợ	(164.833.612)	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>38.000.000.000</b>	<b>164.833.612</b>

#### 8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho chủ yếu là nhiên liệu – dầu tồn trên các tàu.

#### 9. Chi phí trả trước

##### 9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hiểm	4.355.747.742	3.345.066.749
Chi phí dầu nhờn	8.148.424.171	5.194.761.663
Các chi phí khác	600.901.424	635.659.131
<b>Cộng</b>	<b>13.105.073.337</b>	<b>9.175.487.543</b>

##### 9b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	16.301.676	73.665.000
Chi phí sửa chữa tài sản	4.370.426.484	10.297.031.352
Chi phí sửa chữa lên đà tàu	42.878.878.458	50.247.700.484
Các chi phí khác	88.296.515	-
<b>Cộng</b>	<b>47.353.903.133</b>	<b>60.618.396.836</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****10. Tài sản cố định hữu hình**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định khác</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	300.572.380.990	323.906.940.254	2.669.191.489.562	3.301.364.546	20.921.370.354	3.317.893.545.706
Mua trong năm	-	23.589.636.000	1.984.861.182.470	-	-	2.008.450.818.470
Giảm khác do quyết toán	-	-	(4.647.357.902)	-	-	(4.647.357.902)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(3.476.394.817)	-	(20.843.870.354)	(24.320.265.171)
<b>Số cuối năm</b>	<b>300.572.380.990</b>	<b>347.496.576.254</b>	<b>4.645.928.919.313</b>	<b>3.301.364.546</b>	<b>77.500.000</b>	<b>5.297.376.741.103</b>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	48.840.040.640	272.461.599.291	12.596.144.515	775.938.182	77.500.000	334.751.222.628
Chờ thanh lý						
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	161.514.479.363	284.425.065.896	417.489.080.275	1.006.774.089	14.668.209.275	879.103.608.898
Khấu hao trong năm	17.116.758.156	15.491.698.516	273.545.921.814	841.808.772	5.603.191	307.001.790.449
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(3.303.795.755)	-	(14.596.312.466)	(17.900.108.221)
<b>Số cuối năm</b>	<b>178.631.237.519</b>	<b>299.916.764.412</b>	<b>687.731.206.334</b>	<b>1.848.582.861</b>	<b>77.500.000</b>	<b>1.168.205.291.126</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	139.057.901.627	39.481.874.358	2.251.702.409.287	2.294.590.457	6.253.161.079	2.438.789.936.808
<b>Số cuối năm</b>	<b>121.941.143.471</b>	<b>47.579.811.842</b>	<b>3.958.197.712.979</b>	<b>1.452.781.685</b>	<b>-</b>	<b>4.129.171.449.977</b>
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng						
Đang chờ thanh lý						

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 4.074.987.162.206 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****11. Tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	4.945.015.236	1.596.310.000	6.541.325.236
Mua trong năm	-	1.775.000.000	1.775.000.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>4.945.015.236</b>	<b>3.371.310.000</b>	<b>8.316.325.236</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	1.596.310.000	1.596.310.000
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	2.815.362.621	1.596.310.000	4.411.672.621
Khấu hao trong năm	141.286.152	458.190.098	599.476.250
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.956.648.773</b>	<b>2.054.500.098</b>	<b>5.011.148.871</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	2.129.652.615	-	2.129.652.615
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.988.366.463</b>	<b>1.316.809.902</b>	<b>3.305.176.365</b>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí trả trước trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm tài sản cố định (*)	11.315.650.857	1.986.980.273.260	(1.986.636.182.470)	(11.659.741.647)	-
Xây dựng cơ bản dở dang	90.454.545	6.878.973.064	-	(6.969.427.609)	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	582.639.070	23.514.143.737	-	(23.977.091.807)	119.691.000
<b>Cộng</b>	<b>11.988.744.472</b>	<b>2.017.373.390.061</b>	<b>(1.986.636.182.470)</b>	<b>(42.606.261.063)</b>	<b>119.691.000</b>

(\*) Trong đó, chi phí lãi vay được vốn hóa vào giá trị con tàu hoàn thành nhận bàn giao trong năm là 8.140.057.489 VND.

**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>1.734.748.835</b>	<b>1.075.188.754</b>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	1.734.748.835	1.024.004.638
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	-	51.184.116
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>44.231.798.045</b>	<b>36.309.486.908</b>
Baseblue (Asia) Limited	-	11.874.576.648
Công ty Cổ phần Việt Đức	6.585.714.085	3.836.237.631
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vosco	3.447.764.584	1.652.950.600
Công ty TNHH Thương mại Tân Hồng	3.532.221.745	3.532.221.745
Các nhà cung cấp khác	30.666.097.631	15.413.500.284
<b>Cộng</b>	<b>45.966.546.880</b>	<b>37.384.675.662</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng nội địa	87.709.664	437.158.079	(408.169.952)	116.697.791
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	53.752.434.838	(53.752.434.838)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	419.875.352	(419.875.352)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	80.417.326.029	119.369.095.023	(112.018.418.436)	87.768.002.616
Thuế thu nhập cá nhân	1.004.834.914	6.064.340.015	(6.191.056.662)	878.118.267
Tiền thuê đất	-	2.934.092.524	(2.934.092.524)	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	376.268.000	(376.268.000)	-
Các loại thuế khác	-	5.000.000	(5.000.000)	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1.813.269.546	(1.813.045.867)	223.679
<b>Cộng</b>	<b>81.509.870.607</b>	<b>185.171.533.377</b>	<b>(177.918.361.631)</b>	<b>88.763.042.353</b>

#### Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Xếp dỡ cho các tàu nước ngoài, cước biển, cước tàu chạy nước ngoài	0%
- Cung cấp nước ngọt	5%
- Các hoạt động vận tải, xếp dỡ khác	8-10%

#### Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Hoạt động khai thác cảng của Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm từ năm đầu doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (từ năm 2011 đến năm 2026) theo Điểm 3 phần B, điểm 1.3 và điểm 6 mục II phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thời hạn ưu đãi: Miễn thuế TNDN 04 năm kể từ năm 2011, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2015 đến năm 2023).

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế TNDN với thuế suất 20%.

Thuế TNDN phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	609.168.086.885	500.678.534.139
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:	46.675.398.916	8.576.874.373
- Các khoản điều chỉnh tăng	46.675.398.916	8.576.874.373
Chi phí dự phòng	38.000.000.000	-
Các chi phí khác	8.675.398.916	8.576.874.373
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	655.843.485.801	509.255.408.512
Thu nhập được miễn thuế (cổ tức, LN được chia)	(26.894.081.896)	(43.924.142.835)
Lãi các năm trước được chuyển của hợp đồng BCC	(10.137.197.378)	-
Thu nhập tính thuế	618.812.206.527	465.331.265.677
Trong đó:		
Hoạt động khai thác cảng được hưởng ưu đãi	175.662.358.007	115.327.926.915
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>123.762.441.305</b>	<b>93.066.253.136</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i>	(17.566.235.801)	(11.532.792.692)
<i>Thuế TNDN được miễn, giảm</i>	-	(5.766.396.346)
<i>Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp của các năm trước</i>	3.579.071.557	5.315.781.517
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>109.775.277.061</b>	<b>81.082.845.615</b>
Thuế TNDN phải nộp hộ các bên tham gia BCC	30.567.223.045	43.380.101.316
Thuế TNDN bên kiểm soát BCC nộp hộ	(20.973.405.083)	(13.978.839.384)
<b>Tổng thuế TNDN phải nộp</b>	<b>119.369.095.023</b>	<b>110.484.107.547</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

**Tiền thuê đất**

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

<u>Vị trí đất</u>	<u>Diện tích thuê</u>	<u>Mức tiền thuê (m<sup>2</sup>/năm)</u>
- Thửa đất số 4 (Đốc đề – phả Đình Vũ) thuộc quyền sử dụng của CTCP MHC	35.523,8 m <sup>2</sup>	36.210 VND
- Thửa đất số 4 (Đốc đề – phả Đình Vũ) thuộc quyền sử dụng của CTCP Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải (lô 1)	56.305 m <sup>2</sup>	19.276 VND
- Thửa đất số 4 (Đốc đề – phả Đình Vũ) thuộc quyền sử dụng của CTCP Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải (lô 2)	48.700 m <sup>2</sup>	19.208 VND
- Thửa đất số 4 (Đốc đề – phả Đình Vũ) thuộc quyền sử dụng của CTCP Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải (lô 3)	10.529 m <sup>2</sup>	12.630 VND
- Thửa đất số 4 (Đốc đề – phả Đình Vũ) thuộc quyền sử dụng của CTCP Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải (lô 3.1)	3.095 m <sup>2</sup>	14.355 D
<b>Cộng</b>	<b>154.152,8 m<sup>2</sup></b>	

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	24.040.165.667	5.096.021.433
Chi phí thưởng thuyền viên đội tàu	1.687.750.000	
Chi phí môi giới	414.245.588	
Chi phí khác	-	570.219.882
<b>Cộng</b>	<b>26.142.161.255</b>	<b>5.666.241.315</b>

**16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

Là doanh thu nhận trước tiền cho thuê tàu.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 17. Phải trả khác

##### 17a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>106.067.593.344</b>	<b>146.612.262.319</b>
Lãi Hợp đồng hợp tác kinh doanh	105.527.593.344	146.072.262.319
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	53.657.392.447	68.090.023.821
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	8.357.231.716	11.492.203.539
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	7.487.477.911	5.932.312.746
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	18.968.491.764	34.598.762.976
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	17.056.999.506	25.958.959.237
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát	540.000.000	540.000.000
<b>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</b>	<b>41.814.676.909</b>	<b>23.624.352.120</b>
Các khoản thu hộ SM Line Corporation	33.968.063.425	20.948.484.834
Nhận đặt cọc	5.000.001.998	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C - Lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh	2.147.594.005	2.299.303.652
Kinh phí công đoàn	323.482.579	216.079.755
Cổ tức phải trả	60.885.600	76.845.600
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	314.649.302	83.638.279
<b>Cộng</b>	<b>147.882.270.253</b>	<b>170.236.614.439</b>

##### 17b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận vốn góp theo các Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC"), trong đó, Công ty là "Bên kiểm soát". Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho Bên kiểm soát và đồng ý để Bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu có hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành. Thời hạn hợp tác của hợp đồng là đến khi các bên hoàn thành hết nghĩa vụ theo quy định trong hợp đồng.

Chi tiết như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>627.391.000.000</b>	<b>575.218.000.000</b>
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	334.513.500.000	334.513.500.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	28.325.260.000	28.325.260.000
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	58.079.240.000	58.079.240.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	114.273.000.000	62.100.000.000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	72.200.000.000	72.200.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	20.000.000.000	20.000.000.000
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>50.000.000.000</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C	50.000.000.000	50.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>677.391.000.000</b>	<b>625.218.000.000</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Chi tiết số vốn góp theo các hợp đồng như sau:

Đơn vị tính: Triệu VND

	HĐ 66-2019 (tàu Hải An Mind)		HĐ 68-2020 (tàu Hải An View)		HĐ 02-2021 (tàu Hải An West)		HĐ 03-2021 (tàu Hải An City)		HĐ 02-2022 (tàu Hải An Rose)		HĐ 01-2023 (tàu Hải An Alfa)		HĐ 01-2024 (tàu Hải An Onpus)		Tổng cộng
	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền
<i>Công ty góp</i>	<i>40.000</i>	<i>53,33%</i>	<i>30.000</i>	<i>30,00%</i>	<i>66.000</i>	<i>60,00%</i>	<i>127.000</i>	<i>52,48%</i>	<i>236.000</i>	<i>51,75%</i>	<i>186.298</i>	<i>56,88%</i>	<i>295.647</i>	<i>85,00%</i>	<i>980.945</i>
<i>Các bên khác góp</i>	<i>35.000</i>	<i>46,66%</i>	<i>70.000</i>	<i>70,00%</i>	<i>44.000</i>	<i>40,00%</i>	<i>115.000</i>	<i>47,51%</i>	<i>220.000</i>	<i>48,25%</i>	<i>141.218</i>	<i>43,12%</i>	<i>52.173</i>	<i>15,00%</i>	<i>677.391</i>
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	10.000	13,33%	30.000	30,00%	33.000	30,00%	20.000	8,26%	135.600	29,74%	105.914	32,34%	-	-	334.514
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	5.000	6,67%	5.000	5,00%	-	-	-	-	8.440	1,85%	9.885	3,02%	-	-	28.325
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	-	-	10.000	10,00%	-	-	10.000	4,13%	12.660	2,78%	25.419	7,76%	-	-	58.079
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000	13,33%	10.000	10,00%	11.000	10,00%	10.000	4,13%	21.100	4,63%	-	-	52.173	15%	114.273
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức	10.000	13,33%	15.000	15,00%	-	-	5.000	2,07%	42.200	9,25%	-	-	-	-	72.200
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	-	-	-	-	-	-	20.000	8,26%	-	-	-	-	-	-	20.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C	-	-	-	-	-	-	50.000	20,66%	-	-	-	-	-	-	50.000
<b>Cộng</b>	<b>75.000</b>	<b>100%</b>	<b>100.000</b>	<b>100%</b>	<b>110.000</b>	<b>100%</b>	<b>242.000</b>	<b>100%</b>	<b>456.000</b>	<b>100%</b>	<b>327.516</b>	<b>100%</b>	<b>347.820</b>	<b>100%</b>	<b>1.658.336</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 18. Vay

##### 18a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>62.000.602.075</i>	<i>59.741.828.002</i>
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội <sup>(i)</sup>	62.000.602.075	59.741.828.002
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)</i>	<i>319.586.748.099</i>	<i>179.218.191.102</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng	236.046.678.000	169.155.031.102
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính	-	10.063.160.000
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội	83.540.070.099	-
<b>Cộng</b>	<b><u>381.587.350.174</u></b>	<b><u>238.960.019.104</u></b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội để tài trợ nhu cầu vốn lưu động, với thời hạn vay tối đa là 04 tháng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Vay ngắn hạn ngân hàng</u>	<u>Vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	59.741.828.002	179.218.191.102	238.960.019.104
Số tiền vay phát sinh trong năm	145.824.527.158	-	145.824.527.158
Số kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	324.618.318.099	324.618.318.099
Số tiền vay đã trả trong năm	(143.565.753.085)	(184.249.761.102)	(327.815.514.187)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>62.000.602.075</u></b>	<b><u>319.586.748.099</u></b>	<b><u>381.587.350.174</u></b>

##### 18b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	<i>1.110.175.115.445</i>	<i>657.441.202.296</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng <sup>(i)</sup>	724.960.762.000	652.409.632.296
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính	-	5.031.570.000
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội <sup>(ii)</sup>	385.214.353.445	-
<i>Trái phiếu chuyển đổi dài hạn <sup>(iii)</sup></i>	<i>491.520.030.302</i>	<i>-</i>
Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI	80.000.000.000	-
Daiwa - Ssiam Vietnam Growth Fund III L.P	113.000.000.000	-
Japan South East Asia Finance Fund III L.P	167.000.000.000	-
Vietnam Growth Investment Fund L.P	140.000.000.000	-
Chi phí phát hành trái phiếu	(8.479.969.698)	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.601.695.145.747</u></b>	<b><u>657.441.202.296</u></b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(i) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng theo các hợp đồng sau:

<u>Năm ký hợp đồng</u>	<u>Mục đích vay/Hạn mức</u>	<u>Thời hạn</u>
Năm 2021	mua tàu biển Hải An West, số tiền 84.378.240.000 VND	60 tháng
Năm 2022	đầu tư dự án tàu container Marine Bia (Hải An City), số tiền 341.950.000.000 VND	60 tháng
Năm 2022	đầu tư dự án tàu container A Kibo (Hải An Rose), số tiền 280.000.000.000 VND	60 tháng
Năm 2023	Đầu tư Dự án đóng mới tàu container thân tàu số HCY-265 (Hải An Alfa), số tiền 333.788.000.000 VND	96 tháng
Năm 2024	Đầu tư Dự án tàu container TORO (Hải An Gama), số tiền 312.500.000.000 VND	60 tháng

Các khoản vay này có thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay lần đầu, lịch trả nợ gốc và lãi 03 tháng/lần sau thời gian ân hạn quy định trong hợp đồng tín dụng. Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

(ii) Vay Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam), chi nhánh Hà Nội theo các hợp đồng:

+ Hợp đồng vay năm 2024 để tài trợ chi phí mua tàu biển 1.800TEU, số tiền cho vay là 414.300.000.000 VND, thời hạn cho vay là 48 tháng.

+ Hợp đồng vay năm 2023 để tài trợ chi phí cho việc bảo trì, nâng cấp và cải tạo Cảng Hải An, số tiền cho vay lên đến 70.600.000.000 VND, thời hạn cho vay là 36 tháng.

Tài sản đảm bảo cho hai hợp đồng là tàu biển hình thành trong tương lai và tàu biển Hai An Mind.

(iii) Trong năm, Công ty đã phát hành trái phiếu chuyển đổi cho một số nhà đầu tư để đầu tư đóng tàu mới phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 0206-2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 06 năm 2023. Trái phiếu chuyển đổi của Công ty là trái phiếu có thể chuyển đổi thành một lượng cổ phiếu không xác định tại ngày đáo hạn (do phụ thuộc vào giá trị thị trường của cổ phiếu tại ngày đáo hạn). Thông tin chi tiết như sau:

- Thời điểm phát hành : 02/02/2024
- Kỳ hạn gốc : 05 năm
- Ngày đáo hạn : 02/02/2029
- Số lượng trái phiếu phát hành : 500 trái phiếu
- Mệnh giá : 1.000.000.000 VND/trái phiếu
- Lãi suất : 6%/năm
- Tài sản đảm bảo : Một tàu biển thuộc sở hữu của Công ty TNHH Vận tải Container Hải An – Công ty con của tổ chức phát hành theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển số HP-CON-002314-2 ngày 04/7/2017 do Chi cục hàng hải Việt Nam cấp. Tổ chức phát hành cam kết sử dụng một tàu đóng mới thuộc sở hữu của tổ chức phát hành hình thành trong tương lai, được HAH đặt đóng mới theo Hợp đồng đóng tàu số HC2021-19 ký ngày 04/8/2021 giữa HAH và Huanghai Shipbuilding Co.,Ltd (gọi tắt là Tàu HCY-266) làm tài sản bảo đảm hình thành trong tương lai để thay thế cho tài sản bảo đảm tại ngày phát hành ngay sau khi tàu HCY-266 đủ điều kiện đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	319.586.748.099	179.218.191.102
Trên 1 năm đến 5 năm	1.517.165.945.747	530.647.402.296
Trên 5 năm	84.529.200.000	126.793.800.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.921.281.893.846</u></b>	<b><u>836.659.393.398</u></b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Vay dài hạn ngân hàng</u>	<u>Trái phiếu chuyển đổi dài hạn</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	657.441.202.296	-	657.441.202.296
Số tiền vay phát sinh trong năm	780.620.923.544	489.616.363.636	1.270.237.287.180
Số tiền vay đã trả trong năm	(3.268.692.296)	-	(3.268.692.296)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(324.618.318.099)	-	(324.618.318.099)
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	-	1.903.666.666	1.903.666.666
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>1.110.175.115.445</u></b>	<b><u>491.520.030.302</u></b>	<b><u>1.601.695.145.747</u></b>

**19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	51.189.743.813	19.717.000.000	(22.772.904.822)	48.133.838.991
Quỹ Hội đồng quản trị	34.066.244.434	14.788.000.000	(11.875.200.000)	36.979.044.434
<b>Cộng</b>	<b><u>85.255.988.247</u></b>	<b><u>34.505.000.000</u></b>	<b><u>(34.648.104.822)</u></b>	<b><u>85.112.883.425</u></b>

**20. Vốn chủ sở hữu****20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm trước	703.446.670.000	191.640.648.159	352.405.070.809	674.702.801.117	1.922.195.190.085
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	351.722.140.000	-	-	(351.722.140.000)	-
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	419.595.688.524	419.595.688.524
Trích lập các quỹ	-	-	202.411.000.000	(249.640.000.000)	(47.229.000.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b><u>1.055.168.810.000</u></b>	<b><u>191.640.648.159</u></b>	<b><u>554.816.070.809</u></b>	<b><u>492.936.349.641</u></b>	<b><u>2.294.561.878.609</u></b>
Số dư đầu năm nay	1.055.168.810.000	191.640.648.159	554.816.070.809	492.936.349.641	2.294.561.878.609
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	499.392.809.824	499.392.809.824
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	158.262.100.000	-	-	(158.262.100.000)	-
Trích lập các quỹ	-	-	147.881.000.000	(182.386.000.000)	(34.505.000.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b><u>1.213.430.910.000</u></b>	<b><u>191.640.648.159</u></b>	<b><u>702.697.070.809</u></b>	<b><u>651.681.059.465</u></b>	<b><u>2.759.449.688.433</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của Chủ sở hữu	1.213.430.910.000	1.055.168.810.000
Thặng dư vốn cổ phần	191.640.648.159	191.640.648.159
Cộng	<u>1.405.071.558.159</u>	<u>1.246.809.458.159</u>

#### 20c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	121.343.091	105.516.881
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	121.343.091	105.516.881
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	121.343.091	105.516.881

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

#### 20d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 0204-2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 như sau:

	VND
• Trích quỹ đầu tư phát triển (30% lợi nhuận sau thuế)	: 147.881.000.000
• Trích quỹ hội đồng quản trị (3% lợi nhuận sau thuế)	: 14.788.000.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (4% lợi nhuận sau thuế)	: 19.717.000.000

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 cũng đã thông qua quyết định trả cổ tức năm 2023 là 15% cổ tức bằng cổ phiếu.

Ngày 06/5/2024, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 0205-2024/NQ-HĐQT thông qua việc tiến hành các thủ tục để chi trả cổ tức bằng cổ phiếu. Theo Văn bản số 4079/UBCK-QLCB ngày 01/7/2024, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã nhận được tài liệu báo cáo Báo cáo Kết quả số 1706-2024/BC-HAH ngày 27/6/2024 về việc Công ty đã hoàn thành việc phát hành 15.826.210 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023. Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 17 ngày 05/7/2024 về việc tăng vốn điều lệ.

#### 21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

##### 21a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	3.484.491.573	3.484.491.573
Trên 1 năm đến 5 năm	13.937.966.292	13.937.966.292
Trên 5 năm	32.869.987.256	36.354.478.829
Cộng	<u>50.292.445.121</u>	<u>53.776.936.694</u>

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên thể hiện tiền thuê tổng diện tích đất 154.152,8 m<sup>2</sup> do Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An sử dụng dưới hình thức thuê hoạt động (xem thuyết minh số V.14).

##### 21b. Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ (USD)	7.115.591,66	528.620,77
Euro (EUR)	40,54	40,54

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động khai thác tàu	1.060.249.436.531	783.804.142.327
Doanh thu hoạt động khai thác cảng	452.636.411.444	320.829.169.605
Doanh thu hoạt động khác	58.181.860.450	70.361.753.561
<b>Cộng</b>	<b>1.571.067.708.425</b>	<b>1.174.995.065.493</b>

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con, công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên kết như sau

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	7.605.717.447	6.149.644.950
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	175.558.775	176.421.989
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	277.611.946	757.535.195
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	3.385.648.037	2.482.644.890
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại TP. Hồ Chí Minh	111.016.668	-

### 2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hoạt động khai thác tàu	592.734.759.552	423.354.689.617
Giá vốn của hoạt động khai thác cảng	241.953.329.903	173.028.792.356
Giá vốn của hoạt động khác	33.165.052.393	47.839.704.288
<b>Cộng</b>	<b>867.853.141.848</b>	<b>644.223.186.261</b>

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.374.369.591	3.593.268.494
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	694.934.984	82.397.542
Lãi tiền cho vay	2.970.531.935	3.982.592.246
Cổ tức, lợi nhuận được chia	26.894.081.896	43.924.142.835
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.886.706.787	2.658.496.468
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	101.490.305
<b>Cộng</b>	<b>37.820.625.193</b>	<b>54.342.387.890</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	69.672.862.869	40.535.205.448
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	468.917.920	2.179.276.005
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	1.373.319.648	-
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	(24.983.421.752)	11.775.256.505
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	2.116.572.482	-
<b>Cộng</b>	<b><u>48.648.251.167</u></b>	<b><u>54.489.737.958</u></b>

#### 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	22.315.730.820	17.615.165.278
Chi phí vật liệu quản lý	388.628.370	434.434.028
Chi phí đồ dùng văn phòng	17.054.544	92.621.655
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.502.006.064	947.732.212
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	38.000.000.000	-
Thuế, phí và lệ phí	79.590.358	76.064.892
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.724.532.440	3.037.394.893
Các chi phí khác	17.962.912.293	8.044.215.430
<b>Cộng</b>	<b><u>83.990.454.889</u></b>	<b><u>30.247.628.388</u></b>

#### 6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.930.376.756	286.832.087
Thanh lý công cụ dụng cụ	-	445.454.545
Thu nhập khác	982.537.684	119.651.223
<b>Cộng</b>	<b><u>3.912.914.440</u></b>	<b><u>851.937.855</u></b>

#### 7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phạt lĩnh vực hành chính	-	196.233.417
Thuế bị phạt, bị truy thu	1.806.740.226	81.775.110
Chi phí khác	1.334.573.043	272.295.965
<b>Cộng</b>	<b><u>3.141.313.269</u></b>	<b><u>550.304.492</u></b>

#### 8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### 9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	194.542.576.976	144.276.514.407
Chi phí nhân công	107.876.555.873	73.984.311.342
Chi phí khấu hao tài sản cố định	243.009.399.846	162.218.965.474
Chi phí dịch vụ mua ngoài	251.353.617.425	191.096.324.149
Chi phí khác	155.061.446.617	102.894.699.277
<b>Cộng</b>	<b><u>951.843.596.737</u></b>	<b><u>674.470.814.649</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(\*) Chi tiết chi phí khấu hao tài sản cố định như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Khấu hao TSCĐ do Công ty quản lý và sử dụng	307.601.266.699	207.531.252.957
Chi phí khấu hao Công ty phân chia cho các đơn vị tham gia BCC	(99.698.171.339)	(78.012.819.095)
Chi phí khấu hao nhận phân chia từ Bên kiểm soát BCC	35.106.304.486	32.700.531.612
<b>Cộng</b>	<b><u>243.009.399.846</u></b>	<b><u>162.218.965.474</u></b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.6a và V.16a.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

		<u>Tiền lương</u>	<u>Thưởng</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
<b>Năm nay</b>					
Ông Vũ Thanh Hải	Chủ tịch HĐQT	1.810.269.966	1.628.224.000	120.000.000	3.558.493.966
Bà Trần Thị Hải Yến	Thành viên HĐQT	-	90.000.000	120.000.000	210.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên HĐQT /Tổng Giám đốc	1.405.640.691	1.417.710.900	120.000.000	2.943.351.591
Ông Phạm Quang Khánh	Thành viên HĐQT /Phó Tổng Giám đốc	-	50.000.000	120.000.000	170.000.000
Ông Nguyễn Đức Kiên	Thành viên HĐQT	-	50.000.000	120.000.000	170.000.000
Ông Nguyễn Văn Trúc	Thành viên HĐQT	-	50.000.000	120.000.000	170.000.000
Ông Lê Anh Minh	Thành viên HĐQT (Từ 26/4/2024)	-	-	20.000.000	20.000.000
Ông Trần Tiến Dũng	Thành viên HĐQT (Đến 26/4/2024)	-	50.000.000	100.000.000	150.000.000
Ông Vũ Doãn Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	947.715.935	742.257.000	-	1.689.972.935
Bà Nguyễn Thị Thanh Tú	Trưởng BKS	60.000.000	176.089.000	60.000.000	296.089.000
Bà Trần Thị Thơm	Thành viên BKS	-	37.000.000	60.000.000	97.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên BKS (Từ 26/4/2024)	-	-	10.000.000	10.000.000
Ông Bùi Việt Phương	Thành viên BKS (Đến 26/4/2024)	-	18.000.000	50.000.000	68.000.000
Bà Trần Thị Thanh Hào	Kế toán trưởng	732.418.411	698.357.923	-	1.430.776.334
<b>Cộng (*)</b>		<b><u>4.956.045.003</u></b>	<b><u>5.007.638.823</u></b>	<b><u>1.020.000.000</u></b>	<b><u>10.983.683.826</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

		<u>Tiền lương</u>	<u>Thưởng</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
<b>Năm trước</b>					
Ông Vũ Thanh Hải	Chủ tịch HĐQT (từ 20/6/2023) Thành viên HĐQT/ TGD (đến 20/6/2023)	1.537.720.000	1.126.867.406	120.000.000	2.784.587.406
Ông Vũ Ngọc Sơn	Chủ tịch HĐQT (đến 20/6/2023)	1.658.904.615	2.355.945.940	120.000.000	4.134.850.555
Bà Trần Thị Hải Yến	Thành viên HĐQT Thành viên HĐQT	-	290.000.000	120.000.000	410.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Tổng Giám đốc (từ 20/6/2023) Phó Tổng Giám đốc (đến 20/6/2023)	608.050.000	698.690.600	120.000.000	1.426.740.600
Ông Phạm Quang Khánh	Thành viên HĐQT (từ 20/6/2023) Phó Tổng Giám đốc	-	100.000.000	-	100.000.000
Bà Nguyễn Thị Vân	Thành viên HĐQT (đến 20/6/2023)	-	290.000.000	120.000.000	410.000.000
Ông Trần Quang Tiến	Thành viên HĐQT (đến 20/6/2023)	-	290.000.000	120.000.000	410.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Tú	Trưởng BKS	-	104.000.000	60.000.000	164.000.000
Bà Trần Thị Thơm	Thành viên BKS	-	66.000.000	60.000.000	126.000.000
Ông Nguyễn Xuân Lộc	Thành viên BKS (đến 20/6/2023)	-	66.000.000	60.000.000	126.000.000
Ông Vũ Doãn Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	924.570.000	455.690.609	-	1.380.260.609
Bà Trần Thị Thanh Hào	Kế toán trưởng	643.531.489	327.354.088	-	970.885.577
<b>Cộng</b>		<b>5.372.776.104</b>	<b>6.170.548.643</b>	<b>900.000.000</b>	<b>12.443.324.747</b>

(\*) Công ty trình bày thù lao thành viên quản lý chủ chốt theo số thực chi. Các thành viên quản lý chủ chốt mới được bổ nhiệm trong năm 2024 sẽ được chi trả thù lao vào năm 2025.

#### 1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Cảng Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Pan Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Liên doanh Zim Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	Công ty liên kết của Công ty con
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Vận tải HAFT	Công ty con của công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	Cổ đông lớn/ Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH "K" Line Logistic (Việt Nam) Ltd.	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư Con Cưng	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác kho lạnh DKP	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty con, công ty liên kết trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con, công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b><i>Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An</i></b>		
Sử dụng dịch vụ khai thác cảng từ bên liên quan	-	1.435.000
Nhận vốn góp BCC từ bên liên quan	-	25.419.240.000
Chia lợi nhuận BCC cho bên liên quan	7.487.477.911	5.932.312.746
<b><i>Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An</i></b>		
Sử dụng dịch vụ khai thác cảng từ bên liên quan	6.910.600.553	4.955.601.286
<b><i>Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên</i></b>		
Chia lợi nhuận BCC cho bên liên quan	858.621.802	919.276.294
Nhận lợi nhuận BCC từ bên liên quan	55.981.827.834	52.288.383.135
Vay bên liên quan	-	25.000.000.000
Lãi vay phải trả bên liên quan	-	287.671.233
<b><i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà</i></b>		
Bên liên quan cho thuê văn phòng	2.651.018.731	2.601.851.790
Nhận vốn góp BCC từ bên liên quan	52.173.000.000	
Chia lợi nhuận BCC cho bên liên quan	25.319.206.273	34.598.762.976
<b><i>Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức</i></b>		
Chia lợi nhuận BCC cho bên liên quan	17.056.999.506	25.958.959.237
<b><i>Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh-Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức</i></b>		
Sử dụng dịch vụ khai thác cảng của bên liên quan	128.181.831	130.909.098
<b><i>Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C</i></b>		
Chia lợi nhuận BCC cho bên liên quan	2.147.594.005	2.299.303.652

#### *Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.6, V.13 và V.17.

## 2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

### 2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 1: Hoạt động khai thác tàu.
- Lĩnh vực 2: Hoạt động khai thác cảng.
- Lĩnh vực 3: Hoạt động khác (gồm vận tải đường bộ, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản...).

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<b>Hoạt động khai thác tàu</b>	<b>Hoạt động khai thác cảng</b>	<b>Các lĩnh vực khác</b>	<b>Cộng</b>
<b>Năm nay</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.060.249.436.531	452.636.411.444	58.181.860.450	1.571.067.708.425
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.060.249.436.531</b>	<b>452.636.411.444</b>	<b>58.181.860.450</b>	<b>1.571.067.708.425</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	467.514.676.979	210.683.081.541	25.016.808.057	703.214.566.577
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(83.990.454.889)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				619.224.111.688
Doanh thu hoạt động tài chính				37.820.625.193
Chi phí tài chính				(48.648.251.167)
Thu nhập khác				3.912.914.440
Chi phí khác				(3.141.313.269)
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(109.775.277.061)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>				<b>499.392.809.824</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>2.007.288.409.723</b>	<b>25.019.565.125</b>	<b>176.593.031</b>	<b>2.032.484.567.879</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>312.229.555.639</b>	<b>28.772.166.041</b>	<b>3.897.788.131</b>	<b>344.899.509.811</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Năm trước</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	783.804.142.327	320.829.169.605	70.361.753.561	1.174.995.065.493
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>783.804.142.327</b>	<b>320.829.169.605</b>	<b>70.361.753.561</b>	<b>1.174.995.065.493</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	360.449.452.710	147.800.377.249	22.522.049.273	530.771.879.232
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(30.247.628.388)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				500.524.250.844
Doanh thu hoạt động tài chính				54.342.387.890
Chi phí tài chính				(54.489.737.958)
Thu nhập khác				851.937.855
Chi phí khác				(550.304.492)
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(81.082.845.615)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>				<b>419.595.688.524</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>697.999.407.618</b>	<b>55.035.434.544</b>	<b>3.127.890.000</b>	<b>756.162.732.162</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>207.325.001.501</b>	<b>27.767.835.448</b>	<b>5.659.963.376</b>	<b>240.752.800.325</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hoạt động khai thác tàu	Hoạt động khai thác cảng	Các lĩnh vực khác	Cộng
<b>Số cuối năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	4.235.884.315.421	345.365.369.670	131.265.189.320	4.712.514.874.411
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				1.123.985.767.181
<b>Tổng tài sản</b>				<b>5.836.500.641.592</b>
<b>Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận</b>	<b>2.789.613.151.005</b>	<b>63.605.121.265</b>	<b>35.655.813.425</b>	<b>2.888.874.085.695</b>
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				188.176.867.464
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>3.077.050.953.159</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	3.142.069.109.987	218.922.628.295	156.440.654.936	3.517.432.393.218
Tài sản phân bổ cho bộ phận				-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				689.099.286.387
<b>Tổng tài sản</b>				<b>4.206.531.679.605</b>
<b>Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận</b>	<b>1.622.454.608.368</b>	<b>33.356.751.530</b>	<b>81.240.464.284</b>	<b>1.737.051.824.182</b>
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				174.917.976.814
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>1.911.969.800.996</b>

### 2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

### 3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 24/01/2025, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua các Nghị quyết bao gồm:

- Nghị quyết số 0201-2025/NQ-HĐQT về việc tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH Cảng Hải An - Công ty con do Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ, với số vốn tăng từ 30 tỷ VND lên 100 tỷ VND;
- Nghị quyết số 0301-2025/NQ-HĐQT về việc Công ty TNHH Cảng Hải An nhận chuyển nhượng phần vốn góp tương đương 15% vốn điều lệ của Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An từ ông Vũ Ngọc Sơn. Theo đó, sau khi hoàn tất việc nhận chuyển nhượng, Công ty TNHH Cảng Hải An sẽ sở hữu phần vốn góp tương đương 75% vốn điều lệ Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty TNHH Cảng Hải An đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ và nhận chuyển nhượng phần vốn góp tương đương 15% vốn điều lệ của Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An.

Ngày 03/02/2025, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua Nghị quyết số 0202-2025/NQ-HĐQT về việc mua tàu ATOUT theo Hợp đồng mua bán ngày 16/01/2025, giá mua 19,500,000 USD. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty đang tiến hành hoàn thiện thủ tục nhận bàn giao tàu.

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 15 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu



Vũ Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Hào

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tuấn





**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 20

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI**  
**VÀ XẾP DỠ HẢI AN**



## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	13 - 51

\*\*\*\*\*



# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 gồm Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

### Khái quát về Công ty

Công ty được chuyển đổi hình thức từ Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0103818809 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08 tháng 5 năm 2009.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh từ lần thứ 1 đến lần thứ 17 về việc thay đổi địa chỉ công ty, bổ sung ngành nghề kinh doanh, thành viên góp vốn, thay đổi vốn điều lệ. Trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 17 được cấp ngày 05 tháng 7 năm 2024 về việc tăng vốn điều lệ.

### Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 0243 987 7515
- Fax : 0243 944 4022

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau :

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh – Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	Số 217 Nguyễn Văn Thù, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An tại Bà Rịa – Vũng Tàu	Khu A, lô 17 khu nhà ở Phú Mỹ, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Vận tải đường thủy nội địa, ven biển và viễn dương;
- Bốc xếp hàng hóa cảng biển;
- Vận tải đường bộ, hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy và dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

### Hội đồng quản trị và Ban điều hành

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Vũ Thanh Hải	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2023
Bà Trần Thị Hải Yến	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2023
Ông Phạm Quang Khánh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Đức Kiên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Văn Trúc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2023
Ông Lê Anh Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024
Ông Trần Tiến Dũng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 05 tháng 3 năm 2024

#### Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thanh Tú	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2023
Bà Trần Thị Thơm	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024
Ông Bùi Việt Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 05 tháng 3 năm 2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**  
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

**Ban điều hành**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Tổng Giám đốc	Ngày 20 tháng 6 năm 2023
Ông Phạm Quang Khánh	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 08 tháng 9 năm 2021
Ông Vũ Doãn Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 08 tháng 9 năm 2021
Bà Trần Thị Thanh Hào	Kế toán trưởng	Ngày 01 tháng 6 năm 2021

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Ngọc Tuấn – Tổng Giám đốc.

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Tập đoàn.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

**Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Ngọc Tuấn**

Ngày .. tháng 02 năm 2025

Số: 2.0058/25/TC-AC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ HẢI AN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 15 tháng 02 năm 2025, từ trang 6 đến trang 51, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An và các Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**

**Chi nhánh Hà Nội**



**Nguyễn Hoàng Đức – Thành viên Ban Giám đốc**

*Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 0368-2023-008-1*

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2025

**Trần Kim Anh - Kiểm toán viên**

*Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 1907-2023-008-1*

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.752.839.556.274</b>	<b>1.600.183.520.090</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>921.889.788.422</b>	<b>245.416.444.931</b>
1. Tiền	111		514.889.788.422	122.266.444.931
2. Các khoản tương đương tiền	112		407.000.000.000	123.150.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>70.500.000.000</b>	<b>72.500.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	70.500.000.000	72.500.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>504.419.818.284</b>	<b>1.005.170.941.157</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	332.293.995.745	228.002.690.255
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	14.323.032.231	439.868.851.874
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	38.000.000.000	50.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	160.082.569.939	289.491.066.743
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(40.279.779.631)	(2.191.667.715)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>87.781.858.225</b>	<b>97.130.984.832</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.8	87.781.858.225	97.130.984.832
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>168.248.091.343</b>	<b>179.965.149.170</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	26.521.584.408	15.776.745.747
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		141.588.840.722	125.141.128.560
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	137.666.213	39.047.274.863
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>5.536.685.012.719</b>	<b>3.758.765.837.975</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>112.904.900.000</b>	<b>113.018.300.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	112.904.900.000	113.018.300.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>4.774.994.459.130</b>	<b>3.117.716.025.658</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	4.566.481.074.341	2.868.563.423.715
<i>Nguyên giá</i>	222		6.273.980.024.843	4.197.228.766.663
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.707.498.950.502)	(1.328.665.342.948)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	204.653.888.282	245.994.150.746
<i>Nguyên giá</i>	225		490.768.166.636	439.180.122.735
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(286.114.278.354)	(193.185.971.989)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	3.859.496.507	3.158.451.197
<i>Nguyên giá</i>	228		16.213.287.885	14.438.287.885
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(12.353.791.378)	(11.279.836.688)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>20.809.927.916</b>	<b>30.167.374.406</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	20.809.927.916	30.167.374.406
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>173.753.234.283</b>	<b>155.416.142.173</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	153.302.367.783	134.965.275.673
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	20.450.866.500	20.450.866.500
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>454.222.491.390</b>	<b>342.447.995.738</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	381.929.124.589	342.447.995.738
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.18	72.293.366.801	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>7.289.524.568.993</b>	<b>5.358.949.358.065</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>3.317.831.641.262</b>	<b>2.188.203.556.382</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.210.096.529.973</b>	<b>937.258.799.894</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	205.592.705.340	155.454.367.807
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.277.106.996	976.415.726
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	108.198.646.461	96.947.200.069
4. Phải trả người lao động	314		42.938.789.335	31.759.276.137
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	58.858.307.791	18.766.015.749
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	20.574.777.038	4.306.751.216
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	109.316.310.466	108.245.500.331
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	532.321.458.647	394.192.141.723
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		9.903.790.210	2.648.342.710
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	115.114.637.689	123.962.788.426
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.107.735.111.289</b>	<b>1.250.944.756.488</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.26	-	711.882.200
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	309.798.260.000	257.625.260.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	1.797.936.851.289	992.607.614.288
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>3.971.692.927.731</b>	<b>3.170.745.801.683</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.21</b>	<b>3.971.692.927.731</b>	<b>3.170.745.801.683</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.213.430.910.000	1.055.168.810.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.213.430.910.000	1.055.168.810.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		191.640.648.159	191.640.648.159
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		818.631.956.537	663.573.756.537
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.053.223.624.821	750.545.194.154
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		402.724.312.754	750.545.194.154
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		650.499.312.067	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		694.765.788.214	509.817.392.833
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>7.289.524.568.993</b>	<b>5.358.949.358.065</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Vũ Thị Thu Hằng



Trần Thị Thanh Hào



Lập, ngày 15 tháng 02 năm 2025

Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	3.992.094.957.163	2.612.689.733.658
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		3.992.094.957.163	2.612.689.733.658
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	2.725.389.313.129	2.001.623.877.610
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.266.705.644.034	611.065.856.048
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	24.555.047.728	30.163.715.884
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	118.622.192.215	83.747.240.819
Trong đó: chi phí lãi vay	23		101.192.550.766	73.375.911.674
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2b	18.337.092.110	14.949.950.128
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	210.539.354.371	125.377.657.586
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		980.436.237.286	447.054.623.655
12. Thu nhập khác	31	VI.6	7.630.036.114	14.143.023.915
13. Chi phí khác	32	VI.7	10.777.253.014	11.153.674.709
14. Lợi nhuận khác	40		(3.147.216.900)	2.989.349.206
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		977.289.020.386	450.043.972.861
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	177.062.808.922	92.218.506.647
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		800.226.211.464	357.825.466.214
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	V.21	650.499.312.067	384.900.627.280
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	V.21	149.726.899.397	(27.075.161.066)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	5.055	2.883
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	5.055	2.883

Người lập biểu

Vũ Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hào

Lập, ngày 15 tháng 02 năm 2025

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tuấn

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

### BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số	minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		977.289.020.386	450.043.972.861
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	VI.9	457.172.304.973	364.343.848.440
- Các khoản dự phòng	03	V.7	45.508.393.028	203.340.479
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3	8.525.369.100	7.279.077.230
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(12.722.164.899)	(21.761.844.839)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	101.192.550.766	73.375.911.674
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.576.965.473.354	873.484.305.845
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		234.570.335.296	21.332.303.717
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		9.349.126.607	(18.691.449.408)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		281.896.939.493	(17.172.522.862)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(50.322.482.658)	(83.784.987.359)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(83.354.724.182)	(74.974.066.385)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(117.037.200.287)	(149.738.337.984)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	270.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.20	(45.447.150.737)	(14.409.302.400)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>1.806.620.316.886</b>	<b>536.315.943.164</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2.087.945.672.607)	(866.016.761.338)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		3.190.349.556	1.449.999.999
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(70.500.000.000)	(43.890.800.152)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		84.500.000.000	111.490.081.949
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2b	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.952.137.691	20.781.702.866
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(2.060.803.185.360)</b>	<b>(776.185.776.676)</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-		22.593.900.000	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-		-	
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	1.482.598.288.903		546.149.938.722	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(453.903.235.431)		(399.185.644.653)	
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.19	(99.470.069.826)		(90.342.615.991)	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(15.960.000)		(9.762.744.200)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>929.209.023.646</b>		<b>69.452.833.878</b>	
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>675.026.155.172</b>		<b>(170.416.999.634)</b>	
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>245.416.444.931</b>		<b>415.481.021.778</b>	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.447.188.319		352.422.787	
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>921.889.788.422</b>		<b>245.416.444.931</b>	

Người lập biểu

Vũ Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hào

Lập, ngày 15 tháng 02 năm 2025

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tuấn

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Vận tải đường thủy nội địa, ven biển và viễn dương;
- Bốc xếp hàng hóa cảng biển;
- Vận tải đường bộ, hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy và dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Kết quả kinh doanh năm nay tăng so với năm trước chủ yếu từ hoạt động khai thác tàu: doanh thu khai thác tàu tăng do giá cước vận tải đường biển và giá cho thuê tàu tăng mạnh vào cuối năm.

#### 6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 08 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

#### 6a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

##### Mua công ty con

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 0412-2023/NQ-HDQT ngày 06/12/2023, Hội đồng quản trị Công ty mẹ đã thông qua việc nhận chuyển nhượng 4.638.600 cổ phần, tương đương 51,54% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Lưu Nguyễn Cái Mép từ ông Lê Phong Hiếu và bà Đỗ Thị Hải Yến với giá chuyển nhượng là 124.423.676.376 VND. Ngày 31/3/2024, Công ty đã hoàn thành thủ tục nhận chuyển nhượng.

Chi tiết về giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả của Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Lưu Nguyễn Cái Mép được mua vào ngày mua và lợi thế thương mại như sau:

	<u>Tại ngày 31/3/2024</u>
<b>Tài sản</b>	<b>89.730.427.173</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	742.238.783
Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.383.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	1.570.000.000
Chi phí trả trước ngắn hạn	6.136.364
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	12.442.114
Chi phí trả trước dài hạn	81.016.609.912
<b>Nợ phải trả</b>	<b>(7.440.000)</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	(7.440.000)

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Tại ngày 31/3/2024</u>
Giá trị hợp lý của tài sản thuần (*)	89.722.987.173
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	43.479.759.584
Giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua (a)	46.243.227.589
Giá phí hợp nhất kinh doanh (b)	124.423.676.376
Lợi thế thương mại [(b) – (a)]	78.180.448.787

(\*) Giá trị hợp lý của tài sản tại ngày mua được tạm ghi nhận theo giá trị ghi sổ, do việc định giá chưa hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tiền chi thuần để mua công ty con:

Trả bằng tiền (*)	(124.423.676.376)
Tiền và các khoản tương đương tiền của công ty con tại ngày mua	742.238.783
<b>Tiền chi thuần</b>	<b>(123.681.437.593)</b>

(\*) Là khoản tiền đã đặt cọc cho các cá nhân theo Hợp đồng đặt cọc ngày 06/12/2017 và Phụ lục hợp đồng ngày 07/5/2018.

#### 6b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất Công ty con trực tiếp

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Cảng Hải An	Tầng 1, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Cung cấp dịch vụ cảng biển	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ vận tải	54,85%	54,85%	54,85%	54,85%
Công ty TNHH Pan Hải An	Tầng 6, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ khai thác Depot	51%	51%	51%	51%
Công ty TNHH Liên doanh Zim Hải An	Tầng 02, Tòa nhà Đình Vũ Plaza thuộc Khu dịch vụ cuối tuyến Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	51%	51%	51%	51%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Lưu Nguyên Cái Mép	Tổ 13 Khu phố Thị Vải, phường Mỹ Xuân, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Bãi Container và Dịch vụ cảng	51,54%	-	51,54%	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### Công ty con gián tiếp

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An <sup>(i)</sup>	Tầng 2 tòa nhà Hải An, Km2 đường Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ đại lý	60%	60%	60%	60%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An <sup>(ii)</sup>	Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ đại lý	40,82%	40,82%	68,03%	68,03%
Công ty TNHH MTV Quản lý Hàng hải Hải An <sup>(iii)</sup>	Tầng 1, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ hàng hải	54,85%	-	54,85%	-

(i) Là Công ty con của Công ty TNHH Cảng Hải An.

(ii) Là Công ty con của Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An.

(iii) Là Công ty con của Công ty TNHH Vận tải Container Hải An.

#### 6c. Danh sách các Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	Văn phòng 3B, tầng 3, tòa B, tòa nhà Green Pearl, số 378 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	Vận tải hàng hóa	36,16%	36,16%	36,16%	36,16%
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên <sup>(*)</sup>	Lô đất KB2.11 Khu công nghiệp MP Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ vận tải	18,65%	18,65%	34%	34%

(\*) Là Công ty liên kết của Công ty con - Công ty TNHH Vận tải Container Hải An.

#### 6d. Kế hoạch thanh lý Công ty con

Theo Nghị quyết số 0806-2024/NQ-HĐQT ngày 29/6/2024, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua việc thoái vốn của Công ty tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Lưu Nguyên Cái Mép. Ngày 29/6/2024, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Lưu Nguyên Cái Mép cho 01 cá nhân với thời hạn thanh toán ban đầu là 45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Căn cứ Phụ lục hợp đồng mới nhất có hiệu lực, các bên thỏa thuận điều chỉnh thời hạn thanh toán là trong vòng 270 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, với thời hạn thanh toán cuối cùng dự kiến là ngày 26/3/2025.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

#### **7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

#### **8. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, có 653 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 617 nhân viên).

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **2. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### 3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Tập đoàn xuyên có giao dịch).

#### 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 5. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

##### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

##### *Các khoản đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

##### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### 6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là nguyên vật liệu được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Riêng đối với nhiên liệu xuất dùng cho tàu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu, chi phí bảo hiểm. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

##### *Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu*

Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

##### *Chi phí bảo hiểm*

Chi phí bảo hiểm trả trước là tiền phí bảo hiểm đã trả cho các kỳ sau. Chi phí bảo hiểm trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian bảo hiểm.

##### *Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

#### 9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

#### 10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-20
Máy móc, thiết bị	03-10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06-15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-08
Tài sản cố định hữu hình khác	04-10

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính Container là 05 năm.

#### 12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 35 năm.

##### *Chương trình phần mềm máy tính*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 3 đến 5 năm.

#### 13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 14. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

##### *Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát*

Tập đoàn ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Tập đoàn hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu.
- Doanh thu Tập đoàn được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí Tập đoàn phải gánh chịu.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### 16. Trái phiếu

##### *Trái phiếu chuyển đổi*

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của tổ chức phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành.

Trái phiếu chuyển đổi do Công ty phát hành là loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành một lượng cổ phiếu không xác định tại ngày đáo hạn (do phụ thuộc vào giá trị thị trường của cổ phiếu tại ngày đáo hạn), do đó, được kế toán như trái phiếu thường, theo quy định tại Điều 59, Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu được phản ánh theo mệnh giá. Công ty không phát sinh các khoản chiết khấu trái phiếu hoặc phụ trội trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa.

#### 17. Vốn chủ sở hữu

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### 18. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 19. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### 20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

#### 21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### 22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### 24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	4.385.804.036	4.717.598.500
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	510.503.984.386	117.548.846.431
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	407.000.000.000	123.150.000.000
<b>Cộng</b>	<b>921.889.788.422</b>	<b>245.416.444.931</b>

#### 2. Các khoản đầu tư tài chính

##### 2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (ngắn hạn)

Là tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến dưới 12 tháng, giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

##### 2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	Giá gốc	Số cuối năm Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Số đầu năm Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An <sup>(i)</sup>	1.494.000.000	35.947.622.844	37.441.622.844	1.494.000.000	32.185.376.357	33.679.376.357
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên <sup>(ii)</sup>	85.000.000.000	30.860.744.938	115.860.744.938	85.000.000.000	16.285.899.316	101.285.899.316
<b>Cộng</b>	<b>86.494.000.000</b>	<b>66.808.367.782</b>	<b>153.302.367.782</b>	<b>86.494.000.000</b>	<b>48.471.275.673</b>	<b>134.965.275.673</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Số lượng cổ phần nắm giữ và tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại các đơn vị như sau:

Tên Công ty	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	1.533.760	36,16%	1.533.760	36,16%
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	8.500.000	34,00%	8.500.000	34,00%

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong năm	Cổ tức được chia trong năm	Giá trị phần sở hữu cuối năm
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	33.679.376.357	5.315.860.887	(1.553.614.400)	37.441.622.844
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	101.285.899.316	14.574.845.623	-	115.860.744.939
<b>Cộng</b>	<b>134.965.275.673</b>	<b>19.890.706.510</b>	<b>(1.553.614.400)</b>	<b>153.302.367.783</b>

*Tình hình hoạt động của các công ty liên kết*

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

*Giao dịch với các công ty liên kết*

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	88.530.508.603	100.288.462.634
Sử dụng dịch vụ của Công ty liên kết	5.743.443.417	6.801.706.861
Bồi thường cho Công ty liên kết	-	18.364.054
Công ty liên kết chia cổ tức	1.553.760.000	2.988.000.000
Nhận vốn góp BCC từ Công ty liên kết	-	9.885.260.000
Chia lợi nhuận BCC cho Công ty liên kết	8.357.231.716	11.492.203.539
<b>Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	-	18.324.123.250
Chia lợi nhuận BCC cho Công ty liên kết	858.621.802	919.276.294
Nhận lợi nhuận BCC từ Công ty liên kết	73.753.836.670	68.887.869.843
Vay Công ty liên kết	-	25.000.000.000
Lãi vay phải trả Công ty liên kết	-	287.671.233
Chi hộ Công ty liên kết	-	45.551.688

### 2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức <sup>(i)</sup>	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Cung ứng Thuyền viên Đông Đô <sup>(ii)</sup>	450.000.000	-	450.000.000	-
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	864.000	-	864.000	-
Công ty Cổ phần MHC	2.500	-	2.500	-
<b>Cộng</b>	<b>20.450.866.500</b>	<b>-</b>	<b>20.450.866.500</b>	<b>-</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105430472 thay đổi lần thứ 11 ngày 02 tháng 11 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tập đoàn đầu tư vào Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức số tiền 20.000.000.000 VND, tương ứng 16,67% vốn điều lệ.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201796751 ngày 03 tháng 7 năm 2017 thay đổi lần thứ nhất ngày 24 tháng 5 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty Cổ phần Cung ứng Thuyền viên Đông Đô có vốn điều lệ 3.500.000.000 VND, tương đương 350.000 cổ phần. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn sở hữu 63.000 cổ phần, tương đương 18% vốn điều lệ của Công ty này, không biến động so với số đầu năm.

#### Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>30.890.246.453</b>	<b>25.274.038.701</b>
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	20.540.265.877	16.172.936.363
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	2.956.045.320	3.350.810.757
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	1.811.015.156	987.666.183
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	5.582.920.100	4.762.625.398
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>301.403.749.292</b>	<b>202.728.651.554</b>
Công ty TNHH Hapag-Lloyd Việt Nam	30.439.112.139	19.847.863.706
Gold Star Line Limited	-	17.834.334.000
Ocean Network Express Pte. Ltd.	43.122.939.604	13.756.978.179
Các khách hàng khác	227.841.697.549	151.289.475.669
<b>Cộng</b>	<b>332.293.995.745</b>	<b>228.002.690.255</b>

### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Huanghai Shipbuilding Co., Ltd. (*)	-	434.925.760.600
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Đại Phát	6.380.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại, Vận tải và Du lịch Quốc tế Vitra	4.080.516.000	-
Các nhà cung cấp khác	3.862.516.231	4.943.091.274
<b>Cộng</b>	<b>14.323.032.231</b>	<b>439.868.851.874</b>

(\*) Tạm ứng cho nhà cung cấp theo giai đoạn cho các hợp đồng đóng mới 03 tàu container tải trọng 1.800 TEU, gồm Hải An Afla, Hải An Beta và Hải An Opus. Tại ngày kết thúc niên độ, các hợp đồng đã hoàn thành và Công ty đã nhận bàn giao tàu.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ông Lê Phong Hiếu <sup>(i)</sup>	38.000.000.000	(38.000.000.000)	50.000.000.000	-

- <sup>(i)</sup> Cho vay Ông Lê Phong Hiếu theo các hợp đồng ký kết từ năm 2020 đến năm 2022, mục đích để bên vay nộp tiền thuế đất 01 lần và thực hiện các thủ tục pháp lý cho Dự án "Bãi container và dịch vụ cảng" tại xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu mà hiện nay hai bên đang hợp tác. Thời hạn cho vay 6 tháng, lãi suất 12%/năm, nợ gốc và lãi được trả 1 lần vào ngày đến hạn. Khoản vay được thế chấp bằng quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Ông Hiếu (gồm 1.136,3 m<sup>2</sup> đất thổ cư và 50,8 m<sup>2</sup> đất vườn).

Ngày 26/12/2024, Ông Hiếu đã có đơn xin Công ty gia hạn thời gian thanh toán nợ gốc cho đến khi chuyển nhượng được Dự án cho đối tác thứ ba, đồng thời, xin miễn toàn bộ nợ lãi. Hội đồng quản trị Công ty đã quyết định trích lập dự phòng 100% đối với số dư cho vay này (xem Thuyết minh V.7).

#### 6. Phải thu khác

##### 6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>77.537.158.866</b>	<b>-</b>	<b>72.494.669.837</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên – Phải thu về lợi nhuận BCC	77.338.217.071	-	72.118.465.222	-
Các khoản chi hộ	198.941.795	-	376.204.615	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>82.545.411.073</b>	<b>-</b>	<b>216.996.396.906</b>	<b>-</b>
Tạm ứng	3.477.272.705	-	4.592.598.778	-
Lãi tiền gửi dự thu	73.424.660	-	141.147.946	-
Cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-	180.000.000	-
Đặt cọc để chuyển nhượng dự án Lưu Nguyên Cái Mép <sup>(i)</sup>	-	-	124.423.676.376	-
Seacube Containers - Đặt cọc	3.466.154.268	-	3.305.413.440	-
Ký cược, ký quỹ	504.277.500	-	310.990.000	-
Doanh thu tạm tính (chưa xuất hóa đơn)	40.659.531.141	-	6.814.173.715	-
Chi phí tổn thất sự cố tàu Hai An City chờ bồi thường <sup>(ii)</sup>	31.231.275.685	-	73.925.261.495	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3.133.475.114	-	3.303.135.156	-
<b>Cộng</b>	<b>160.082.569.939</b>	<b>-</b>	<b>289.491.066.743</b>	<b>-</b>

- <sup>(i)</sup> Xem thuyết minh I.6a

- <sup>(ii)</sup> Chi tiết chi phí khắc phục sự cố, sửa chữa tàu Hai An City như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí Công ty đã chi trả	199.933.564.212	199.933.564.212
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI tạm ứng tiền bồi thường	(109.742.507.007)	(76.008.302.717)
Thu hồi phí tổn thất chung từ chủ hàng, chủ container theo phân chia từ Tổng đại lý (GA)	(18.639.610.230)	-
Ước tính chi phí tổn thất không được bồi thường (25%/tổng chi phí)	(50.000.000.000)	(50.000.000.000)

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí tổn thất chung nhận phân chia từ Marine Claims Office Of Asian (MCO) (384.235 USD)	9.679.828.710	-
<b>Số còn lại chờ bồi thường</b>	<b>31.231.275.685</b>	<b>73.925.261.495</b>

Công ty đang tiếp tục làm việc với MCO và Tổng Công ty Bảo hiểm PVI để thu hồi số tiền được bồi thường theo GA.

#### 6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>112.820.400.000</i>	<i>-</i>	<i>112.820.400.000</i>	<i>-</i>
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên (*)	112.820.400.000	-	112.820.400.000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>84.500.000</i>	<i>-</i>	<i>197.900.000</i>	<i>-</i>
Ký cược, ký quỹ	84.500.000	-	197.900.000	-
<b>Cộng</b>	<b>112.904.900.000</b>	<b>-</b>	<b>113.018.300.000</b>	<b>-</b>

- (\*) Là khoản phải thu Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên (“Bên kiểm soát”) về tiền vốn hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0122/HĐHTKD ngày 24 tháng 01 năm 2022. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu có hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành. Tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn là 44%, thời hạn hợp tác đến khi các bên hoàn thành hết nghĩa vụ theo quy định trong hợp đồng.

#### 7. Dự phòng nợ phải thu khó đòi

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ông Lê Phong Hiếu (*)	38.000.000.000	(38.000.000.000)	-	-
Navigator Marine Corp	1.966.896.091	(1.966.896.091)	1.875.682.463	(1.875.682.463)
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	414.861.768	(312.883.540)	464.036.892	(315.985.252)
<b>Cộng</b>	<b>40.381.757.859</b>	<b>(40.279.779.631)</b>	<b>2.339.719.355</b>	<b>(2.191.667.715)</b>

- (\*) Theo Nghị quyết số 0501-2025/NQ-HĐQT ngày 24/01/2025, Hội đồng quản trị Công ty thống nhất miễn tiền lãi cho vay Ông Hiếu trong giai đoạn từ ngày 01/04/2023 đến 31/12/2024 và trích lập dự phòng 100% đối với khoản gốc cho vay phải thu theo các hợp đồng cho vay từ năm 2020 đến năm 2022.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.191.667.715	1.988.327.236
Trích lập dự phòng bổ sung	38.252.945.528	203.340.479
Xử lý xóa nợ	(164.833.612)	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>40.279.779.631</b>	<b>2.191.667.715</b>

#### 8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho chủ yếu là nhiên liệu – dầu tồn trên các tàu.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 9. Chi phí trả trước

##### 9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	933.749.735	756.961.103
Chi phí bảo hiểm	6.231.949.459	5.030.047.836
Chi phí dầu nhờn	14.334.495.694	6.418.121.989
Các chi phí khác	5.021.389.520	3.571.614.819
<b>Cộng</b>	<b>26.521.584.408</b>	<b>15.776.745.747</b>

##### 9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	256.265.591	843.519.929
Tiền thuê đất (*)	275.667.509.784	200.337.437.256
Chi phí sửa chữa tài sản	10.013.416.513	15.363.167.884
Chi phí sửa chữa lên đà tàu	95.587.469.864	124.355.836.026
Các chi phí khác	404.462.837	1.548.034.643
<b>Cộng</b>	<b>381.929.124.589</b>	<b>342.447.995.738</b>

##### (\*) Tiền thuê đất bao gồm:

Công ty TNHH Pan Hải An thuê đất diện tích 154.000 m<sup>2</sup> trong Khu phi thuế quan và khu công nghiệp Nam Đình Vũ của Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Đình Vũ (nay đổi tên thành "Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Sao Đỏ") theo hợp đồng số 05.HĐTD/2017 ký ngày 25 tháng 10 năm 2017 để đầu tư xây dựng và kinh doanh kho bãi container cùng các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy chứng nhận đầu tư với tổng giá trị hợp đồng chưa bao gồm thuế GTGT 10% là 235.301.990.000 VND, thời hạn thuê từ ngày ký hợp đồng đến ngày 06 tháng 5 năm 2059.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Lưu Nguyên Cái Mép thuê đất trả tiền một lần từ ngày 30/01/2019 đến ngày 04/5/2061, diện tích 310.507,9 m<sup>2</sup>.

#### 10. Tài sản cố định thuê tài chính

Là container thuê tài chính

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	439.180.122.735	(193.185.971.989)	245.994.150.746
Thuê tài chính trong năm	51.588.043.901	-	51.588.043.901
Khấu hao trong năm	-	(92.928.306.365)	(92.928.306.365)
<b>Số cuối năm</b>	<b>490.768.166.636</b>	<b>(286.114.278.354)</b>	<b>204.653.888.282</b>

#### 11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	4.945.015.236	9.493.272.649	14.438.287.885
Mua trong năm	-	1.775.000.000	1.775.000.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>4.945.015.236</b>	<b>11.268.272.649</b>	<b>16.213.287.885</b>
Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	7.410.912.649	7.410.912.649
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2.815.362.621	8.464.474.067	11.279.836.688
Khấu hao trong năm	141.286.152	932.668.538	1.073.954.690
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.956.648.773</b>	<b>9.397.142.605</b>	<b>12.353.791.378</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	<u>2.129.652.615</u>	<u>1.028.798.582</u>	<u>3.158.451.197</u>
Số cuối năm	<u>1.988.366.463</u>	<u>1.871.130.044</u>	<u>3.859.496.507</u>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá	536.053.228.057	364.988.076.318	3.247.044.653.608	8.778.254.144	40.364.554.536	4.197.228.766.663
Số đầu năm	5.881.506.027	85.432.334.900	1.994.462.255.389	-	-	2.085.776.096.316
Mua trong năm	-	-	(3.932.025.689)	-	-	(3.932.025.689)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(4.647.357.902)	-	(445.454.545)	(5.092.812.447)
Giảm do phân loại lại	-	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>541.934.734.084</b>	<b>450.420.411.218</b>	<b>5.232.927.525.406</b>	<b>8.778.254.144</b>	<b>39.919.099.991</b>	<b>6.273.980.024.843</b>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	49.764.389.448	282.565.189.420	127.466.213.527	3.278.226.707	426.492.137	463.500.511.239
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn	219.604.191.161	305.078.749.290	774.348.567.365	5.098.572.358	24.535.262.774	1.328.665.342.948
Số đầu năm	31.292.773.044	21.262.186.507	326.571.100.839	1.599.048.334	1.964.440.603	382.689.549.327
Khấu hao trong năm	-	-	(3.759.426.627)	-	-	(3.759.426.627)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	(96.515.146)	(96.515.146)
Giảm do phân loại lại	-	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>250.896.964.205</b>	<b>326.340.935.797</b>	<b>1.097.160.241.577</b>	<b>6.697.620.692</b>	<b>26.403.188.231</b>	<b>1.707.498.950.502</b>

#### Giá trị còn lại

Số đầu năm	316.449.036.896	59.909.327.028	2.472.696.086.243	3.679.681.786	15.829.291.762	2.868.563.423.715
<b>Số cuối năm</b>	<b>291.037.769.879</b>	<b>124.079.475.421</b>	<b>4.135.767.283.829</b>	<b>2.080.633.452</b>	<b>13.515.911.760</b>	<b>4.566.481.074.341</b>

#### Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng  
Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo số sách là 4.379.760.015.155 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển vào chi phí trả trước	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định (*)	11.315.650.857	1.986.980.273.260	(1.986.636.182.470)	(11.659.741.647)	-
Xây dựng cơ bản dở dang	183.047.138	7.022.291.064	-	(7.205.338.202)	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	18.668.676.411	42.115.596.243	(15.997.252.931)	(23.977.091.807)	20.809.927.916
<b>Cộng</b>	<b>30.167.374.406</b>	<b>2.036.118.160.567</b>	<b>(2.002.633.435.401)</b>	<b>(42.842.171.656)</b>	<b>20.809.927.916</b>

(\*) Trong đó, chi phí lãi vay được vốn hóa vào giá trị con tàu hoàn thành nhận bàn giao trong năm là 8.140.057.489 VND.

#### 14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<b>14.730.843.929</b>	<b>13.401.802.815</b>
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	-	309.874.372
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	489.140.743	440.656.243
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	6.711.188.590	5.972.154.780
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	-	23.337.720
Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	7.530.514.596	6.655.779.700
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<b>190.861.861.411</b>	<b>142.052.564.992</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C	3.932.885.014	1.910.723.018
Baseblue (Asia) Limited	29.628.553.781	29.041.629.301
PT Indofuels Limited	32.344.654.089	18.714.105.314
Công ty Cổ phần Việt Đức	6.585.714.085	3.836.237.631
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vosco	3.447.764.584	3.377.129.730
Công ty TNHH Thương mại Tân Hồng	3.532.221.745	3.532.221.745
Các nhà cung cấp khác	111.390.068.113	81.640.518.253
<b>Cộng</b>	<b>205.592.705.340</b>	<b>155.454.367.807</b>

#### 15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Maersk A/S	1.124.194.752	497.064.592
SeaLead Shipping Pte. Ltd. Singapore	4.427.136.675	-
Các khách hàng khác	1.725.775.569	479.351.134
<b>Cộng</b>	<b>7.277.106.996</b>	<b>976.415.726</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng nội địa	3.077.369.321	2.439.298	43.589.125.802	(45.155.891.865)	1.508.163.960	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	53.752.434.838	(53.752.434.838)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	419.875.352	(419.875.352)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	81.520.064.286	17.837.024.245	174.710.547.394	(117.037.200.287)	100.268.814.483	120.024.039
Thuế thu nhập cá nhân	3.249.711.288	214.617	19.726.856.748	(16.742.284.950)	6.251.710.643	17.642.174
Tiền thuế đất	-	-	2.934.092.524	(2.934.092.524)	-	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	376.268.000	(376.268.000)	-	-
Thuế môn bài	-	-	21.500.000	(21.500.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	9.100.055.174	-	12.327.554.029	(21.257.651.828)	169.957.375	-
<b>Cộng</b>	<b>96.947.200.069</b>	<b>17.839.678.160</b>	<b>307.858.254.687</b>	<b>(257.697.199.644)</b>	<b>108.198.646.461</b>	<b>137.666.213</b>

#### Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Xếp dỡ cho các tàu nước ngoài, cước biển, cước tàu chạy nước ngoài, cho thuê tàu chạy tuyến nước ngoài 0%
- Cung cấp nước ngọt 5%
- Các hoạt động vận tải, xếp dỡ khác 8-10%

#### Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

##### Hoạt động khai thác cảng của Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An

Hoạt động khai thác cảng của Công ty mẹ được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm từ năm đầu doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (từ năm 2011 đến năm 2026) theo Điểm 3 phần B, điểm 1.3 và điểm 6 mục II phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thời hạn ưu đãi: Miễn thuế TNDN 04 năm kể từ năm 2011, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2015 đến năm 2023).

##### Hoạt động khai thác cảng của Công ty TNHH Pan Hải An

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 6388338018 ngày 09 tháng 10 năm 2017 do Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng cấp, Công ty TNHH Pan Hải An nộp thuế TNDN cho thu nhập từ hoạt động dịch vụ kho bãi và lưu giữ, bốc xếp hàng hóa với thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đầu tư mới có doanh thu (từ năm 2018 đến năm 2032); và được miễn thuế trong 04 năm kể từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới. Công ty TNHH Pan Hải An không có thu nhập chịu thuế trong 03 năm đầu kể từ năm đầu tiên có doanh thu (năm 2018 đến năm 2020), do đó, được miễn thuế kể từ năm thứ 04 (từ năm 2021 đến năm 2024) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2025 đến năm 2033).

#### Các hoạt động khác

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế TNDN với thuế suất 20%.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Chi tiết thuế TNDN phải nộp như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Thuế TNDN phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế</b>	<b>177.062.808.922</b>	<b>92.218.506.647</b>
Thuế TNDN phải nộp hộ các bên tham gia BCC	41.446.548.880	23.612.561.928
Thuế TNDN bên kiểm soát BCC nộp hộ	(43.798.810.409)	(18.431.957.445)
<b>Tổng thuế TNDN phải nộp</b>	<b>174.710.547.393</b>	<b>97.399.111.130</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

#### **Tiền thuê đất**

Tập đoàn phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

<u>Vi trí đất</u>	<u>Diện tích thuê</u>	<u>Mức tiền thuê (m<sup>2</sup>/ năm)</u>
<b>Đất nộp tiền thuê đất hàng năm</b>		
- Thửa đất số 4 (Dốc đê – phà Đình Vũ) thuộc quyền sử dụng của CTCP MHC	35.523,8 m <sup>2</sup>	36.210 VND
- Thửa đất số 4 (Dốc đê – phà Đình Vũ) thuộc quyền sử dụng của CTCP Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải (lô 1)	56.305 m <sup>2</sup>	19.276 VND
- Thửa đất số 4 (Dốc đê – phà Đình Vũ) thuộc quyền sử dụng của CTCP Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải (lô 2)	48.700 m <sup>2</sup>	19.208 VND
- Thửa đất số 4 (Dốc đê – phà Đình Vũ) thuộc quyền sử dụng của CTCP Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải (lô 3)	10.529 m <sup>2</sup>	12.630 VND
- Thửa đất số 4 (Dốc đê – phà Đình Vũ) thuộc quyền sử dụng của CTCP Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải (lô 3.1)	3.095 m <sup>2</sup>	14.355 VND
<b>Cộng</b>	<b>154.152,8 m<sup>2</sup></b>	

**Đất nộp tiền thuê đất trả một lần (xem thuyết minh số V.9b)**

- Khu đất phi thuế quan và Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1) thuộc quyền sử dụng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Sao Đỏ	154.000 m <sup>2</sup>	1.527.935 VND
- Khu đất tại p. Phước Hòa, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	310.507,9 m <sup>2</sup>	5.318 VND

#### **Các loại thuế khác**

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

### 17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	24.660.587.638	6.822.761.054
Chi phí môi giới	805.596.350	-
Chi phí trích trước hoạt động khai thác tàu	29.021.365.549	8.133.024.032
Chi phí thưởng thuyền viên đội tàu	2.717.870.000	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.652.888.254	3.810.230.663
<b>Cộng</b>	<b>58.858.307.791</b>	<b>18.766.015.749</b>

### 18. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là doanh thu nhận trước tiền cho thuê tàu.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 19. Phải trả khác

##### 19a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>54.571.730.610</b>	<b>73.870.951.535</b>
Phải trả về lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh	54.031.730.610	73.330.951.535
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	8.357.231.716	11.492.203.539
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	24.623.789.454	35.216.065.701
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức	21.050.709.440	26.622.682.295
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát	540.000.000	540.000.000
<b>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</b>	<b>54.744.579.856</b>	<b>34.374.548.796</b>
Kinh phí công đoàn	1.043.818.082	672.530.830
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	10.614.198	10.554.198
Các khoản thu hộ SM Line Corporation	33.968.063.425	20.948.484.834
Nhận đặt cọc, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	15.143.799.494	8.926.308.000
Cổ tức phải trả	60.885.600	76.845.600
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C - Phải trả về lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh	2.147.594.005	2.299.303.652
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.369.805.052	1.440.521.682
<b>Cộng</b>	<b>109.316.310.466</b>	<b>108.245.500.331</b>

##### 19b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận vốn góp theo các Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC"), trong đó, các công ty trong Tập đoàn là "Bên kiểm soát". Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho Bên kiểm soát và đồng ý để Bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu có hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành. Thời hạn hợp tác của hợp đồng là đến khi các bên hoàn thành hết nghĩa vụ theo quy định trong hợp đồng.

Chi tiết như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan - Vốn góp hợp tác kinh doanh BCC</b>	<b>259.798.260.000</b>	<b>207.625.260.000</b>
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	28.325.260.000	28.325.260.000
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	129.273.000.000	77.100.000.000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức	82.200.000.000	82.200.000.000
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>50.000.000.000</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C	50.000.000.000	50.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>309.798.260.000</b>	<b>257.625.260.000</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Tập đoàn góp vào BCC		Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An		Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà		Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức		Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên		Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C		Đơn vị tính: Triệu VND
	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	
Hợp đồng BCC số 66-2019 (tàu Hải An Mind)	50.000	66,67%	5.000	6,67%	10.000	13,33%	10.000	13,33%	-	-	-	75.000	
Hợp đồng BCC số 68-2020 (tàu Hải An View)	70.000	70,00%	5.000	5,00%	10.000	10,00%	15.000	15,00%	-	-	-	100.000	
Hợp đồng BCC số 02-2021 (tàu Hải An West)	99.000	90,00%	-	-	11.000	10,00%	-	0,00%	-	-	-	110.000	
Hợp đồng BCC số 03-2021 (tàu Hải An City)	157.000	64,88%	-	-	10.000	4,13%	5.000	2,07%	20.000	8,26%	50.000	242.000	
Hợp đồng BCC số 02-2022 (tàu Hải An Rose)	384.260	84,27%	8.440	1,85%	21.100	4,63%	42.200	9,25%	-	-	-	456.000	
Hợp đồng BCC số 01-2024 (tàu Hải An Alfa)	317.631	96,98%	9.885	3,02%	-	-	-	-	-	-	-	327.516	
Hợp đồng BCC số 48 (tàu Hải An Bell)	65.000	81,25%	-	-	10.000	12,50%	5.000	6,25%	-	-	-	80.000	
Hợp đồng BCC số 0101-2021 (tàu Hải An East)	90.000	90,00%	-	-	5.000	5,00%	5.000	5,00%	-	-	-	100.000	
Hợp đồng BCC số 01-2024 (tàu Hải An Onpus)	295.647	85,00%	-	-	52.173	15%	-	-	-	-	-	347.820	
	<b>1.528.538</b>		<b>28.325</b>		<b>129.273</b>		<b>82.200</b>		<b>20.000</b>		<b>50.000</b>	<b>1.838.336</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****20. Vay và nợ thuê tài chính****20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>	<b>71.100.602.075</b>	<b>70.380.344.181</b>
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội <sup>(i)</sup>	62.000.602.075	59.741.828.002
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng <sup>(ii)</sup>	9.100.000.000	10.638.516.179
<b>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)</b>	<b>356.839.148.099</b>	<b>230.618.191.102</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	263.078.678.000	210.787.031.102
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội	83.540.070.099	-
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính	-	10.063.160.000
Pantos Holding Incorporation	10.220.400.000	9.768.000.000
<b>Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)</b>	<b>104.381.708.473</b>	<b>93.193.606.440</b>
Cai International, INC	42.878.312.278	45.081.859.680
Seaco Global Limited	14.632.674.435	14.023.282.680
Seacube Containers	25.066.265.591	13.192.074.720
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Sao Á D.C	21.804.456.169	20.896.389.360
<b>Cộng</b>	<b><u>532.321.458.647</u></b>	<b><u>394.192.141.723</u></b>

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội để tài trợ nhu cầu vốn lưu động, với thời hạn vay tối đa là 04 tháng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng có hạn mức vay là 40.000.000.000 VND để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong ngắn hạn, thời hạn vay là 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Vay ngắn hạn ngân hàng</u>	<u>Vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Nợ thuê tài chính</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	70.380.344.181	230.618.191.102	93.193.606.440	394.192.141.723
Số tiền vay phát sinh trong năm	154.924.527.158	-	-	154.924.527.158
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	398.862.430.868	108.415.368.667	507.277.799.535
Tăng khác (do CLTG)	-	452.400.000	2.242.803.192	2.695.203.192
Số tiền vay đã trả trong năm	(154.204.269.264)	(273.093.873.871)	(99.470.069.826)	(526.768.212.961)
Số cuối năm	<b><u>71.100.602.075</u></b>	<b><u>356.839.148.099</u></b>	<b><u>104.381.708.473</u></b>	<b><u>532.321.458.647</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****20b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Vay dài hạn ngân hàng</b>	<b>1.182.488.985.625</b>	<b>775.363.472.476</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng <sup>(i)</sup>	797.274.632.180	770.331.902.476
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội <sup>(ii)</sup>	385.214.353.445	-
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính	-	5.031.570.000
<b>Vay dài hạn các tổ chức khác</b>	<b>-</b>	<b>45.348.212.365</b>
Pantos Holding Incorporation	-	9.768.000.000
Zim Intergrated Shipping Services Ltd	-	35.580.212.365
<b>Nợ thuê tài chính <sup>(iii)</sup></b>	<b>123.927.835.362</b>	<b>171.895.929.447</b>
Cai International, INC	37.932.120.315	76.342.463.340
Seaco Global Limited	12.026.393.227	25.479.019.698
Seacube Containers	45.033.332.494	21.579.996.247
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Sao Á D.C	28.935.989.326	48.494.450.162
<b>Trái phiếu chuyển đổi dài hạn <sup>(iv)</sup></b>	<b>491.520.030.302</b>	<b>-</b>
Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI	80.000.000.000	-
Daiwa - Ssiam Vietnam Growth Fund III L.P	113.000.000.000	-
Japan South East Asia Finance Fund III L.P	167.000.000.000	-
Vietnam Growth Investment Fund L.P	140.000.000.000	-
Chi phí phát hành trái phiếu	(8.479.969.698)	-
<b>Cộng</b>	<b>1.797.936.851.289</b>	<b>992.607.614.288</b>

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

<sup>(i)</sup> Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng theo các hợp đồng sau:

<u>Năm ký hợp đồng</u>	<u>Mục đích vay/Hạn mức</u>	<u>Thời hạn</u>
Năm 2021	Mua tàu biển Hải An West, số tiền 84.378.240.000 VND	60 tháng
Năm 2022	Đầu tư dự án tàu container Marine Bia (Hải An City), số tiền 341.950.000.000 VND	60 tháng
Năm 2022	Đầu tư dự án tàu container A Kibo (Hải An Rose), số tiền 280.000.000.000 VND	60 tháng
Năm 2023	Đầu tư Dự án đóng mới tàu container thân tàu số HCY-265 (Hải An Alfa), số tiền 333.788.000.000 VND	96 tháng
Năm 2024	Đầu tư Dự án tàu container TORO (Hải An Gama), số tiền 312.500.000.000 VND	60 tháng
Năm 2018	Đầu tư thực hiện Dự án Logistics Pantos- Hải An, số tiền vay tối đa là 300.000.000.000 VND	120 tháng
Năm 2021	Tài trợ chi phí đầu tư phương tiện, thiết bị nâng cao năng lực khai thác kho; số tiền vay tối đa là 13.404.000.000 VND	60 tháng

Các khoản vay này có thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay lần đầu, lịch trả nợ gốc và lãi 03 tháng/lần sau thời gian ân hạn quy định trong hợp đồng tín dụng. Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (ii) Vay Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam), chi nhánh Hà Nội theo các hợp đồng:
- + Hợp đồng vay năm 2024 để tài trợ chi phí mua tàu biển 1.800TEU, số tiền cho vay là 414.300.000.000 VND, thời hạn cho vay là 48 tháng.
  - + Hợp đồng vay năm 2023 để tài trợ chi phí cho việc bảo trì, nâng cấp và cải tạo Cảng Hải An, số tiền cho vay lên đến 70.600.000.000 VND, thời hạn cho vay là 36 tháng.
- Tài sản đảm bảo cho hai hợp đồng là tàu biển hình thành trong tương lai và tàu biển Hai An Mind.
- (iii) Thuê tài chính theo các hợp đồng ký từ năm 2021 đến năm 2024, tài sản thuê là các container. Các hợp đồng đều có thời hạn thuê 5 năm kể từ ngày giao container. Sau thời hạn thuê, bên thuê sẽ mua lại toàn bộ lô container với giá 1 USD/cont.
- (iv) Trong năm, Công ty đã phát hành trái phiếu chuyển đổi cho một số nhà đầu tư để đầu tư đóng tàu mới phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 0206-2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 06 năm 2023. Trái phiếu chuyển đổi của Công ty là trái phiếu có thể chuyển đổi thành một lượng cổ phiếu không xác định tại ngày đáo hạn (do phụ thuộc vào giá trị thị trường của cổ phiếu tại ngày đáo hạn). Thông tin chi tiết về trái phiếu chuyển đổi này như sau:

- Thời điểm phát hành	: 02/02/2024
- Kỳ hạn gốc	: 05 năm
- Ngày đáo hạn	: 02/02/2029
- Số lượng trái phiếu phát hành	: 500 trái phiếu
- Mệnh giá	: 1.000.000.000 VND/trái phiếu
- Lãi suất	: 6%/năm
- Tài sản đảm bảo	: Một tàu biển thuộc sở hữu của Công ty TNHH Vận tải Container Hải An – Công ty con của tổ chức phát hành theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển số HP-CON-002314-2 ngày 04/7/2017 do Chi cục hàng hải Việt Nam cấp. Tổ chức phát hành cam kết sử dụng một tàu đóng mới thuộc sở hữu của tổ chức phát hành hình thành trong tương lai, được HAH đặt đóng mới theo Hợp đồng đóng tàu số HC2021-19 ký ngày 04/8/2021 giữa HAH và Huanghai Shipbuilding Co.,Ltd (gọi tắt là Tàu HCY-266) làm tài sản bảo đảm hình thành trong tương lai để thay thế cho tài sản bảo đảm tại ngày phát hành ngày sau khi tàu HCY-266 đủ điều kiện đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<b>Tổng nợ</b>	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>
<b>Số cuối năm</b>				
Vay dài hạn ngân hàng	1.529.107.733.724	346.618.748.099	1.097.959.785.625	84.529.200.000
Vay dài hạn các tổ chức khác	10.220.400.000	10.220.400.000	-	-
Nợ thuê tài chính	228.309.543.835	104.381.708.473	123.927.835.362	-
Trái phiếu chuyển đổi	491.520.030.302	-	491.520.030.302	-
<b>Cộng</b>	<b>2.259.157.707.861</b>	<b>461.220.856.572</b>	<b>1.713.407.651.289</b>	<b>84.529.200.000</b>

**Số đầu năm**

Vay dài hạn ngân hàng	996.213.663.578	220.850.191.102	648.569.672.476	126.793.800.000
Vay dài hạn các tổ chức khác	55.116.212.365	9.768.000.000	45.348.212.365	-
Nợ thuê tài chính	265.089.535.887	93.193.606.440	171.895.929.447	-
Trái phiếu chuyển đổi	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.316.419.411.830</b>	<b>323.811.797.542</b>	<b>865.813.814.288</b>	<b>126.793.800.000</b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<b>Vay ngân hàng</b>	<b>Vay các tổ chức khác</b>	<b>Nợ thuê tài chính</b>	<b>Trái phiếu chuyển đổi dài hạn</b>	<b>Cộng</b>
Số đầu năm	775.363.472.476	45.348.212.365	171.895.929.447	-	992.607.614.288
Số tiền vay phát sinh	785.380.923.544	-	51.588.043.901	489.616.363.636	1.326.585.331.081
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	-	-	-	1.903.666.666	1.903.666.666
Số tiền vay đã trả trong năm	(26.605.092.296)	-	-	-	(26.605.092.296)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(351.650.318.099)	(47.212.112.769)	(108.415.368.667)	-	(507.277.799.535)
CLTG do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm	-	1.863.900.404	8.859.230.681	-	10.723.131.085
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.182.488.985.625</b>	<b>-</b>	<b>123.927.835.362</b>	<b>491.520.030.302</b>	<b>1.797.936.851.289</b>

**21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<b>Số đầu năm</b>	<b>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</b>	<b>Chi quỹ trong năm</b>	<b>Số cuối năm</b>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	89.596.543.992	21.811.000.000	(33.571.950.737)	77.835.593.255
Quỹ Hội đồng quản trị	34.366.244.434	14.788.000.000	(11.875.200.000)	37.279.044.434
<b>Cộng</b>	<b>123.962.788.426</b>	<b>36.599.000.000</b>	<b>(45.447.150.737)</b>	<b>115.114.637.689</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

## 22. Vốn chủ sở hữu

### 22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	703.446.670.000	191.640.648.159	390.548.782.590	1.025.370.124.082	575.914.480.623	2.886.920.705.454
Tăng giảm khác	-	-	3.285.646.460	21.813.830.758	(25.099.477.218)	-
Phân loại lại	-	-	306.139.500	(306.139.500)	-	-
Công ty con phát hành cổ phiếu	-	-	-	-	22.593.900.000	22.593.900.000
Công ty mẹ chia cổ tức bằng cổ phiếu	351.722.140.000	-	-	(351.722.140.000)	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	269.433.187.987	(329.511.108.466)	(27.075.161.066)	357.825.466.214
Trích quỹ trong năm	-	-	-	(25.995.907.000)	(10.520.442.506)	(70.598.362.985)
Công ty con chia cổ tức	-	-	-	-	(25.995.907.000)	(25.995.907.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>1.055.168.810.000</b>	<b>191.640.648.159</b>	<b>663.573.756.537</b>	<b>750.545.194.154</b>	<b>509.817.392.833</b>	<b>3.170.745.801.683</b>
Số dư đầu năm nay	1.055.168.810.000	191.640.648.159	663.573.756.537	750.545.194.154	509.817.392.833	3.170.745.801.683
Phân loại lại	-	-	-	1.241.637.200	(1.241.637.200)	-
Công ty mẹ chia cổ tức bằng cổ phiếu	158.262.100.000	-	-	(158.262.100.000)	-	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	43.479.759.584	43.479.759.584
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	650.499.312.067	149.726.899.397	800.226.211.464
Công ty mẹ trích quỹ	-	-	147.881.000.000	(182.386.000.000)	-	(34.505.000.000)
Công ty con trích quỹ	-	-	7.177.200.000	(8.414.418.600)	(856.781.400)	(2.094.000.000)
Công ty con chia cổ tức	-	-	-	-	(6.159.845.000)	(6.159.845.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>1.213.430.910.000</b>	<b>191.640.648.159</b>	<b>818.631.956.537</b>	<b>1.053.223.624.821</b>	<b>694.765.788.214</b>	<b>3.971.692.927.731</b>

### 22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của Chủ sở hữu	1.213.430.910.000	1.055.168.810.000
Thặng dư vốn cổ phần	191.640.648.159	191.640.648.159
<b>Cộng</b>	<b>1.405.071.558.159</b>	<b>1.246.809.458.159</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 22c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	121.343.091	105.516.881
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	121.343.091	105.516.881
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	121.343.091	105.516.881

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

#### 22d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty mẹ đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 0204-2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 như sau:

VND

- Trích quỹ đầu tư phát triển (30% lợi nhuận sau thuế) : 147.881.000.000
- Trích quỹ hội đồng quản trị (3% lợi nhuận sau thuế) : 14.788.000.000
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (4% lợi nhuận sau thuế) : 19.717.000.000

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 cũng đã thông qua quyết định trả cổ tức năm 2023 là 15% cổ tức bằng cổ phiếu.

Ngày 06/5/2024, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 0205-2024/NQ-HĐQT thông qua việc tiến hành các thủ tục để chi trả cổ tức bằng cổ phiếu. Theo Văn bản số 4079/UBCK-QLCB ngày 01/7/2024, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã nhận được tài liệu báo cáo Báo cáo Kết quả số 1706-2024/BC-HAH ngày 27/6/2024 về việc Công ty đã hoàn thành việc phát hành 15.826.210 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023. Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 17 ngày 05/7/2024 về việc tăng vốn điều lệ.

Trong năm, Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 2003/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 03 năm 2024 như sau:

VND

- Chia cổ tức cho các cổ đông bằng tiền (5% vốn góp của chủ sở hữu) : 500.000.000  
*Trong đó: Lợi ích của cổ đông không kiểm soát* : 159.845.000
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (1% vốn góp của chủ sở hữu) : 100.000.000

Trong năm, Công ty TNHH Đại lý và Tiếp Vận Hải An đã phân phối lợi nhuận theo Biên bản họp hội đồng thành viên 2024 số 0107/BB-HĐTV ngày 01 tháng 07 năm 2024 như sau:

VND

- Chi trả LN năm 2023 cho các bên góp vốn (20% vốn góp) : 15.000.000.000  
*Trong đó: Lợi ích của cổ đông không kiểm soát* : 6.000.000.000
- Trích quỹ đầu tư phát triển (30% LNST tại ngày 31/12/2023) : 11.962.000.000
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (5% LNST tại ngày 31/12/2023) : 1.994.000.000

#### 23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

##### 23a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	3.484.491.573	3.484.491.573
Trên 1 năm đến 5 năm	13.937.966.292	13.937.966.292
Trên 5 năm	32.869.987.256	36.354.478.829
<b>Cộng</b>	<b><u>50.292.445.121</u></b>	<b><u>53.776.936.694</u></b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên thể hiện tiền thuê tổng diện tích đất 154.152,8 m<sup>2</sup> do Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An sử dụng dưới hình thức thuê hoạt động (xem thuyết minh số V.16).

### 23b. Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ (USD)	12.826.443,13	2.008.339,44
Euro (EUR)	248,30	258,61

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động khai thác tàu	3.192.001.367.727	2.194.867.331.223
Doanh thu hoạt động khai thác cảng	262.419.743.046	199.290.933.319
Doanh thu hoạt động khác	537.673.846.390	218.531.469.116
<b>Cộng</b>	<b>3.992.094.957.163</b>	<b>2.612.689.733.658</b>

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	8.007.735.068	10.103.215.200
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	26.282.654.931	27.226.926.617
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại TP. Hồ Chí Minh	125.085.927	698.123.922

### 2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hoạt động khai thác tàu	2.226.583.197.540	1.760.347.597.744
Giá vốn của hoạt động khai thác cảng	173.160.618.611	51.490.556.070
Giá vốn của hoạt động khác	325.645.496.978	189.785.723.796
<b>Cộng</b>	<b>2.725.389.313.129</b>	<b>2.001.623.877.610</b>

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	6.053.752.751	13.491.862.899
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	761.834.510	211.833.047
Lãi tiền cho vay	696.901.654	2.183.287.672
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.953.760.000	5.168.044.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	14.082.199.957	8.962.952.219
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	6.598.856	145.736.047
<b>Cộng</b>	<b>24.555.047.728</b>	<b>30.163.715.884</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	101.192.550.766	73.375.911.674
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	1.373.319.648	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh	7.524.353.845	2.946.515.868
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	8.531.967.956	7.424.813.277
<b>Cộng</b>	<b><u>118.622.192.215</u></b>	<b><u>83.747.240.819</u></b>

#### 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	101.267.919.980	78.667.929.670
Chi phí vật liệu quản lý	2.168.744.830	2.088.435.967
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.582.679.473	2.682.028.564
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.688.811.424	2.654.397.265
Thuế, phí và lệ phí	200.520.261	146.834.699
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi	38.252.945.528	203.340.479
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.192.337.000	8.928.670.819
Các chi phí khác	44.185.395.875	30.006.020.123
<b>Cộng</b>	<b><u>210.539.354.371</u></b>	<b><u>125.377.657.586</u></b>

#### 6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	3.017.750.494	918.650.268
Tiền hỗ trợ tàu cập cảng	-	9.450.000.000
Tiền thưởng	2.612.502.939	2.092.776.452
Tiền bồi thường	159.151.216	785.170.691
Thu nhập khác	1.840.631.465	896.426.504
<b>Cộng</b>	<b><u>7.630.036.114</u></b>	<b><u>14.143.023.915</u></b>

#### 7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phạt vi phạm lĩnh vực hành chính	-	257.832.725
Tiền bồi thường	1.298.184.892	474.040.560
Thuế bị phạt, bị truy thu	7.538.672.736	10.052.938.796
Chi phí khác	1.940.395.386	368.862.628
<b>Cộng</b>	<b><u>10.777.253.014</u></b>	<b><u>11.153.674.709</u></b>

#### 8. Lãi trên cổ phiếu

##### 8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	650.499.312.067	384.900.627.280
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi <sup>(i)</sup>	(22.070.000.000)	(20.276.636.000)
Trích quỹ Hội đồng quản trị	(14.982.000.000)	(14.788.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	613.447.312.067	349.835.991.280
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	121.343.091	121.343.091
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b><u>5.055</u></b>	<b><u>2.883</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (i) Để phục vụ mục đích trình bày chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm nay, quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ Hội đồng quản trị được tạm tính theo tỷ lệ lần lượt là 4% và 3% lợi nhuận sau thuế năm nay của Công ty mẹ và mức trích quỹ tại các Công ty con. Tỷ lệ này được xác định theo mức trích của năm 2023.

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	105.516.881	70.344.667
Ảnh hưởng của trả cổ tức bằng cổ phiếu ngày 08/8/2023	-	35.172.214
Ảnh hưởng của trả cổ tức bằng cổ phiếu ngày 26/6/2024	15.826.210	15.826.210
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b><u>121.343.091</u></b>	<b><u>121.343.091</u></b>

#### 8b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước đã được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của các sự kiện: (i) Ngày 26/6/2024, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thông qua việc trả cổ tức năm 2023 bằng cổ phiếu; và (ii) Xác định lại số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ Hội đồng quản trị theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2024. Các điều chỉnh này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước giảm từ 3.315 VND xuống còn 2.883 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

#### 9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	975.260.071.763	813.534.524.865
Chi phí nhân công	359.999.081.128	263.155.236.027
Chi phí khấu hao tài sản cố định (*)	457.172.304.973	364.343.848.440
Chi phí thuê đất	5.669.927.472	5.669.927.472
Chi phí dịch vụ mua ngoài	838.195.890.965	462.539.325.764
Chi phí khác	299.631.391.199	217.758.672.628
<b>Cộng</b>	<b><u>2.935.928.667.500</u></b>	<b><u>2.127.001.535.196</u></b>

- (\*) Chi tiết chi phí khấu hao tài sản cố định như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Khấu hao TSCĐ do Tập đoàn quản lý và sử dụng	482.578.892.368	376.205.106.856
Chi phí khấu hao Tập đoàn phân chia cho các đơn vị tham gia BCC	(128.246.147.694)	(35.425.238.754)
Chi phí khấu hao nhận phân chia từ Bên kiểm soát BCC	102.839.560.299	23.563.980.338
<b>Cộng</b>	<b><u>457.172.304.973</u></b>	<b><u>364.343.848.440</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

### Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm, Tập đoàn phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm nay	Năm trước
Mua tài sản thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	51.588.043.901	-

## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.6a và V.18a.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

		Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Phụ cấp khác	Cộng thu nhập
<b>Năm nay</b>						
Ông Vũ Thanh Hải	Chủ tịch HĐQT	1.810.269.966	1.628.224.000	120.000.000	-	3.558.493.966
Bà Trần Thị Hải Yến	Thành viên HĐQT	-	90.000.000	120.000.000	-	210.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc	1.405.640.691	1.417.710.900	120.000.000	-	2.943.351.591
Ông Phạm Quang Khánh	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	970.293.600	1.030.749.844	120.000.000	-	2.121.043.444
Ông Nguyễn Đức Kiên	Thành viên HĐQT	-	50.000.000	120.000.000	-	170.000.000
Ông Nguyễn Văn Trúc	Thành viên HĐQT	-	50.000.000	120.000.000	-	170.000.000
Ông Lê Anh Minh	Thành viên HĐQT (Từ 26/4/2024)	-	-	20.000.000	-	20.000.000
Ông Trần Tiến Dũng	Thành viên HĐQT (Đến 26/4/2024)	-	50.000.000	100.000.000	-	150.000.000
Ông Vũ Doãn Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	947.715.935	742.257.000	-	-	1.689.972.935
Bà Nguyễn Thị Thanh Tú	Trưởng BKS	60.000.000	176.089.000	60.000.000	-	296.089.000
Bà Trần Thị Thơm	Thành viên BKS	-	37.000.000	60.000.000	-	97.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên BKS (Từ 26/4/2024)	-	-	10.000.000	-	10.000.000
Ông Bùi Việt Phương	Thành viên BKS (Đến 26/4/2024)	-	18.000.000	50.000.000	-	68.000.000
Bà Trần Thị Thanh Hào	Kế toán trưởng	732.418.411	698.357.923	-	-	1.430.776.334
<b>Cộng (*)</b>		<b>5.926.338.603</b>	<b>5.988.388.667</b>	<b>1.020.000.000</b>	<b>-</b>	<b>12.934.727.270</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

		Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Phụ cấp khác	Cộng thu nhập
Năm trước						
Ông Vũ Thanh Hải	Chủ tịch HĐQT (từ 20/6/2023) Thành viên HĐQT/TGD (đến 20/6/2023)	1.537.720.000	1.126.867.406	120.000.000	-	2.784.587.406
Ông Vũ Ngọc Sơn	Chủ tịch HĐQT (đến 20/6/2023)	1.658.904.615	2.355.945.940	120.000.000	-	4.134.850.555
Bà Trần Thị Hải Yến	Thành viên HĐQT Thành viên HĐQT	-	290.000.000	120.000.000	-	410.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Tổng Giám đốc (từ 20/6/2023) Phó Tổng Giám đốc (đến 20/6/2023)	1.189.573.600	1.216.931.060	120.000.000	-	2.526.504.660
Ông Phạm Quang Khánh	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc (từ 20/6/2023)	970.293.600	493.105.729	-	-	1.463.399.329
Bà Nguyễn Thị Vân	Thành viên HĐQT	406.800.000	455.130.000	120.000.000	28.930.000	1.010.860.000
Ông Trần Quang Tiến	Thành viên HĐQT	-	290.000.000	120.000.000	-	410.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Tú	Trưởng BKS	-	104.000.000	60.000.000	-	164.000.000
Bà Trần Thị Thơm	Thành viên BKS	-	66.000.000	60.000.000	-	126.000.000
Ông Nguyễn Xuân Lộc	Thành viên BKS (đến 20/6/2023)	334.104.245	142.399.800	60.000.000	-	536.504.045
Ông Vũ Doãn Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	924.570.000	455.690.609	-	-	1.380.260.609
Bà Trần Thị Thanh Hào	Kế toán trưởng	643.531.489	327.354.088	-	-	970.885.577
<b>Cộng (*)</b>		<b>7.665.497.549</b>	<b>7.323.424.632</b>	<b>900.000.000</b>	<b>28.930.000</b>	<b>15.917.852.181</b>

(\*) Tập đoàn trình bày thù lao thành viên quản lý chủ chốt theo số thực chi. Các thành viên quản lý chủ chốt mới được bổ nhiệm trong năm 2024 sẽ được chi trả thù lao vào năm 2025.

#### 1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Vận tải HAFT	Công ty con của công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	Cổ đông lớn/ Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH "K" Line Logistic (Việt Nam) Ltd.	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư Con Cưng	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác kho lạnh DKP	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

#### Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên kết trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà</b>		
Sử dụng dịch vụ cho thuê văn phòng	3.655.448.323	4.083.175.833
Nhận vốn góp BCC từ bên liên quan	52.173.000.000	-
Chia lợi nhuận BCC cho bên liên quan	30.974.503.963	35.209.344.929
<b>Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức</b>		
Tập đoàn chi trả lợi nhuận cho thành viên góp vốn	3.663.723.058	9.727.046.500
Sử dụng dịch vụ đại lý	36.198.217.191	-
Chia lợi nhuận BCC cho bên liên quan	21.050.709.440	26.615.961.529
Bên liên quan chia cổ tức cho tập đoàn	1.400.000.000	2.000.000.000
<b>Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng</b>		
Sử dụng dịch vụ khai thác cảng	55.386.000	76.800.705
<b>Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức</b>		
Sử dụng dịch vụ vận chuyên	38.743.256.021	33.987.179.662

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.6, V.14, V.16 và V.18.

## 2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

### 2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 1: Hoạt động khai thác tàu.
- Lĩnh vực 2: Hoạt động khai thác cảng.
- Lĩnh vực 3: Hoạt động khác (gồm vận tải đường bộ, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản...).

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	Hoạt động khai thác tàu	Hoạt động khai thác cảng	Các lĩnh vực khác	Cộng
<b>Năm nay</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	3.192.001.367.727	262.419.743.046	537.673.846.390	3.992.094.957.163
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>3.192.001.367.727</b>	<b>262.419.743.046</b>	<b>537.673.846.390</b>	<b>3.992.094.957.163</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	965.418.170.187	89.259.124.435	212.028.349.412	1.266.705.644.034
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(210.539.354.371)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				1.056.166.289.663
Doanh thu hoạt động tài chính				24.555.047.728
Chi phí tài chính				(118.622.192.215)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				18.337.092.110
Thu nhập khác				7.630.036.114
Chi phí khác				(10.777.253.014)
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(177.062.808.922)
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>				<b>800.226.211.464</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và các TS dài hạn khác</b>	<b>2.151.785.348.457</b>	<b>30.984.072.152</b>	<b>13.788.504.964</b>	<b>2.196.557.925.573</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>500.567.753.481</b>	<b>29.319.097.765</b>	<b>33.927.800.165</b>	<b>563.814.651.411</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Năm trước</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.194.867.331.223	199.290.933.319	218.531.469.116	2.612.689.733.658
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>2.194.867.331.223</b>	<b>199.290.933.319</b>	<b>218.531.469.116</b>	<b>2.612.689.733.658</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	434.519.733.479	147.800.377.249	28.745.745.320	611.065.856.048
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(125.377.657.586)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				485.688.198.462
Doanh thu hoạt động tài chính				30.163.715.884
Chi phí tài chính				(83.747.240.819)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				14.949.950.128
Thu nhập khác				14.143.023.915
Chi phí khác				(11.153.674.709)
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(92.218.506.647)
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>				<b>357.825.466.214</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và các TS dài hạn khác</b>	<b>839.039.052.648</b>	<b>55.035.434.544</b>	<b>12.059.986.970</b>	<b>906.134.474.162</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>382.432.120.680</b>	<b>27.767.835.448</b>	<b>34.675.665.516</b>	<b>444.875.621.644</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Hoạt động khai thác tàu	Hoạt động khai thác cảng	Các lĩnh vực khác	Cộng
<b>Số cuối năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	5.226.860.853.609	454.829.043.802	843.677.821.057	6.525.367.718.468
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				764.156.850.525
<b>Tổng tài sản</b>				<b>7.289.524.568.993</b>
<b>Nợ phải trả</b>				
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	2.766.425.035.948	143.068.795.397	230.141.425.279	3.139.635.256.624
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				178.178.742.464
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>3.317.813.999.088</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	3.780.612.015.116	197.066.256.250	685.411.704.802	4.663.089.976.168
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				695.859.381.897
<b>Tổng tài sản</b>				<b>5.358.949.358.065</b>
<b>Nợ phải trả</b>				
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.681.303.646.380	45.780.615.787	235.190.121.693	1.962.274.383.860
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				225.929.172.522
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>2.188.203.556.382</b>

### 2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

### 3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 24/01/2025, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua các Nghị quyết bao gồm:

- Nghị quyết số 0201-2025/NQ-HĐQT về việc tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH Cảng Hải An - Công ty con do Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ, với số vốn tăng từ 30 tỷ VND lên 100 tỷ VND;
- Nghị quyết số 0301-2025/NQ-HĐQT về việc Công ty TNHH Cảng Hải An nhận chuyển nhượng phần vốn góp tương đương 15% vốn điều lệ của Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An từ ông Vũ Ngọc Sơn. Theo đó, sau khi hoàn tất việc nhận chuyển nhượng, Công ty TNHH Cảng Hải An sẽ sở hữu phần vốn góp tương đương 75% vốn điều lệ Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty TNHH Cảng Hải An đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ và nhận chuyển nhượng phần vốn góp tương đương 15% vốn điều lệ của Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An.

Ngày 03/02/2025, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua Nghị quyết số 0202-2025/NQ-HĐQT về việc mua tàu ATOUT theo Hợp đồng mua bán ngày 16/01/2025, giá mua 19,500,000 USD. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty đang tiến hành hoàn thiện thủ tục nhận bàn giao tàu.

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập, ngày 15 tháng 02 năm 2025

Người lập biên



Vũ Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Hào

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tuấn

